

TRẦN TRỌNG KIM

# VƯƠNG DƯƠNG-MINH

Loại  
BIÊN  
KHẢO  
VĂN  
KHOA



TÂN-VIỆT XUẤT-BẢN

THẾ-HỆ



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : VƯƠNG DƯƠNG MINH

Tác giả : TRẦN TRỌNG KIM

Nhà xuất bản : TÂN-VIỆT

Năm xuất bản : 1960

-----

Nguồn sách : [tusachtiengviet.com](http://tusachtiengviet.com)

Đánh máy : ĐỖ HẰNG

Kiểm tra chính tả : Nguyễn Hoàng Sơn,  
Vũ Thị Diễm Tuyết, Nguyễn Thanh Hải,  
Trương Thu Trang

Biên tập chữ Hán – Nôm : Blue

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 11/07/2018

Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỔ HÓA 1000  
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-  
4U.ORG

Cảm ơn tác giả TRẦN TRỌNG KIM và nhà xuất bản TÂN-VIỆT đã  
chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.

# **MỤC LỤC**

**MẤY LỜI NGỎ CÙNG ĐỘC-GIẢ**

**VƯƠNG DƯƠNG-MINH LÚC THIẾU THỜI**

**CÔNG-NGHIỆP CỦA VƯƠNG DƯƠNG-MINH**

**SỰ HỌC-TẬP CỦA VƯƠNG DƯƠNG-MINH**

**HỌC-THUYẾT CỦA VƯƠNG DƯƠNG-MINH**

**ĐẠO CÓ MỘT MÀ THÔI**

**TÂM**

**TÂM-HỌC**

**SỰ GIẢNG-DẠY CỦA DƯƠNG-MINH**

**TRI HÀNH HỢP NHẤT**

**TRÍ LƯƠNG-TRI**

**CÁI TÔNG-CHỈ TRÍ LƯƠNG-TRI**

**GIÁO-ĐIỂN CỦA DƯƠNG-MINH**

**HUẤN-MÔNG ĐẠI Ý**

**TỔNG-LUẬN CÁI HỌC-THUYẾT CỦA VƯƠNG DƯƠNG-MINH**

**CÁC MÔN-PHÁI CỦA VƯƠNG DƯƠNG-MINH HỌC**

**1. CHIẾT TRUNG VƯƠNG-MÔN 浙中王門**

**2. GIANG HỮU VƯƠNG-MÔN 河右王門**

**3. NAM-TRUNG VƯƠNG-MÔN 南中王門**

**4. SỞ-TRUNG VƯƠNG-MÔN 楚中王門**

**5. BẮC-PHƯƠNG VƯƠNG-MÔN 北方王門**

**6. VIỆT-MÂN VƯƠNG-MÔN 粵閩王門**

**7. CHỈ TU 止修**

**8. THÁI-CHÂU 泰州**

**9. LƯU TÔNG-CHU**

10. HOÀNG TÔNG-HY  
VƯƠNG DƯƠNG-MINH-HỌC Ở NHẬT-BẢN

**TRẦN TRỌNG KIM**  
**VƯƠNG DƯƠNG-MINH**  
**Loại BIÊN KHẢO – VĂN KHOA**  
**TÂN-VIỆT XUẤT-BẢN**

# MẤY LỜI NGỎ CÙNG ĐỘC-GIẢ

Cái học Trí lương-tri của Vương Dương-minh đã nói ở trong sách Nho-giáo toàn tập, nhưng vì sách ấy xét cái uyên-nguyên của Nho-giáo từ đời thượng-cổ tới ngày nay và kể hết sự biến-thiên về đạo-thống trải qua đời Tần Hán, Tùy Đường, Tống Nguyên, Minh Thanh v.v..., thành ra liên-miên có nhiều học-thuyết và học-phái trong các thời-đại, độc-giả xem sách ấy có khi không để ý mà xét một học-thuyết nào cho kỹ-lưỡng. Chúng tôi thấy một cái học có giá-trị về đường tư-tưởng và đường thực-hành như cái học của Vương Dương-minh lẽ nào lại để thờ-ơ mà không suy-xét cho tường-tận. Vậy nên chúng tôi trích ra và thu lại làm một quyển rồi in riêng ra để ai muốn chuyên xem cái học ấy thì có sẵn mà xem cho tiện.

Cái học của Vương Dương-minh chính là cái học tâm-truyền của Khổng Mạnh và lại là phần tinh-hoa của Nho-giáo. Song vì sau đời Chiến-quốc qua đến đời Hán, Nho-giáo đã trở nên quốc-giáo, sự học của Nho-giáo từ đó về sau chỉ chuyên trị về mặt công-truyền. Các học-giả tuy vẫn lấy kinh Truyện làm căn-bản cho sự học-tập, song chỉ học theo lối ký-tụng và lối từ-chương mà bỏ những vi-ngôn đại-nghĩa của thánh-hiển, thành ra cái học tâm-truyền gián-đoạn trong một thời-gian khá dài. Đến đời Tống các danh-nho bối xuất, lại vì có sự kích-thích của Phật-giáo và Lão-giáo, mới đem cái học tâm-truyền mà phát-huy ra. Qua sang đời Nam-Tống có Chu Hối-am và Lục Tựơng-sơn, hai nhà đại-nho bàn về việc học, song mỗi nhà thiên về một mặt. Họ Chu thì chủ-trương sự nói học-vấn, cốt tìm cái lý của vạn sự vạn vật ở ngoài cái tâm : họ Lục thì chủ-trương sự tôn đức-tính, cho vạn sự vạn vật đều ở tâm mà ra, cốt giữ cái tâm cho sáng-suốt thì thấy rõ cái lý của vạn sự vạn vật. Bởi vậy mà thành ra trong phái lý-học đời Tống chia ra làm hai ngành gọi là Chu-học và Lục-học.

Lục-học tức là cái tâm-học-truyền đến đời nhà Minh, Vương Dương-minh, nhân cái mối tâm-học ấy mà xướng lên cái thuyết Trí lương-tri, tức là cái học-thuyết chúng tôi muốn đem nêu ra ở trong sách này vậy.

Cái học của Vương Dương-minh có cái tông-chỉ rất cao-minh và, xét kỹ ra, có thể sánh ngang với Thiển-học bên Phật-giáo và bên Ấn-độ-giáo, mà lại là cái học rất linh-hoạt, rất thiết-thực của Nho-giáo, có thể đem học-giải đến chỗ yên-lặng trong những khi có phong-ba bão táp. Một cái học như thế, tại sao về sau lại mai-một đi mất ? Nguyên là Nho-giáo không phải là một tông-giáo như các tông-giáo khác. Tông-giáo nào cũng có tăng-lữ, có giáo-hội để giữ giới-luật, để giảng-dạy và truyền đạo theo một sự tổ-chức có kỷ-luật rất nghiêm-mật. Nho-giáo không có những hình-thức ấy, không có sự tổ-chức ấy, chỉ để cho những người đi học là bọn sĩ-phu được tự-do theo kinh Truyện mà học-tập, mà giảng-dạy, miễn là đem thi-hành cái đạo của thánh-hiền để giữ vững cái nền luân-thường đạo-lý trong nhân-quần xã-hội là được. Bọn sĩ-phu ấy tuy không có sự tổ-chức gì, nhưng có cái tính-cách giống như bọn tăng-lữ của các giáo-hội, cốt để truyền đạo và giữ đạo-thống cho ngay-chính. Những người theo Nho-giáo phải học kinh Truyện theo những nghĩa của các tiên-nho đã giải-thích, mà phần nhiều những nghĩa ấy là do những danh-nho như Trình Y-xuyên và Chu Hối-am đã định ra. Họ Trình và họ Chu lại có danh-vọng rất lớn, cho nên về sau những người đi học thường phải học theo cái học của hai họ ấy. Ai học đã thành tài, đã thi đỗ rồi, hoặc ra làm quan, hoặc ở nhà mở trường dạy học, đều phải lấy Trình Chu làm tiêu-chuẩn và làm khuôn-phép. Thành ra từ đời Tống trở đi, triều-đình và phần nhiều sĩ-phu đã công-nhận cái học của Trình Chu, thì tất-nhiên cái học ấy, dù sao, cũng giữ được phần thắng lợi. Còn các học-phái khác, muốn tốt-đẹp thế nào mặc lòng, khi triều-đình và đại đa số sĩ-phu đã không theo, thì tất phải đi đến chỗ mai-một. Đó là cái nguyên-nhân làm cho cái học Trình Chu giữ được thế-lực trong Nho-giáo, và cái học của các học-phái khác như cái học của họ Lục, họ Vương không tồn-tại được.

Song xét cho kỹ ra thì một cái học có nhiều người theo vị tất đã là thật hay ; mà một cái học không tồn-tại nữa vị tất đã là thật dở. Chẳng qua là thường do cái hoàn-cảnh, cái tình-thế nó khiến ra như thế, chứ không phải do sự thật hay, thật dở. Chúng tôi nghĩ như thế, và lại thấy cái học Trí Lương-tri của Vương Dương-minh rất uyên-thâm cao-viễn mà lại có cái nghị-lực hùng-hậu, cho nên chúng tôi đem phô-bày ra để những nhà hiếu học có chỗ mà xét-hỏi và phán-đoán cho khỏi sai-lầm.



Mong rằng trong cái thời-đại loạn-lạc, nhiễu-nhương này, lòng người ly-tán hoang-mang, không biết đi con đường nào cho phải, quyển sách nhỏ này có thể giúp cho người ta tìm được chỗ bờ-bến để đứng cho vững mà định sự tới lui cho hợp đạo-lý, khỏi sa vào hang-hố hiểm-nghèo. Được như thế thì sự mong của ta cũng không phải là một sự viển-vông vô-ích vậy.

**Lệ-thần TRẦN TRỌNG KIM**

# VƯƠNG DƯƠNG-MINH LÚC THIẾU THỜI

Vào quãng cuối thế-kỷ thứ XV và đầu thế-kỷ thứ XVI tức là vào quãng đời vua Hiếu-tông, Võ-tông và Thế-tông nhà Minh bên Tàu và vua Thánh-tông, Hiến-tông, Túc-tông, Uy-mục, Tương-dực và Chiêu-tông nhà Lê bên nước ta, có một người đại hiền-triết, đem cái học tâm-truyền của nho-giáo mà phát-minh ra và lập thành một học-phái rất có thế-lực.

Nhà đại hiền-triết ấy tên là Vương Thủ-Nhân 王守仁, tự là Bá-an 伯安 (1472-1528), người đất Dư-diêu, tỉnh Chiết-giang. Ông làm nhà ở Dương-minh-động cách thành Hàng-châu 20 dặm, cho nên các học-giả gọi ông là Dương-minh tiên-sinh 陽明先生.

Dương-minh là dòng-dõi nhà nho-học có tiếng trong đời nhà Minh, tổ-phụ là Vương Luân 王倫, tự là Thiên-tự 天敘, hiệu là Trúc-hiên 竹軒, thân-phụ là Vương Hoa 王華, tự là Đức-huy 德揮, hiệu là Long-sơn 龍山.

Ông thuở nhỏ thông-minh lạ thường, năm lên 10 tuổi, thân-phụ là Long-sơn-công đỗ trạng-nguyên, bổ làm quan trong triều, năm sau Long-sơn-công đón Trúc-hiên-công lên Bắc-kinh, khi đi qua Trấn-giang vào chơi chùa Kim-sơn, Trúc-hiên-công ngồi uống rượu với một người khách, người ấy muốn làm bài thơ, nghĩ mãi không xong, ông đứng bên cạnh làm ngay một bài đọc lên, ai cũng lấy làm kinh-dị.

Lúc còn trẻ tuổi, tính ông hào-mại, không chịu cái gì cả. Long-sơn-công thường lấy làm lo, duy có Trúc-hiên-công biết ông mà thôi. Một hôm ông hỏi thầy rằng : « Ở đời việc gì là hơn cả ? ». Thầy nói : « Chỉ có học rồi thi đỗ là hơn cả ». Ông ngờ là không phải và nói rằng : « Học để làm thánh-hiền là hơn ». Long-sơn nghe nói, cười rằng : « Mầy muốn làm thánh-hiền à ? ». Xem những chuyện ấy thì biết rằng từ thuở nhỏ ông đã có chí lớn, khác hẳn người thường. Tuy thế, lúc mới lớn lên, tính ông rất hăng-hái, thấy cái gì quan-hệ đến việc học hay việc tu-luyện thì ham-mê đến nỗi quên cả mọi việc. Thuở ông 15 tuổi, một hôm đi chơi ở cửa ải Cư-dung ngoài Vạn-lý-trường-thành, thấy người ở ngoài cửa ải cưỡi ngựa giông-ruổi, ông liền khải-nhiên có cái chí muốn đi đánh-dẹp bốn

phương. Ông bèn lưu lại ở đó, ngày ngày tập ngựa, tập bắn đến hơn một tháng mới về.

Thuở ấy ông thấy trong nước có nhiều giặc nổi lên, ông làm cái thư định dâng lên triều-đình nói việc chính-trị. Long-sơn-công cho là nông, ngăn lại mới thôi. Năm 17 tuổi ông đến Giang-tây cưới vợ, lấy con gái Chư Dưỡn-Hòa, làm quan tham-ngự ở Bố-chinh ty. Ngày hôm sắp làm lễ hợp-cấn, ông đi chơi đến Thiết-trụ-cung, thấy người đạo-sĩ đang ngồi tu-luyện, ông vào nghe cái thuyết trường-sinh, rồi tương-đối ngồi với người đạo-sĩ suốt đêm, quên cả việc cưới vợ. Sáng hôm sau nhà họ Chư cho người đi tìm mới về. Ông ở nhà họ Chư, có mấy tráp giấy, ông lấy ra tập viết hết cả. Ông thường nói rằng : « Ta khi mới học viết cứ theo chữ thiếp mà tập, thì chỉ tập được cái hình chữ mà thôi. Sau ta cầm bút lên không dám khinh-dị viết ngay, phải lặng-yên nghĩ cái hình chữ ra trong tâm rồi mới viết, lâu mới hiểu được thư-pháp ».

Năm 21 tuổi, ông đỗ hương-thi, đến năm 28 tuổi là năm Hoằng-trị thứ 12 (1499) đời vua Hiếu-tông nhà Minh, ông đỗ đệ-nhị giáp tiến-sĩ (Hoàng-giáp) rồi vào tập sự ở bộ Công. Năm sau bổ làm chủ-sự ở bộ Hình. Từ đó ông bước vào hoạn-trường phải chịu mọi điều cay-đắng. Nhưng ông là người có thiên-tài, lấy cái sức của một nhà văn-học mà đi đánh-đẹp lập công, chẳng những là ông tỏ ra người có tài làm đại-tướng mà lại là một nhà chính trị và một nhà kinh-tế vô song, gây thành công-nghiệp rất lớn.

Ngoài những công-nghiệp ấy, ông lại phát-huy ra cái thuyết tâm-học từ đời Mạnh-tử về sau, mãi đến đời Tống có Lục Tựơng-sơn và đến đời Minh có ông mới thật là sáng rõ. Vậy nay ta hãy xét cái công-nghiệp, rồi sau xét cái học-thuyết của ông.

# CÔNG-NGHIỆP CỦA VƯƠNG DƯƠNG-MINH

Trước khi đỗ tiến-sĩ vào khoảng năm 26 tuổi, Dương-minh ở kinh, thấy tin báo giặc cướp đánh phá ngoài biên-thùy và thấy triều-đình suy-cử những người có tài làm tướng, ông nghĩ việc võ cử chỉ được người cưỡi ngựa và bắn cung giỏi mà thôi, chứ không chọn được người có tài thao-lược và thống-ngũ. Ông bèn lưu ý về việc học võ. Phàm những sách bí-thư của các binh-gia, không sách gì ông không nghiên-cứu tường-tận. Thường mỗi khi có khách đến yến hội, ông đùa-bổn lấy hạt dưa bày ra thành trận thế. Sau khi ông đỗ tiến-sĩ rồi, nhân khi triều-đình hạ chiếu cầu ngôn, vả lại nghe quân giặc quấy-nhiều các nơi, ông bèn dâng sớ nói tám điều về biên-sự rất là khẳng-khái thiết-tha.

Dương-minh làm quan ở triều được non 7 năm, đến khi vua Võ-tông nhà Minh tin-dùng một tên yêm-hoạn là Lưu Cẩn, bỏ việc triều-chính. Bọn giám-quan là Đái Tiển 戴鋏, Bác Ngạn-Huy 薄彥徽 dâng sớ lên can-ngăn vua. Lưu Cẩn bắt bỏ ngục. Ông bèn dâng sớ lên xin tha cho những người ấy, đại ý nói rằng : « Đấng quân thượng mà nhân, thì kẻ thần hạ phải trực. Bọn Đái Tiển lấy việc phải nói làm trách-nhiệm của mình ; lời can mà phải thì nhà vua nên vui lòng nghe theo mà thi-hành, nếu lời can mà chưa phải, thì hãy nên bao-dung để mở đường can-ngăn. Nay nhà vua bắt tội bọn giám-quan ngay-thẳng, thì sau tông-xã có điều gì nguy-cấp, còn ai dám nói cho mà biết nữa ». Tờ sớ ấy dâng lên, vua sai đánh 40 trượng, rồi đày ra làm dịch-thừa coi trạm Long-trường là nơi rừng-rú lam-chướng rất độc, dân-cư rất những mừng-mán không biết tiếng Tàu.

Ông vâng mệnh chịu đi đày, nhưng Lưu Cẩn còn tức giận chưa thôi, sai người đi đón đường để giết. Ông biết ý, khi đi đến sông Tiền-đường bảo người nhà phao lên rằng ông đã nhảy xuống sông chết rồi. Đoạn ông đáp thuyền buôn đi ra đảo Chu-sơn, thuộc tỉnh Chiết-giang gặp cơn bão, thuyền bạt đến đất Mân (Phúc-kiến). Ông lên bờ đi bộ qua các đường tắt trong rừng rậm hơn 10 dặm. Đến đêm gặp một cái chùa, ông gõ cửa xin vào ngủ nhờ, nhà sư không cho vào, ông phải đi đến cái miếu gần đó, dựa bên cạnh hương-án mà ngủ. Cái miếu ấy là chỗ hổ hay đến, và đêm ấy lại nghe tiếng hổ kêu, nhà sư tưởng rằng người hôm qua đến gọi cửa

đã bị hổ ăn. Sáng dậy, sư ra xem, thì thấy ông đang ngủ say, lấy làm lạ, mời về chùa. Ông vào chùa gặp người đạo-sĩ đã quen 20 năm trước ở cung Thiết-trụ, ngồi nói chuyện, ông muốn bỏ trốn đi xa. Người đạo-sĩ nói rằng : « Ông còn có cha đang ở trong triều, vạn nhất Lưu Cẩn giận, kiếm cách làm hại, vu cho ông đi theo giặc ở phía bắc hay ở phía nam để làm tội cha, thì ông làm thế nào ? ». Ông nghe lời ấy, quyết ý đi đến Long-trường.

Lúc ấy ông thân-phụ là Long-sơn đang làm Lại-bộ thượng-thư ở Nam-kinh, ông quanh đường về thăm cha rồi đi đến trạm Long-trường. Đến đó nhà không có mà ở phải chặt gỗ làm nhà, nhưng vì khí-hậu rất độc, những người tới-tớ đều bị bệnh cả. Ông phải thân đi kiếm củi gánh nước, nấu cháo để nuôi đầy-tớ, và lại làm ra bài ca, bài thơ, vịnh hát vui cười để chúng nó quên sự đau-yếu.

Ông ở Long-trường hơn 2 năm. Lúc đầu không quen thói rợ-mọi, rồi sau lấy thân mình làm phép cho dân, dẫn-dụ người man-di, ai nấy cảm-hóa, bảo nhau đi lấy gỗ làm nhà cho ông ở. Ở vùng ấy có người tù-trưởng họ An nghe tiếng ông, sai người đưa biếu ông gạo rượu vàng lụa và yên ngựa. Ông từ-chối không nhận. Sau họ An nhân có việc bất bình với triều-đình, toan mưu làm sự trái phép, ông liền đưa thư khuyên-bảo, họ An không dám vọng động. Lúc ấy trong bọn mán-mọi có người làm loạn, ông lại đưa thư khuyên họ An đem quân đi đánh-đẹp, bởi vậy dân ở vùng ấy được yên.

Năm Chính-đức thứ 5 (1510) đời vua Võ-tông, ông được thăng chức tri-huyện ở Lư-lãng, thuộc Quảng-tây. Cách mấy tháng trước được triệu về kinh, thăng làm chức chủ-sự ở bộ Lại, rồi trải qua chức viên-ngoại-lang, chức lang-trung. Năm Chính-đức thứ 7 (1512) thăng làm chức thái-bộc-tự thiếu-khanh ở Nam-kinh. Năm thứ 9 (1514) thăng chức hồng-lô-tự-khanh ở Nam-kinh.

Trong những năm Chính-đức đời vua Võ-tông, ở vùng Giang-tây có nhiều giặc cướp, quan quân đi đánh mãi không được. Năm Chính-đức thứ 11 (1516) quan Thượng-thư bộ Binh là Vương Quỳnh tiến-cử Dương-minh, vua bèn sai làm chức Đô-sát-viện Tả Đô-ngự-sử, sung Tuần-phủ Nam-cám và Đinh-chương để coi việc đánh-đẹp. Ông được mệnh liền sắm-sửa đi ngay. Lúc ấy có Vương Tư-Dư nói chuyện với người ta rằng

: « Dương-minh đi phen này tất lập được công. » ; « Sao lại biết trước được ? » ; « Ta nói đến việc ấy mà thấy trấn-tĩnh không động vậy ».

Tháng giêng năm Chính-đức thứ 12 (1517) Dương-minh đến Cám-châu triệu-tập quân các tỉnh Phúc-kiến và Quảng-đông, đến tháng hai bình xong giặc ở Chương-châu, tháng tư rút quân về.

Ông cho rằng phép tập chiến không gì cần bằng hành ngũ, và phép trị chúng không gì bằng phân số. Ông bèn chỉnh-đốn quân-ngũ, chia ra làm ngũ, đội, sáo, doanh, trận, quân. Cứ 25 người làm một ngũ, có chức tiểu-giáp coi ; 50 người làm 1 đội, có chức tổng-giáp coi ; 200 người làm một sáo, có chức trưởng và hai chức hiệp-trưởng coi ; 400 người làm một doanh, có một chức quan và hai chức tham-mưu coi ; 1200 người làm một trận, có chức thiên-tướng coi, 2400 người làm một quân, có chức phó-tướng coi. Chọn người tài giỏi và có sức mạnh sung các chức ấy, Phó-tướng được phạt thiên-tướng, thiên-tướng được phạt doanh-quan, doanh-quan được phạt sáo-trưởng, sáo-trưởng được phạt tổng-giáp, tổng-giáp được phạt tiểu-giáp, tiểu-giáp được phạt ngũ-chúng.

Lúc biên tuyển song rồi, phát ra các thứ binh-phù. Cứ năm người thì cho một cái bài biên rõ tên họ của cả 25 người trong ngũ, gọi là ngũ-phù **伍符**. Mỗi đội có 2 bài, gọi là đội-phù **隊符** biên rõ tự hiệu, một bài giao cho tổng-giáp, một bài cất ở bản viện. Mỗi sáo có hai bài, gọi là sáo-phù **哨符** biên rõ tự hiệu, một bài giao cho sáo-trưởng, một bài cất ở bản viện. Mỗi doanh có hai bài, gọi là doanh-phù **營符**, biên rõ tự hiệu, một bài giao cho doanh-quan, một bài cất ở bản viện. Hễ khi có việc đi đánh-đẹp cứ phát binh-phù ra thì theo lần-lượt mà đi để khỏi lầm-lẫn. Từ đó sự luyện-tập rất chăm và kỷ-luật rất nghiêm.

Tháng chín năm ấy, ông được cải-thụ làm Đề-đốc Nam-cám Đình-chương đẳng xứ quân-vụ và cấp cho cờ và bài được tiện nghi hành sự. Tháng mười dẹp yên các bọn giặc ở Hoàn-thủy và Dũng-cương, tên cừu-khôi giặc là Tạ Chí-sơn bị bắt. Dương-minh hỏi tên giặc ấy rằng : « Mấy làm thế nào mà hợp được đồ-đẳng nhiều như thế ? » Tạ Chí-sơn thưa rằng : « Việc ấy không phải là dễ. Lúc bình sinh thấy ai là người giỏi, thì quyết không bỏ qua, phải lập nhiều mưu-mẹo để dụ đến, hoặc chu-cấp cho, để người ta hàm ơn mà qui-phục, rồi cùng nhau mưu việc,

như thế thì ai là chẳng theo ». Dương-minh lui vào bảo học-trò rằng : « Nhà nho nhất sinh tìm bầu-bạn thì cũng không khác gì thế ».

Năm Chính-đức thứ 13 (1518) Dương-minh lại đem quân đi đánh giặc Tam-lợi. Tháng giêng phát quân đi đánh, tháng tư dẹp xong cả giặc ở Đại-mạo, Lợi-đầu. Tháng sáu triệu-đình cho ông thăng chức Đô-sát-viện Hữu Phó-đô-ngự-sử.

Từ khi ông chịu mệnh đi tuần-phủ, chỉ trong khoảng hơn một năm rưỡi mà các đám giặc ở vùng Giang-tây, Phúc-kiến, Quảng-đông, Hồ-nam, đều lần-lượt dẹp yên cả. Mỗi khi dẹp xong giặc nào, thì ông tìm chỗ hiểm-yếu hoặc đặt huyện để cai-trị, hoặc đặt tuần-kiểm-ty để phòng giữ, rồi xây-đắp thành-trì, sửa lại phép đánh thuế muối, lập ra thư-viện, thi-hành hương-ước. Những khi rảnh việc, ông vẫn không bỏ sự đọc sách và sự giảng học.

Những giặc ở vùng Giang-tây vừa yên, thì lại có Thần Hào làm phản. Thần Hào là dòng-dõi vua Thái-tổ nhà Minh, được tập tước là Ninh-vương ở đất Nam-xương. Thuở ấy Võ-tông không có con, lại hay chơi-bời, Thần-Hào bèn mưu sự làm phản để cướp ngôi thiên-tử.

Tháng sáu năm Chính-đức thứ 14 (1519) nhân khi quân tỉnh Phúc-kiến làm loạn, Dương-minh được mệnh đi khám xét. Ông mới đi đến huyện Phong-thành, cách Nam-xương chỉ độ vài mươi dặm, quan Tuần-phủ Giang-tây là Tôn Toại và quan Án-sát-ty phó sứ là Hứa Quý đều bị Thần Hào giết, còn các quan khác đều theo về đảng nghịch. Dương-minh biết sự nguy-cấp, liền đi thẳng đến Cát-an, Thần Hào cho người đuổi theo không kịp.

Ông về đến Cát-an, làm sớ tâu lên cáo việc biến, rồi cùng với quan tri-phủ là Ngũ văn Định điều bát binh-mã và lương-thực, sửa-sang khí-giới, thuyền-bè, lại truyền hịch đi bốn phương kể rõ tội Thần Hào, để khiến các quan đều đem quân đến giúp việc cần-vương.

Thần Hào mưu sự đã lâu, ở trong triều thì đút-lót những kẻ hạnh-thần, ở ngoài thì chiêu-mộ đồ-đảng. Đến khi khởi sự, liền sai tướng đi đánh lấy thành Nam-khang và thành Cửu-giang. Thần Hào lại sắp đem quân đi đánh lấy Nam-kinh để lên ngôi Hoàng-đế. Tiền-quân của nghịch đã đến vây thành Yên-khánh rất nguy-cấp. Dương-minh ở Cát-an dùng kế làm cho Thần Hào hoài-nghi, không dám cất quân đi vội. Trong lúc ấy,

một mặt, ông sai người đi yết tở cáo-thị ra các nơi và dùng hiệu cờ chiêu hàng, hiệu-dụ lấy lễ thuận-nghịch họa-phúc ; một mặt đởi quân các nơi đến, rồi chờ Thần Hào cất quân đi, thì đến đánh Nam-xương. Quả-nhiên Thần Hào chùng-chình mãi không dám đi, sau cho người đi do-thám biết quan quân chưa đến, bèn đem quân theo Trường-giang đi về phía đông, định đánh lấy thành Yên-khánh rồi xuống lấy thành Nam-kinh.

Dương-minh nghe tin Thần Hào đã dời khỏi Nam-xương rồi, bèn họp các quan, bàn việc tiến quân. Mọi người đều bảo nên đi cứu thành Yên-khánh, ông không nghe, định đánh lấy thành Nam-xương là chỗ căn-bản của nghịch thì tự khắc thành Yên-khánh sẽ được giải vây. Ông liền xuống lệnh đem quân đi đánh, lấy được thành Nam-xương, rồi chia quân đi đón đánh quân nghịch. Thần Hào được tin Nam-xương thất thủ, liền quay trở về, gặp quân của Dương-minh đánh mấy trận vỡ tan. Thần Hào và bọn nghịch-đảng đều bị bắt cả.

Việc khởi nghịch của Thần Hào trước sau chỉ có 42 ngày là dẹp yên. Đó là nhờ cái tài của Dương-minh khéo trù-liệu mọi việc, cho nên mới thành công chóng như vậy. Xưa nay những nho-tướng ra dùng binh cũng đã từng có, nhưng ai cũng có nhiều chiến-tướng giúp-đỡ, đường này những người tham-dự mưu-cơ trong tướng-mạc đều là những kẻ nho-học và những người ra chỉ-huy trận tiền đều là kẻ tá-nhị ở bản tỉnh và phủ-huyện, thế mà Dương-minh lấy nhất tâm vận-dụng được cả, khiến những kẻ thư-sinh thành kẻ danh-sĩ, những kẻ ti-thuộc thành bậc lương-tướng. Ông có cái thủ-đoạn hóa những kẻ tầm-thường ra làm bậc thần-kỳ. Ông thật là bậc thiên-tài vậy.

Khi Thần Hào làm phản, vua Võ-tông được sớ của Dương-minh tâu về, họp quần-thần hội-nghị. Quan Binh-bộ thượng-thư là Vương Quỳnh nói rằng : « Kẻ thụ-tử kia vốn làm điều bất nghĩa, nay thoảng-thốt dấy loạn, cũng chẳng sợ gì, đã có Vương Thủ-Nhân giữ ở thượng-du, đuổi theo là tất bắt được ». Vương Quỳnh trước đã dâng Dương-minh cho đi tiểu-trừ quân giặc ở Giang-tây, nay thấy có việc loạn, quyết chắc là thế nào Dương-minh cũng dẹp yên, thật Vương Quỳnh là người biết Dương-minh vậy.

Dương-minh xướng việc nghĩa dẹp yên kẻ phản-nghịch không khó bằng khi công-việc đã xong rồi, những gian-thần ghen công, chực tìm đủ



cách dèm-pha để làm hại mình. Ông phải cay-đắng trăm đường, đã nhiều lúc dâng sớ xin về không được. Sớ là khi vua Võ-tông nghe tin Thần Hào sinh biến thì liền hạ chiếu thân chinh. Xa-giá mới đến thành Bảo-định thì đã có sớ dâng về báo tiếp. Nhưng Võ-tông ý muốn nhân dịp đi nam-du, cho nên không chịu tuyên-bố tiếp âm ra cho thiên-hạ biết, lại nói rằng : « Đứa nguyên ác tuy đã phải bắt, nhưng nghịch-đăng hãy còn, nếu không đi bắt cho hết, tất là để cái lo về sau ». Dương-minh dâng sớ lên bày-tỏ điều lợi-hại để can vua đừng đi thân-chinh nữa, vua cũng không nghe.

Khi Dương-minh dâng sớ cáo Thần Hào làm phản, ý muốn nhân việc ấy để răn vua, đừng yêu-dùng kẻ hoạn-quan. Trong sớ có câu : « Xin bài xuất những kẻ gian-siểm để hồi cái lòng kẻ hào-kiệt trong thiên-hạ ». Bọn bề-hạ cùng những hoạn-quan nghe tiếng, đều lấy làm tức. Sau lại biết Dương-minh đã dẹp yên được Thần Hào rồi, chúng lại đem lòng ghen công và lại sợ phát-lộ chuyện kín của chúng ra, cho nên chúng thường ở trước mặt vua, nói dèm-pha đủ điều.

Võ-tông ngự giá thân chinh thì có bọn gian-thần là thái-giám Trương Trung, An-biên-bá Hứa Thái và Giang Bân đi theo. Vua cho Trương Trung và Hứa Thái đem cấm quân đến Giang-tây. Bọn Trung và Thái muốn thả Thần Hào ra ở hồ Bà-dương để vua đến bắt lấy cho thỏa ý. Nhân khi bọn Trung và Thái chưa đến nơi, Dương-minh đem Thần Hào đi dâng cho vua. Trung và Thái cho người đuổi đến huyện Quảng-tín đòi lại, nhưng ông nhất định không nghe. Trong bọn thái-giám có Trương Vĩnh là người khá hơn cả ; lúc ấy Vĩnh đóng ở Hàng-châu, ông bèn đến bảo rằng : « Dân tỉnh Giang-tây phải chịu cái độc của Thần Hào đã lâu, nay trải qua đại loạn, lại bị tai hạn hán và phải trốn-tránh vào trong hang núi để làm loạn. Như thế thiên-hạ sắp thành ra cái thế như đất vỡ lở. Bây giờ lại dấy binh định loạn, chẳng hóa ra khó lắm sao ? » Trương Vĩnh nói rằng : « Phải, tôi ra chuyển này là vì bọn tiểu-nhân ở bên cạnh vua, cốt để điều-hộ bên tả bên hữu mà giúp thánh-cung, chứ không phải vì tranh công mà lại đây ». Dương-minh tin là người trung-trực, bèn đem Thần Hào giao cho Trương Vĩnh, rồi xưng bệnh ra ở cái chùa Tĩnh-từ bên Tây-hồ. Cách ít lâu, ông được bổ làm Tuần-phủ tỉnh Giang-tây, ông lại trở về Nam-xương.

Lúc ấy Trương Trung và Hứa Thái còn ở Giang-tây, dòm-dỏ xét nét trăm đường. Lại có quan cấp-sự là Lục Tục và quan ngự-sử là Trương

Luân theo gió phụ-hội, bịa-đặt ra lời dèm-pha. Đến khi Dương-minh về tới Nam-xương, bọn Trung và Thái cho quân chửi mắng, ông cứ điềm-nhiên không động, tìm cách Ủy-lạo hậu-đãi và sai quan đi phủ-dụ dân rằng : « Quân phía bắc đến đây xa nhà khổ-sở, dân nên lấy lễ chủ và khách mà đãi cho hậu. Mỗi khi gặp đám tang quân bắc, thì phải dừng xe lại, thăm hỏi ân-cần ». Quân bắc thấy thế đều cảm-phục. Sau bọn Trung và Thái cùng với Dương-minh thi bắn, ý muốn lấy cái sở-trường của mình để bắt ông phải khuất-phục, không ngờ ông bắn ba phát đều trúng cả. Quân bắc đứng chung quanh đều vỗ tay khen mừng. Trung và Thái thấy thế lấy làm sợ, bảo nhau rằng : « Quân ta theo cả Vương Thủ-Nhân rồi chẳng ! ». Bèn rút quân về.

Bọn Trung và Thái về đến Nam-kinh cảm giận chưa thôi, nói dèm trước mặt vua rằng Dương-minh muốn làm phản. Vua hỏi : « Lấy gì làm chứng ? ». Trung và Thái trước mấy lần mạo mệnh vua vờ ông, ông không đến, chắc là lần này có chiếu vờ ông tất ông cũng không đến, bèn tâu rằng : « Thử vờ mà không đến là biết ». Vua bèn hạ chiếu triệu Dương-minh vào điện kiến. Lúc ấy Trương Vĩnh vẫn có ý che-chở cho Dương-minh, sai ngầm người đi bảo rằng hễ có mệnh triệu, thì ông đi ngay. Bọn Trung và Thái sợ nói không đúng, sai người ngăn lại ở Vu-hồ đến nửa tháng. Ông bất-đắc-dĩ vào ở núi Cửu-hoa, mỗi ngày ngồi yên ở trong am cỏ. Vua cho người đến dò xem, về nói rằng : « Vương Thủ-Nhân là người đạo-học, có mệnh triệu là đến ngay, có lẽ nào lại làm phản ». Vua cho về Nam-xương.

Dương-minh lập được nhiều công lớn mà lại gặp phải Võ-tông là ông vua bất minh, để kẻ gian-thần dèm-pha, chực làm hại, cho nên ông lấy làm buồn-bực. Một đêm ngồi nghe tiếng sóng vỗ vào bờ, ông nghĩ bụng rằng : « Một mình bị dèm, chết đi cũng đành, nhưng còn có cha già thì sao ». Ông lại nói với học-trò rằng : « Lúc này giá có cái lối nào có thể trộm đến đem cha đi trốn, thì ta cũng đem đi cho xong, không tiếc gì nữa ! ». Khi ông trở về Nam-xương được mấy tháng dưng sớ lên xin về thăm bà tổ-mẫu. Vua không cho.

Lúc ấy vua Võ-tông ở Nam-kinh đã lâu, bọn quần đảng đều có ý tranh công, sai người bảo ông phải dưng sớ báo tiếp lần nữa. Ông bèn lược qua những tờ sớ trước mà qui công cho vua và những người tả hữu hầu vua. Vua lấy làm đẹp lòng mà thu quân về.

Năm Chính-đức thứ 16 (1521) vua Võ-tông mất, vua Thế-tông lên ngôi, luận công bình Giang-tây, ông được thăng làm Nam-kinh Bình-bộ thượng-thư và được tước Tân-kiến-bá 建新伯. Năm ấy ông lại dâng sớ xin về nghỉ thăm nhà. Năm sau thân-phụ là Long-sơn-công mất, ông ở nhà đình gian.<sup>1</sup>

Lúc ấy ông đã 51 tuổi, định xin thôi quan ở nhà dạy học. Và bấy giờ ở trong triều các quan đại-thần như bọn Dương Nhất-Thanh thấy ông tài cao vọng trọng, có ý ghen-ghét, không ai đề-cử cho ông khai-phục. Bởi thế ông được ở nhà gần sáu năm. Sau vì ở đất Điền-châu thuộc tỉnh Quảng-tây, có giặc, cho nên triều-đình lại cử ông làm Lưỡng-Quảng, Giang-tây, Hồ-quảng, Tổng-đốc quán-vụ để lo việc đánh-dẹp.

Điền-châu trước là đất thuộc các thổ-ti, sau đặt quan cai-trị, người bản xứ không phục, các đầu-mục là Lư Tô và Vương Thụ hợp dân-chúng lại làm loạn, vây hãm châu-thành. Quan Đề-đốc là Diêu Mô không dẹp yên được. Cuối năm Gia-tĩnh thứ 6 (1527) Dương-minh đến Nam-kinh, các rợ nghe tiếng đã tâm khiếp. Ông thấy binh-thế của giặc rất thịnh, nghĩ rằng dùng binh thì không lợi, bèn dâng sớ lên nói rằng : « Điền-châu giáp giới với đất Giao-chỉ là nơi quân rợ-mọi ra vào, nên đặt chức thổ-quan như cũ, để làm phen rào ». Đoạn rồi ông cùng với quan tuần-an ngự-sử là Thạch Kim định kế chiêu-phủ. Lư Tô và Vương Thụ đều đến quân-môn xin hàng. Từ đó đất Điền-châu không đánh mà yên.

Lúc ấy ở đất Tư-ân, tỉnh Quảng-tây, có giặc mọi là Đoàn Đăng-Giáp, chia làm tám trại, phía nam giáp Giao-chỉ, phía tây giáp Vân-nam và Quý-châu. Giặc ấy xưa nay đánh mãi không được. Năm ấy nhân khi dẹp xong giặc Điền-châu, tiện đường rút quân về, ông lừa khi quân giặc không ngờ, sai quan đến đánh úp, phá được cả tám trại. Một đám giặc trước kia quan quân đi đánh có khi dùng đến 20 vạn người mà không dẹp được, nay chỉ có mấy vạn người đánh trong vài tháng mà thành công.

Sự đi đánh-dẹp có công lớn như thế mà ở triều-đình lại có người ghen-ghét, kiếm chuyện bẻ-bắt, không kể công. Nguyên có Trương Thông và Quế Ngạc đã dâng Dương-minh đi đánh giặc ở Lưỡng Quảng. Sau Quế Ngạc được vào làm Lại-bộ thượng-thư, Trương Thông làm Nội-các. Quế Ngạc là người thích lập công-danh, có xui Dương-minh sang đánh An-nam<sup>2</sup>. Nhưng Dương-minh biết cái thế đánh không được,

từ-chối không đi. Vì thế mà Quế Ngạc ghét, tìm chuyện, cho là việc chính phủ không hợp nghi, thành ra không được ban thưởng.

Đánh xong giặc Đoàn Đằng-Giáp, thì Dương-minh phải bệnh nặng, bèn dâng sớ xin về, rồi không đợi mệnh, bỏ về đến Nam-an (ở phía tây-nam tỉnh Giang-tây) bệnh rất trầm-trọng. Môn-nhân là Chu Tích hỏi thăm bệnh, thì ông nói rằng : « Bệnh thế nguy-cấp, chỉ còn cái nguyên-khí chưa chết mà thôi ». Cách ba hôm sau là ngày 28 tháng mười-một, năm Gia-tĩnh thứ 7 (1528), thì ông mất, thọ được 57 tuổi. Môn-nhân đem về táng ở Hồng-kê, cách Hàng-châu 30 dặm.

Vì ở trong triều có bọn Quế Ngạc ghét Dương-minh, bác cái học của ông, bảo là không chính, và lấy cớ chưa có chỉ cho về, đã tự tiện bỏ chức-vụ mà về, bèn tâu xin không ban tên thụy, và không cho con được tập tước bá. Mãi đến 39 năm sau, đến năm Long-khánh nguyên-niên (1567) đời vua Mục-tông mới tặng phong là Tân-kiến-hầu **新建侯**, cho tên thụy là Văn-thành **文成** và cho con là Thủ Ưc được tập tước bá. Cách 56 năm sau khi ông mất, tức là năm Vạn-lịch thứ 12 (1584) đời vua Thần-tông mới đem ông vào tòng tự ở miếu thờ Khổng-tử, xưng là tiên nho Vương-tử.

Các môn-đệ đem những công-nghiệp, ngôn-hạnh và học-thuyết của ông chép ra thành sách, có :

- *Ngữ-lục* **語錄** 3 quyển ;
- *Văn-lục* **文錄** 5 quyển ;
- *Biệt-lục* **別錄** 10 quyển ;
- *Ngoại tập* **外集** 7 quyển ;
- *Tục-biên* **續編** 6 quyển ;
- *Phụ-lục* **附錄** 7 quyển.

Tất cả là 38 quyển, gọi là *Vương Văn-Thành-công toàn thư* **王文成公全書**.

# SỰ HỌC-TẬP CỦA VƯƠNG DƯƠNG-MINH

Khi Dương-minh mới 17 tuổi, đến Giang-tây cưới vợ rồi lúc trở về đi thuyền qua huyện Quảng-tín có lên bái-yết Lâu Nhất-trai 寮一齋, nghe cái học cách vật của Tống nho. Nhất-trai nói rằng : « Người ta có thể học đến làm thánh-nhân được ». Ông rất lấy làm khế-hợp. Từ đó ông về lấy sách của Chu Hối-am ra học. Một hôm ông nghĩ rằng : tiên-nho bảo mọi vật có trong ngoài và tinh thô, một cỏ một cây đều có đủ cái lý. Ông lấy cây trúc chẻ ra xem, nghĩ mãi không thấy cái lý, lấy làm buồn-bực, đến nỗi thành bệnh. Ông tự an-ủy rằng làm bậc thánh-hiền là phải có phận, bèn theo đời mà học từ-chương.

Sau khi ông đỗ hương-thi, ông vào thi hội không đỗ, về nghĩ-ngợi, cho sự học từ-chương không đủ làm cho mình suốt đến đạo được. Năm 27 tuổi, một hôm ông đọc bài sớ của Chu Hối-am dâng cho vua Quang-tông nhà Tống có nói rằng : « Phải lấy sự cư-kính và trì chí làm cái gốc của sự đọc sách, phải lấy sự theo tuần-tự cho đến chỗ tinh-vi làm cái phép của sự đọc sách. » Ông mới hối rằng : « Khi trước ta dùng sức tuy cần mà chưa tăng theo tuần-tự để đến chỗ tinh-vi, cho nên không có cái sở-đắc ». Từ đó ông cứ tuần-tự mà nghĩ-ngợi, song càng nghĩ càng thấy vật-lý và tâm của mình như là chia ra làm hai vậy, trong bụng vẫn bàng-hoàng không biết tự xử ra làm sao, rồi trầm-uất và bệnh cũ lại phát ra. Thấy thế, ông lại càng tin là làm thánh-hiền phải có phận. Chợt nghe có kẻ đạo-sĩ bàn cái thuật dưỡng sinh, ông bèn nghĩ bỏ đời vào núi ở.

Năm 28 tuổi, ông thi đỗ đệ-nhị giáp tiến-sĩ, rồi ra làm quan, mà vẫn vợ-vẫn nghĩ đến sự xuất gia. Một hôm rảnh việc quan, đi đến chơi ở núi Cửu-hoa, ở đó có người đạo-sĩ tên là Sài-bồng-đầu hay bàn việc tu tiên. Ông đến yết-kiến mà bàn đạo. Sau lại nghe ở động Địa-tạng có một dị-nhân thường ngồi nằm ở dưới gốc cây thông, không dùng hỏa thực, ông không ngại đường hiểm-trở, đi tìm đến nơi để bàn đạo. Sau ông trở về kinh gặp những bạn cũ, ai nấy đều lấy tài-danh trì sính ở chỗ cổ-học văn-thi. Ông than rằng : « Ta sao nỡ đem cái tinh-thần có hạn làm cái hư-vấn vô dụng ». Ông bèn cáo bệnh xin về đất Việt, làm nhà ở trong động Dương-minh, học cái thuyết đạo dẫn của Đạo-gia.

Ông học cái thuật đạo dẫn ấy đã giỏi. Một hôm có mấy người bạn đến chơi, ông biết trước, cho người đi đón, nói rõ lai-lịch. Ai nấy đều kinh-dị, tưởng là ông đã đắc đạo. Được ít lâu, ông nghĩ lại mà hối rằng : « Cái thuật ấy không phải là chính đạo, không đủ học ». Rồi ông bỏ thuật ấy và muốn lìa nhà trốn đi nơi xa, nhưng lại nghĩ nhà còn tổ mẫu và còn cha, thành ra lẩn-lữa chưa quyết-định. Sau ông hối-ngộ rằng : « Cái bụng yêu đấng thân-sinh ra từ lúc thơ-bé, cái bụng ấy mà bỏ đi, thì không khác gì đoạn tuyệt cái chủng-tính của mình ». Ông lại có ý ra ứng-dụng ở đời.

Năm sau ông đi chơi ở vùng sông Tiền-đường và Tây-hồ xem các chùa-chiền. Ở đó có một hòa-thượng ngồi tọa-thiền ba năm không nói, không trông. Ông đến chơi và nói rằng : « Vị hòa-thượng kia cả ngày miêng nói cái gì, mắt trông cái gì ? ». Vị hòa-thượng mở mắt ra ngồi nói chuyện. Ông hỏi : « Ở nhà còn có ai nữa không ? » Hòa-thượng thưa rằng : « còn có mẹ ». Ông hỏi : « thế có nghĩ đến không ? » Thưa rằng : « không thể không nghĩ đến được ». Ông bèn cùng ngồi giảng cái đạo yêu kẻ thân, hòa-thượng phải đổ nước mắt ra. Hôm sau ông đến hỏi, thì người hòa-thượng ấy đã trở về nhà rồi.

Năm 34 tuổi ông lại vào kinh làm quan, có nhiều người đến xin học. Ông thấy ai cũng đăm-đuối ở chỗ từ-chương ký-tụng, mà không biết đến cái học quan-hệ và tâm thân. Ông bèn bảo cho môn-nhân biết cái chí học để làm thánh-nhân. Song lúc ấy cái đạo sư-hữu đã bỏ mất lâu ngày, ai cũng cho cái học ấy là cái học lập dị hiếu danh. Duy chỉ có Trạm Nhược-Thủy 湛若水 là cùng đồng ý với ông. Cho nên hai người đều cùng lấy việc phát-minh thánh-học làm việc của mình.

Xem như thế, thì từ thuở Dương-minh mới đi học cho đến thuở gần 35 tuổi, vẫn có cái chí học để làm bậc thánh-nhân, nhưng vẫn vơ-vẩn, cứ xuất-nhập ở Nho, Lão và Phật, mà ý-chí cứ mang-nhiên, không có định-kiến gì cả. Kế đến khi ông phải đày ra ở trạm Long-trường, đêm ngày ông nghĩ rằng : « Ví phỏng thánh-nhân gặp phải cảnh-ngộ ấy, thì tất có cái đạo để tự khiển ». Một hôm nửa đêm ông chợt tỉnh-ngộ ra cái nghĩa cách-vật trí-tri. Trong lúc mơ-màng như là có người nói rõ cái nghĩa ấy ra, bất giác ông kêu to lên và múa nhảy như người cuồng vậy.

Từ đó ông thấy rõ cái đạo của thánh-nhân đủ cả ở trong tính người ta và cho là nếu ai tìm cái lý ở sự-vật là lầm. Ông bèn nhớ lại những lời nói trong năm kinh và đem ra chứng-nghiệm thì không có chỗ nào là không đúng. Ông đã thấy rõ đạo rồi, chuyên tâm trí ý làm cho đạo ấy sáng rõ ra, và dạy người ta tìm chỗ nhập đạo. Đó là việc của ông đảm-nhận trong khoảng hơn 20 năm về sau, dù trong khi phải lo việc đánh-dẹp, hoặc phải chống-giữ với những kẻ gian-nịnh dèm-pha, lắm lúc rất là nguy-hiểm mà không lúc nào ông thôi việc giảng-dạy.

Trước khi bàn đến cái học-thuyết và sự giảng-dạy của Dương-minh, ta nên biết rằng cái học của ông tuy có nhiều cái đặc kiến về đường tâm-học, nhưng vẫn là ở trong cái phạm-vi lý-học của Tống-nho. Ông nhân lý-học mà suy-nghĩ đến chỗ uyên-áo của đạo thánh-hiền. Ông vẫn phục Trình Y-xuyên và Chu Hối-am là người rất có công với đạo học, song ông rất tôn-sùng Chu Liêm-khê, Trình Minh-đạo và Lục Tượng-sơn. Ông cho cái học của Chu Hối-am tuy có phần tinh-vi, nhưng vì cái học ấy cốt tìm lý ở ngoài tâm cho nên thành ra chi-ly, không bằng cái học của Lục Tượng-sơn chủ ở cái lý nhất quán trong tâm người ta. Bởi vậy các học-giả cho cái học của ông với cái học Lục Tượng-sơn là một mối. Cái phần đặc biệt của ông là cái thuyết *trí hành hợp nhất* và cái thuyết *trí lương-tri*. Hai thuyết ấy đều căn-bản ở sự tâm-học. Ông cho sự học cần phải có sự thực-hành. Biết ở trong ý và làm ở việc vẫn là một. Song sự biết và sự làm vẫn chú-trọng ở cái tâm ; ngoài cái tâm ra là không có sự-vật gì khác nữa. Tâm là phần thiêng-liêng sáng-suốt của người ta. Phần thiêng-liêng sáng-suốt ấy là thiên-lý, là lương-tâm. Đó là cái căn-bản sự học của ông.

# HỌC-THUYẾT CỦA VƯƠNG DƯƠNG-MINH

## ĐẠO CÓ MỘT MÀ THÔI

Cái học của Dương-minh đạt tới cái lý độc nhất ở trong vũ-trụ, cho nên nói rằng : « Cái khí-cơ của trời đất lưu-hành luôn luôn không lúc nào nghỉ, nhưng trong sự lưu-hành ấy có cái chủ-tể, cho nên không trước không sau, không nhanh không chậm, tuy thiên biến vạn hóa mà cái chủ-tể vẫn thường-định. Người ta được cái ấy mà sinh, vạn vật có cái ấy mà còn. Nếu khi cái chủ-tể đã định, thì giống như trời xoay-vẫn không nghỉ, tuy thù-tạc vạn biến, mà thường vẫn thung-dung tự-tại, bởi thế gọi là thiên quân thái-nhiên, bách thể tòng lệnh ; nếu không có chủ-tể thì chỉ là cái khí chạy rong, thành ra rối loạn. » (*Ngũ-lục, I*). Nhờ cái chủ-tể ấy, cho nên vạn vật sinh-hóa vô cùng mà không lúc nào là không có điều-hòa và trật-tự. Đó là cái tư-tưởng căn-bản trong cái học-thuyết của Dương-minh.

Ông cho là vạn vật biến-hóa ở trong vũ-trụ mà có giường-mối là nhờ có cái tinh và cái nhất. « *Vạn tượng sâm-nhiên, thời diệc xung-mạc vô trẫm. Xung-mạc vô trẫm, tức vạn tượng sâm-nhiên. Xung-mạc vô trẫm giả, nhất chi phụ ; vạn lượng sâm-nhiên giả, tinh chi mẫu. Nhất trung hữu tinh, tinh trung hữu nhất* : 萬象森然，時亦冲漠無朕。冲漠無朕，即萬象森然。冲漠無朕者，一之父。萬象森然者，精之母。一中有精，精中有一。 Muôn tượng đông-đúc rậm-rạp, mà trong lúc ấy vẫn im-lặng mờ-mịt, không có triệu-trẫm. Im-lặng mờ-mịt, không có triệu-trẫm là muôn tượng đông-đúc rậm-rạp. Im-lặng mờ-mịt, không có triệu-trẫm ấy là cha cái một ; muôn tượng đông-đúc rậm-rạp ấy là mẹ cái tinh. Trong cái một có cái tinh, trong cái tinh có cái một. » (*Ngũ-lục, I*). Cái một là lý, cái tinh là khí ; lý với khí là cái phát-lực của Thái-cực, nhưng lý là nói về phần chủ-tể, mà khí là nói về phần sinh-hóa. Bởi vậy nói rằng : « *Nhất thiên-hạ chi đại bản giả ; tinh, thiên-hạ chi đại dụng giả* 一天下之大本也，精，天下之大用九 : Một, là cái gốc lớn của thiên-hạ ; tinh, là cái dụng lớn của thiên-hạ. » (*Văn-lục, IV*). Có cái một và cái tinh cho nên mới có đạo.



Cái Một ấy, mỗi một học-thuyết hay một tông-giáo gọi tên một khác, như là Thái-cực, là Đạo, là Huyền, là Trời, là Phật, là Chúa v.v... nhưng kỳ thực vẫn là một mà ta không biết rõ thực danh là gì. Nho-gia thường gọi là Lý, Phật-gia thường gọi là Linh-giác, là Chân-như, là Pháp-thân. Cái tinh là khí, là tinh-chất phải theo sự điều lý của cái Một mà biến-hóa ra thiên hình vạn tượng gọi là Tạo-hóa. Cái một là chủ-tể, cái tinh là khí-cụ. Cả cái Một và cái Tinh hợp lại làm một, nói gồm cả động và tĩnh, gọi là Đạo.

Đạo thuộc về phần hình-nhi-thượng, ta có thể lấy cái chiêm-minh linh-giác của ta mà biết, chứ mắt không thể trông thấy, tai không thể nghe thấy được. Dương-minh nói rõ rằng : « *Đạo không thể nói được, cưỡng mà nói ra thì càng tối ; đạo không thể trông thấy được, không biết mà cho là thấy, thì càng xa. Bởi chưng có mà chưa từng có, ấy là thật có ; không mà chưa từng không, ấy là thật không ; thấy mà chưa từng thấy, ấy là thật thấy* 道不可言也 , 强為之言而益晦 , 道無可見也 , 妄為之可而益遠. 未有而未常有。是真有也 , 無而未常無 , 是真無也 , 見而未常是真見也.

Thí-dụ như trời, mà bảo rằng trời không thể trông thấy được, vậy thì cái xanh xanh kia, cái sáng chói-lọi kia, mặt trời, mặt trăng thay-đổi nhau, bốn mùa chuyển vần nối nhau, ấy chưa từng không có vậy ; bảo trời là có thể thấy được, vậy thì đi tới không biết ở chỗ nào, trở vào không biết đâu là nhất định, giữ lấy không được, ấy là chưa từng có vậy. Bởi vì trời là đạo, đạo là trời vậy. Gió có thể tróc lại được, cái bóng có thể thu lấy được, thì đạo có thể thấy được vậy... Thần không có phương, đạo không có thể, kẻ nhân-giả thấy đó gọi là nhân, kẻ trí-giả thấy đó gọi là trí, ấy thế là có phương có thể là vậy... Ai chìm-đắm ở chỗ vô, thì không có chỗ dùng cái tâm, lưu-đăng mà không có chỗ về ; ai ú-trệ ở chỗ hữu, thì dùng cái tâm ở chỗ vô dụng, thành ra nhọc mà không có công. Bởi vì cái khoảng có và không có, cái huyền-diệu sự thấy và sự không thấy, không phải là có thể lấy lời nói mà tìm được... » (Văn-lục, IV)

Đạo của Dương-minh nói ở đây, chính là cái đạo của Khổng-tử và Mạnh-tử đã nói về đường hình-nhi-thượng, và cùng cái đạo của Lão-học là một, bởi vì Nho với Lão đều theo một lý Thái-cực làm gốc của vũ-trụ. Song cách hành đạo của Nho với Lão mỗi bên một khác, cho nên mới

thành ra có điều tương đồng tương dị. Học-giả rất nên cẩn-thận ở chỗ này, đừng để sai-lầm như lối tục-học.

Cái đạo đã huyền-bí khó hiểu như thế, học-giả cần phải lý-hội lấy, rồi tự mình phải mất công-phu mà luyện-tập và suy-nghĩ thì mới có chỗ sở đắc. Dương-minh thấy rõ chỗ khó ấy, cho nên ông nói rằng : « *Đạo chi toàn thể, thánh-nhân diệc nan dĩ ngữ nhân, tu thị học-giả tự tu tự ngộ* **道之全體，聖人亦難以語人 是學者自修自悟** : Cái toàn-thể của đạo, đến thánh-nhân cũng khó nói cho người ta hiểu được, học-giả nên tự tu tự ngộ lấy. » (*Ngữ-lục, I*)

Đạo thì có một mà thôi, nhưng nay những người luận đạo thường không tương đồng với nhau, là tại sao ? Dương-minh nói rằng : « Đạo không có phương thể, không thể cố-chấp được, nếu cứ câu-nệ ở văn nghĩa mà tìm đạo, thì xa đạo vậy. Như nay người ta nói trời, kỳ thực là biết trời ra thế nào ? Bảo rằng mặt-trời mặt-trăng, gió mưa sấm sét là trời, không phải ; bảo rằng nhân-vật, thảo-mộc không phải là trời, cũng không phải. Đạo tức là trời. Biết được như thế, thì lúc nào mà chẳng phải là đạo. Chỉ vì người ta cứ nhận-định cái sở-kiến một góc, rồi cho cái đạo đến góc ấy là hết, bởi thế cho nên mới có chỗ không tương đồng<sup>3</sup>. Bằng nay ta bỏ cái lối ấy đi, rồi quay về tìm lấy ở trong tâm, thì thấy rõ đạo ở trong tâm của ta, không lúc nào, không chỗ nào, là không phải đạo ấy. Suốt từ xưa nay, vô thỉ vô chung, chẳng có cái gì là đồng với dị cả. Tâm tức là đạo, đạo tức là Trời, biết tâm thì biết đạo và biết Trời **心即道，道即天，知心則知道知天**. Học-giả cần biết thực rõ đạo ấy, rồi cứ theo cái tâm của mình mà thể-nhận lấy, không phải mượn sự tìm ở ngoài mới được... » (*Ngữ-lục, I*)

Ông cho cái đạo ở tâm người ta rất sáng tỏ, dầu có che lấp thế nào cũng không mờ-tối đi được. « *Thử đạo chi tại nhân tâm, kiếu như bạch nhật, tuy âm tình hối minh, thiên thái vận trạng, nhi bạch nhật chi quang vị thường tăng giảm biến động* **此道之在人心皎如白日雖陰晴晦明千態萬狀二白日之光未常增減變動** : Đạo ấy ở trong tâm người ta, sáng như ban ngày, tuy có lúc giảm lúc nắng, lúc tối lúc sáng, nghìn thái muôn trạng, nhưng cái sáng của ban ngày chưa từng thêm bớt biến-đổi. » (*Văn-lục, III*)

Dương-minh thử-chung theo cái thuyết « thiên-địa vạn vật nhất thể » và lấy cái nghĩa « nhất dĩ quán chi » của Khổng-tử làm căn-bản cho sự học của mình. Ông cho là trong vũ-trụ có đầy những sự vật, nếu theo từng vật mà tìm-kiếm, thì thành ra *trục vật* nghĩa là đuổi theo từng vật, không phải là cái nghĩa *chủ nhất* nữa. Chủ nhất là chỉ chuyên-chủ ở cái thiên-lý mà thôi. Vạn sự vạn vật đều ở trong lý ấy, nó quán-thông hết cả, chứ không ở trong ngoài khác nhau. Cái lý ấy gọi là đạo, là trời, là tính, là tâm, cái danh tuy khác, nhưng cái thực là một. Bởi vậy ông đem tất cả cái học-thuật vào cái tâm.

## TÂM

Dương-minh định rõ nghĩa chữ tâm : « Tâm không phải là một khối huyết-nhục. Phàm chỗ tri-giác là tâm. Như tai mắt biết nghe biết trông, tay chân biết đau biết mỏi, cái tri-giác ấy là tâm vậy » (*Ngũ-lục, III*). Cái tâm của người ta thiêng-liêng sáng-suốt, vạn lý vạn sự đều căn-bản ở đó cả. Vậy nên nói rằng : « *Hư linh bất muội, chúng lý cụ nhi vạn sự xuất. Tâm ngoại vô lý, tâm ngoại vô sự* 虚靈不昧衆理具而萬事出心外無理心外無事 : Hư-linh không tối, các lý có đủ mà vạn sự đều bởi đó mà ra. Ngoài cái tâm không có lý, ngoài cái tâm không có sự ». (*Ngũ-lục, I*)

Muốn biết rõ cái tâm thì phải dụng công để hiểu rõ cái tính. Tính là nói cái bản-nhiên chi tính, như nói : thiên mệnh chi vị tính. Có nhiều người bàn về tính lầm ở chỗ ấy nên mới có thuyết nọ thuyết kia không giống nhau. Dương-minh nói tại làm sao mà các luận-giả hay sai-lầm : « Những kẻ luận tính phân đồng dị, là bởi đều nói cái tính, chứ không phải thấy rõ cái tính. Người đã thấy rõ cái tính, thì không thể nói có đồng dị » (*Ngũ-lục, III*). Người thấy rõ cái tính bản-nhiên thì hiểu tính với tâm là một.

Tính với tâm là một, nhưng vì cái địa-vị khác cho nên cái danh mới khác. « *Tự kỳ hình-thể giả vị chi thiên, chủ-tể giả vị chi đế, lưu-hành giả vị chi mệnh, phú ư nhân giả vị chi tính, chủ ư thân giả vị chi tâm* 自其形體也謂之天，主宰也謂之帝，流行也謂之命，賦於人也謂之性，主於身也謂之心 : tự là cái hình-thể thì gọi là trời, làm chủ-tể thì gọi là đế,

lưu-hành thì gọi là mệnh, phú cho người thì gọi là tính, làm chủ ở thân thì gọi là tâm. » (Ngữ-lục, I)

Cái tâm phát ra mỗi việc một khác, việc nào có tên việc ấy, vô cùng vô tận, nhưng chung-quai chỉ có một cái tính mà thôi. Thí-dụ như cái tâm phát ra đối với cha thì gọi là hiếu, đối với vua thì gọi là trung v.v... Vậy hiếu rõ nghĩa chữ tính, thì vạn lý đều sáng rõ vậy.

Tính là bản-thể của tâm ; người ta đã biết rõ cái tâm, thì ngoài cái tâm ra, không còn có gì nữa. « *Thân chi chủ-tể tiện thị tâm, tâm chi sở phát tiện thị ý, ý chi bản-thể tiện thị tri, ý chi sở tại tiện thị vật* 身之主宰便是心, 心之所發便是意, 意之本體便是知, 意之所在便是物 : cái chủ-tể của thân là tâm, cái sở-phát của tâm là ý, cái bản-thể của ý là tri, cái ý để vào đâu là vật. » (Ngữ-lục, I). Thí-dụ như ý để vào chỗ thờ cha mẹ, thì thờ cha mẹ tức là việc ; ý để vào chỗ thờ vua, thì thờ vua là một việc, ý để vào chỗ nhân-dân ái vật, thì nhân-dân ái vật là một việc ; bởi thế cho nên nói rằng : không có cái lý ở ngoài cái tâm, không cái việc ở ngoài cái tâm. Những điều gọi là lý, là nghĩa, là thiện, đều ở tâm cả. « Ở vật là lý, xử với vật là nghĩa, ở tính là thiện, rồi nhân khi trở về cái gì thì đặt ra tên khác, kỳ thực là ở tâm của ta hết cả ». Có người hỏi rằng : « Người ta ai cũng có tâm ấy, tâm tức là lý, thì sao lại có người làm điều thiện, có người làm điều bất thiện ? » Ông nói rằng : « Cái tâm của người bỏ mất cái bản-thể. » (Ngữ-lục, I). Vậy người ta ai giữ được cái tâm thuần-hồ thiên-lý là thiện, ai đem cái tư-dục vào làm mất thiên-lý là ác. Bởi vì thiện ác thường là bởi sự hiểu ố của tâm mà sinh ra. « Cái sinh ý của trời đất đối với cái hoa cái cỏ cũng như nhau cả, không có phân ra thiện-ác. Nhưng mình thích xem hoa, thì cho hoa là thiện, cho cỏ là ác ; đến như muốn dùng cỏ, thì lại cho cỏ là thiện. Cái thiện-ác ấy đều bởi lòng hiểu ố của mình mà sinh ra. » ; « Thế thì không có thiện, không có ác hay sao ? » Rằng : « Không có thiện, không có ác, là cái thể tĩnh của lý ; có thiện có ác, là cái thể động của khí. Không động ở cái khí, tức là không có thiện, không có ác, ấy thế gọi là chí thiện. » (Ngữ-lục, I)

Thiện với ác vốn không phải là hai vật có sẵn. Nguyên chỉ có một cái tâm mà thôi, cái tâm thuần-hồ thiên-lý là thiện, nếu có cái tư-dục che lấp đi thì thành ra ác. Thiên-lý là bản-thể của tâm, tức là cái của Trời phú cho, như là nói : thiên mệnh chi vị tính. Nhân-dục là cái lòng hiểu tài,

hiếu sắc, hiếu lợi, hiếu danh, v.v... Bởi những lòng ấy cho nên cái tâm của ta mất cái chính mà thành ra thiên-lệch.

Tâm đã thuần-nhiên là thiên-lý, không có nhân-dục lẫn vào, thì biết rõ thể nào là nhân, là nghĩa, là lễ. Nhân : « *Nhân thị tạo-hóa sinh sinh bất tức chi lý* 仁是造化生生不息之理 : nhân là cái lý của tạo-hóa sinh sinh không thôi. » (*Ngũ-lục, I*). Bởi cái lễ theo lý mà sinh sinh ra mãi, cho nên kẻ nhân-giả lấy thiên-địa vạn vật làm nhất thể. Nghĩa : « *Tâm đắc kỳ nghi vi nghĩa* 心得其宜為義 : tâm được cái phải là nghĩa. » (*Văn-lục, II*). Lễ : « *Lễ tự tức thị lý tự* 禮字即是理字 : chữ lễ tức là chữ lý. » (*Ngũ-lục, I*). Lễ là lý, thì điều gì hợp với tâm là lễ. Hễ trái với tâm mà lại nhắm mắt câu-nệ theo cổ, đó là phi lễ chi lễ.

Dương-minh cho là nhân, nghĩa, lễ, trí đều ở tính mà ra cả, cho nên nói rằng : « Lễ là lý vậy, lý là tính vậy, tính là mệnh vậy. Duy cái mệnh của Trời sâu-xa không cùng : ở ngoài ta thì gọi là tính, sán-nhiên mà có điều-lý gọi là lễ, thuần-nhiên thật là thiện gọi là nhân, tiệt-nhiên mà tài-chế gọi là nghĩa, chiêu-nhiên mà minh-giác gọi là trí. Cái mệnh ấy hồn-nhiên ở cái tính, thì cái lý có một mà thôi. Cho nên nhân là cái thể của lễ, nghĩa là cái phải của lễ, trí là sự thông-suốt của lễ. » (*Văn-lục, IV*)

Lý ấy, mệnh ấy, tính ấy, đều ở cái tâm, học-giả chỉ nên tìm ở cái tâm, thì hiểu rõ các vật lý. Vật lý không ngoài được cái tâm của ta, ngoài cái tâm của ta là không có vật lý gì cả. Thánh-nhân sở dĩ hơn người là vì có cái tâm thuần-nhiên là thiên-lý, lúc nào cũng như cái gương soi vào đâu cũng rõ. Cho nên nói rằng : « *Thánh-nhân chi tâm như minh kính. Chỉ thị nhất cá minh, tắc tùy cảm nhi ứng, vô vật bất chiếu* 聖人之心如明鏡。

**只是一箇明，則隨感而應，無物不照** : Cái tâm của thánh-nhân như cái gương sáng. Chỉ là một cái sáng, thì cứ tùy cảm mà ứng, không có vật gì là không chiếu rõ. » (*Ngũ-lục, I*). Cái tâm của thánh-nhân và cái tâm của người thường cũng một cái tâm, nhưng tâm của thánh-nhân như cái gương sáng, mà tâm của người thường thì như cái gương để bụi che mờ, chiếu không rõ nữa. Vậy nên sự học của người ta là phải giữ cái tâm, như phải lau cái gương luôn cho sáng, để có vật gì qua cũng thấy rõ. Đó là phần rất trọng-yếu trong cái học của thánh-nhân, cho nên nói rằng : « *Thánh-nhân chi học, tâm-học giả* 聖人之學心學也 : cái học của thánh-nhân là tâm-học vậy. » (*Văn-lục, IV*)

## TÂM-HỌC

Do cái lý-thuyết đã nói ở trên mà Dương-minh lập thành cái tâm-học. Học để biết rõ sự-vật mà thù-ứng cho hợp thiên-lý, tức là hợp với chân-lý. Sự biết ấy do cái tâm của người ta, hễ cái tâm đã sáng thì lo gì vật đến mà không soi rõ được. Vậy nên cái công-phu của sự học cốt ở sự làm cho sáng cái tâm. Kẻ học-giả chỉ lo cái tâm chưa sáng, chứ không lo không biết hết những sự biến-đổi của vật. Người ta lập chí dụng công ở sự học cũng như sự giống cây vậy. Cây lúc đầu chỉ có mầm chưa có thân, hoặc có thân chưa có cành. Khi có cành rồi mới có lá, có lá rồi mới có hoa, có quả. Lúc đầu mới giống cây, ta chỉ chăm lo sự tài-bồi bón-tưới, đừng tưởng đến cành lá hoa quả vội. Hễ cây tốt thì tự-khắc có cành lá hoa quả, chỉ lo bỏ quên mất cái công tài-bồi mà thôi. Sự tài-bồi việc học là sự làm cho sáng cái tâm. Tâm như nước, có dơ-bẩn lẫn vào thì nước đục ; hoặc như cái gương, có bụi bám vào thì gương mờ. Cái bẩn, cái bụi ấy là cái tư-dục của người ta. « Sự học của người quân-tử là làm cho sáng cái tâm. Cái tâm vốn không tối, chỉ vì cái tư-dục che đi, cái tập-tục làm hại, cho nên hễ bỏ được cái che và cái hại thì tâm lại sáng, chứ không phải là được ở ngoài cái tâm vậy. » (*Văn-lục*, IV). Sự học như người tập bắn. Bắn thì phải có cái đích. Cái đích của sự học là cái tâm. Vậy nên sự học của người ta là chỉ cầu ở cái tâm mà thôi. « *Quân-tử chi học, cầu dĩ đắc chi ư kỳ tâm* 君字之學俟以得之於其心 : cái học của quân-tử là cầu lấy được ở cái tâm của mình. » (*Văn-lục*, IV)

Cái tâm để làm cốt, thì học bao nhiêu cũng không rồi, mà bao giờ cũng hợp cái lý nhất quán. Bởi vậy mới nói rằng : « Đức có cái gốc, mà học có cái cốt-yếu. Không do ở cái gốc, mà phiếm-nhiên tòng sự, thì cao lên là hư-vô, thấp xuống là chi-li, chung-qui thành ra lưu-đãng, mất cái tông-chỉ, nhọc mà không có cái sở-đắc vậy. » (*Văn-lục*, IV)

Có cái tâm-học, thì cứ theo cái chiêu-minh linh-giác 昭明靈覺 của tâm mà hành-động, chứ không câu-nệ gì cả. Dương-minh thường nói rằng : « Học là quý cái được ở tâm ; tìm ở tâm mà không phải thì dấu lời của Khổng-tử nói ra, không dám lấy làm phải ; tìm ở cái tâm mà phải thì dấu lời của kẻ tầm-thường nói ra, không dám lấy làm trái. » (*Ngũ-lục*, II). Sự học đã chủ ở tâm như thế, thì rất là ung-dung hoằng-đại, không câu-nệ điều gì, và không cố-chấp học-thuyết nào, hễ có điều phải là

theo. Có người hỏi rằng : « Đạo Nho và đạo Phật khác nhau thế nào ? » Dương-minh nói rằng : « Không nên tìm cái đồng cái dị của đạo Nho, đạo Phật, tìm cái phải mà học là được vậy. » ; « Thế thì phải với trái biện-biệt ra làm sao ? » ; « Tìm ở tâm mà yên là phải. » (*Văn-lục*, IV)

Thuở ấy có người cho cái tâm-học của Dương-minh giống như Thiền-học bên Phật. Ông sợ người ta hiểu lầm ở chỗ ấy, cho nên ông giải-thích rằng : « Cái học của thánh-nhân không có người, không có ta, không có trong, không có ngoài, cho trời đất vạn vật làm một, để làm tâm ; cái học của Thiền-tông thì khởi ở sự tự-tư tự-lợi mà chưa khởi phân ra trong ngoài ; đó là chỗ khác nhau vậy. Nay những người học về tâm-tính mà ra ngoài cái nhân-luân và bỏ các sự-vật, thì thật là Thiền-học ; nếu chưa ra ngoài nhân-luân không bỏ các sự-vật mà chuyên lấy tồn tâm dưỡng tính làm cốt, thì chính là cái học tinh nhất của thánh-môn » (*Văn-lục*, IV). Học-giả nên tế-nhận chỗ ấy mà phân-biệt cho rõ cái tâm-học của Nho-giáo và Thiền-học của Phật-giáo.

## SỰ GIẢNG-DẠY CỦA DƯƠNG-MINH

Thời bấy giờ Nho-học rất thịnh, nhưng chỉ thịnh về đường từ-chương, học-giả đều đua nhau giong-ruổi ở chỗ hư-văn, chải-chuốt lời nói cho đẹp-để để cầu lấy danh-lợi, chứ không có mấy người thực-tiễn những việc đạo-đức, cho nên mới thành ra văn thịnh thực suy. Người nào có chí ở việc học thì lại câu-nệ ở cái nghĩa chữ *tuấn-tự-tiến-tiến* 洵序漸進 của Chu-tử, nên chỉ trì-nghi không dám dũng-mãnh về đường tiến-thủ, thành ra nhu-nhược ti-thiển. Dương-minh từ khi ở Long-trường đã ngộ được cái đạo của thánh-hiền, muốn đem đạo ấy dạy người để chữa cái thời tệ. Ông bèn xướng lên cái thuyết *tri hành hợp nhất*. Sau ông thấy các học-giả vẫn theo lối thấp-hèn của tục-học, không hiểu rõ chỗ thiết-thực của đạo thánh-hiền, ông định tìm con đường cao-minh hơn để tiếp-dẫn những người có chí về việc học, và bảo các học-giả tĩnh tọa để tìm cái tâm. Sau ông thấy bọn học-giả dần dần đi vào con đường hư-không, trái với cái tông-chỉ của thánh-học, ông lại lấy sự *tỉnh-sát khắc-trị* 省察克治 làm cái thực công mà dạy người ta giữ thiên-lý bỏ nhân-dục. Một hôm ông ngồi bàn với môn-nhân về cái công-phu của sự học, ông nói rằng : « Dạy người ta học, không nên cố-chấp về một điều thiên-lệch. Người ta

lúc đầu, cái tâm cái ý không nhất-định, và cái tư-lự thường hay theo về một bên tư-dục, cho nên mới dạy cho phải ngồi im-lặng, và nghỉ hẳn cái tư-lự. Học như thế ít lâu, thì cái tâm cái ý tuy định, nhưng lại chỉ huyền-không tĩnh-thủ giống như cành cây khô, như đồng tro nguội, lại là vô dụng. Bấy giờ nên dạy người ta tĩnh-sát khắc-trị. Cái công-phu tĩnh-sát khắc-trị thì không có lúc nào rồi. Lúc vô sự thì đem những lòng hiếu sắc, hiếu tài, hiếu danh v.v... mà xét cho kỹ, cốt để trừ bỏ cho hết bệnh căn, khiến nó không phát ra nữa. Học-giả lúc ấy phải như con mèo rình chuột, mắt nhìn tai nghe, hễ thấy cái lòng tư mọc ra thì trị ngay đi, mãi cho đến khi không có chút lòng tư nào nữa, bấy giờ sẽ được ngay-chính. Tuy nói rằng : « hà tư, hà lự » nhưng không phải là việc lúc mới học. Lúc mới học phải lo tĩnh-sát khắc-trị, thì cái tư-lự mới thành-thực. Chỉ nghĩ có một cái thiên-lý, mà hễ đến được chỗ thiên-lý toàn thống hết cả, ấy thế là hà tư, hà lự » (*Ngũ-lục, I*)

Dương-minh lấy sự tồn thiên-lý, khử nhân-dục mà dạy người ta, nhưng vẫn chưa nói rõ ra được thiên-lý sở cứ vào ở đâu mà thể-nhân. Có ai hỏi đến điều ấy thì ông bảo tìm lấy. Ông thường nói chuyện với người ta rằng : « Ta muốn phát-huy điều ấy ra, biết nó chỉ có một lời, nhưng không phát ra được, lời ấy sẵn có ở trong miệng mà không nói ra thế nào được ». Sau ông lại nói : « Ta biết cái học ấy không có cái gì khác, chỉ có cái ấy thôi, hiểu được cái ấy là không có gì nữa. » Ông cứ lúng-túng mãi, không thể nói rõ thiên-lý ở trong người ta là cái gì. Đến khi ông bình xong giặc Thần Hào, lại bị bọn gian-thần chực làm hại, tính-mệnh nguy như trứng để đầu đấng. Đoạn rồi ông mới nhận biết thiên-lý là lương-tri. Từ đó về sau ông chỉ lấy hai chữ « lương-tri » mà dạy người ta, và lập ra cái thuyết *trí lương-tri*.

Cái học của Dương-minh tuy cực tinh-vi, cực cao-minh và vẫn chủ lấy sự thực-tiễn. Ông thấy người đời sùng-thượng hư-văn, ngôn-hạnh bất tương cố, cho nên trước ông xướng lên cái thuyết *tri hành hợp nhất* để chữa cái tệ-tập của mặt học, sau ông phát-huy ra cái thuyết *trí lương-tri* để người ta thể-nhận được thiên-lý ở trong tâm. Đó là cách của ông thiết-giáo để tiếp-dẫn người ta vào đạo vậy.

## TRI HÀNH HỢP NHẤT



Dương-minh xướng lên cái thuyết *tri hành hợp nhất* 知行合一 từ khi còn ở Long-trường. Chỗ ấy là đất mọi rợ, ngôn-ngữ không thông, chỉ một ít người Tàu đến đó kiếm ăn, ông đem cái thuyết ấy nói với họ, thì ai cũng nghe ra mà lấy làm thích. Lâu rồi đến người rợ cũng vui theo. Năm sau ông về Qui-châu giảng cái thuyết ấy với bọn sĩ-phu, thì có nhiều người không hiểu được. Ông cho đó là vì bọn sĩ-phu đã có cái ý-kiến sẵn rồi, cho nên mới ngang ra như vậy.

Cái thuyết *tri hành hợp nhất* là căn-bản ở câu « *tri chí chí chi, tri chung, chung chi* 知至至之知終終之 » ở thiên Văn-ngôn trong kinh Dịch. *Tri chí* 知至 là *tri* 知, *chí chi* 至之 là *trí* 致, *tri* tức là hành. Vậy *tri* với hành là một. Ông theo cái tông-chỉ duy tâm nhất trí mà lập ra thuyết này để đem học giả vào con đường thực-tiễn của đạo-đức. Ông nói rằng : « Muốn hiểu cái thuyết *tri hành hợp nhất*, trước hết phải biết cái tông-chỉ sự lập ngôn của ta. Người đời nay học-vấn, nhân vi đã phân *tri hành* ra làm hai việc, cho nên khi có một cái niệm phát-động, tuy là bất thiện nhưng bởi chưa thi-hành, thì không tìm cách ngăn-cấm. Ta nói cái thuyết *tri-hành hợp-nhất*, chính để người ta hiểu được chỗ nhất niệm phát-động, tức là hành rồi. Hễ chỗ phát-động có điều bất thiện, thì đem điều bất thiện ấy trừ bỏ ngay đi, cốt bỏ đến chỗ căn-để, khiến cái niệm bất thiện không tiềm-phục ở trong bụng. Ấy đó là cái tông-chỉ sự lập ngôn của ta. » (Ngữ-lục, III)

Ta nên biết rằng hai chữ *tri* và hành của Dương-minh nói ở đây có cái nghĩa khác cái nghĩa ta thường dùng. *Tri* là chuyên nói cái minh-giác của tâm, hành là nói sự phát-động của tâm, như trong sách Đại-học gọi là ý vậy. *Tri* là bản-thể của tâm, ý là sự phát-động của tâm. Tâm với ý là một, thì *tri* với hành là một. « Người ta trước hết phải có cái tâm muốn ăn, muốn mặc, muốn đi, v.v... nhiên-hậu biết ăn, biết mặc, biết đi. Cái tâm muốn ăn, muốn mặc, muốn đi ấy là lý, tức là cái khởi thủy của sự hành... Lấy cái toàn thể trắc-đản mà nói, gọi là nhân ; lấy sự được cái phải mà nói, gọi là nghĩa ; lấy việc điều-lý mà nói, gọi là lý. Không nên tìm cái nhân ở ngoài cái tâm, không nên tìm cái nghĩa ở ngoài cái tâm, thì lẽ nào lại tìm cái lý ở ngoài cái tâm được. Tìm cái lý ở ngoài cái tâm, ấy là *tri* với hành thành ra hai ; tìm cái lý ở trong tâm của ta, ấy là phép dạy *tri-hành hợp-nhất* của thánh-hiển vậy » (Ngữ-lục, II). Xem như vậy, thì cái nghĩa chữ hành bao-hàm cả sự tư-tưởng và sự động tác. Học, vấn, tư,

biện, đều là hành cả. « Lấy sự tìm mà làm cho giỏi các việc mà nói, gọi là học ; lấy sự tìm mà giải cho ra điều ngờ mà nói, gọi là vấn ; lấy sự tìm mà làm cho thông cái thuyết mà nói, gọi là tư ; lấy sự tìm mà làm cho tinh-tường việc xét mà nói, gọi là biện ; lấy sự tìm mà dày-xéo lên sự thực mà nói, gọi là hành. Hễ phân-tích cái công ra mà nói, thì thành năm việc, hợp các việc lại mà nói, thì chỉ có một mà thôi. Ấy là cái thể hợp-nhất của tâm-lý, và cái công tịnh-tiến của tri-hành. » (Ngữ-lục, II)

Tri với hành là một bản-thể. « Cái chỗ chân-thiết đốc-thực của tri, là hành ; cái chỗ minh-giác tinh-sát của hành, là tri. Nếu hành mà không tinh-sát minh-giác, ấy là minh<sup>4</sup> hành, tức là « học nhi bất tư<sup>5</sup> tắc vông » ; nếu tri mà không chân-thiết đốc-thực, ấy là vọng tưởng, tức là « tư nhi bất học tắc đãi ». Nguyên-lai chỉ có một cái công-phu. » (Văn-lục, III). Bởi vì học-giải chia cái công-phu ấy ra làm hai đoạn, làm mất mất cái bản-thể của tri hành, chứ không biết cái chân tri tức là hành, không hành không đủ gọi là tri.

Theo cái nghĩa ấy, thì cái thuyết tri hành hợp nhất rất sáng rõ. Song khi Dương-minh xướng lên cái thuyết ấy, có nhiều người không hiểu rõ, cứ biện-luận mãi. Một người cao-đệ của ông là Từ Ái đến hỏi ông. Ông bảo thử nói tại làm sao mà không hiểu. Từ Ái nói rằng : « Người ta ai cũng biết đối với cha thì phải hiếu, đối với anh thì phải đễ, nhưng không hiếu được và không đễ được, thế là đủ rõ tri và hành là hai việc. » Ông nói rằng : « Đó là bị cái tư-dục làm gián-đoạn, chứ không phải là cái bản-thể của tri hành. Chưa có cái gì là cái tri mà không hành. Tri mà không hành, chỉ là chưa tri. Thánh-hiền dạy người ta về tri hành, là muốn phục lại cái bản-thể. Sách Đại-học chỉ rõ cái chân-thực tri hành cho người ta xem, như nói : thích cái sắc đẹp, ghét cái hơi thối. Thấy cái sắc đẹp là thuộc về tri, muốn cái sắc đẹp là thuộc về hành. Khi thấy cái sắc đẹp thì đã thích rồi, chứ không phải là thấy rồi sau mới lập tâm để thích ; khi ngửi thấy hơi thối thì đã ghét rồi, chứ không phải là ngửi thấy rồi sau mới lập tâm để ghét. Lại như nói : người kia biết hiếu, người kia biết đễ, tất là người ấy đã làm việc hiếu việc đễ rồi, thì mới bảo là biết hiếu, biết đễ. Lại như biết đau, tất là mình đã thấy đau rồi mới biết đau ; biết rét, tất là mình đã thấy rét rồi mới biết rét ; biết đói, tất là mình đã thấy đói rồi mới biết đói. Như thế thì tri với hành phân ra làm hai thể nào được ? Đó là cái bản-thể của sự tri hành, không có cái tư-dục cách đoạn

ra vậy. Thánh-nhân dạy người tất phải như thế mới gọi là tri, không thì là bất tri. » Từ Ái nói : « Cổ-nhân chia tri hành ra làm hai, là cốt để người ta thấy rõ riêng từng cái : một cái hành để làm công-phu của cái tri, một cái hành để làm công-phu của cái hành, như thế thì cái công-phu mới có chỗ hạ lạc. » Dương-minh nói : « Như thế là làm mất cái tông-chỉ của Cổ-nhân rồi. Ta thường nói rằng : tri là cái chủ-ý của hành, hành là cái công-phu của tri. Tri là cái khởi-đầu của hành, hành là cái thành-tựu của tri. Nếu khi đã hiểu được như thế, thì chỉ nói một cái tri là đã có cái hành ở trong đó rồi ; nói một cái hành là đã có cái tri ở trong đó rồi. Cổ-nhân sở dĩ đã nói cái tri, lại nói cái hành, là chỉ vì thế-gian có thứ người mờ-mờ mịt-mịt theo ý của mình, không rõ sự *tư-duy tĩnh-sát* 思惟省察 ấy là *minh-hành vụng-tác*, bởi thế cho nên nói tri rồi sau mới hành, thì hành mới phải. Lại có thứ người mơ-mơ màng-màng những điều viển-vông vơ-vẩn, không chịu đem mình làm việc thiết-thực, ấy là *sủy-mô ảnh-hưởng* 揣模影響. bởi thế cho nên nói hành rồi sau mới tri, thì tri mới thực. Đó là Cổ-nhân bất-đắc-dĩ nói ra như thế để bổ cái lệch, chữa cái tệ. Nếu khi đã hiểu rõ ý ấy, thì chỉ một lời nói là đủ vậy. Nay người ta lại muốn chia tri và hành ra làm hai, tất phải tri rồi sau mới hành, như là phải giảng-tập thảo-luận để cầu lấy cái tri, chờ cho đến khi thật tri rồi mới hành, cho nên chung thân không hành mà cũng không tri. Đó là cái bệnh lớn mà lai-lịch không phải mới một ngày thành ra vậy. Ta nay nói tri hành hợp nhất, chính là đối bệnh bốc thuốc, và lại không phải là xuyên-tạc bịa-đặt ra đâu. Cái bản-thể của tri hành nguyên nó như thế, nếu khi đã biết rõ cái bản-thể rồi thì nói ra làm hai cũng không sao, nó vốn là một ; nếu không hiểu cái tông-chỉ, thì nói là một cũng không giúp được việc gì. » (Ngũ-lục, I)

Dương-minh dạy cái thuyết « tri hành hợp nhất » là cốt khiến học-giả tự mình tìm lấy cái bản-thể để chữa cái bệnh chi-ly quyết-liệt của sự học, cho nên ông nói : « *Tri giả hành chi thủy, hành giả tri chi thành. Thánh-học chỉ nhất cá công-phu, tri hành bất khả phân tác lưỡng sự* 知者行之始，行者知之成。聖學只一箇功夫，知行不可分作兩事 : Tri là cái khởi-thủy của hành, hành là sự thành-tựu của tri. Cái học của thánh-nhân chỉ có một cái công-phu, tri hành không thể chia làm hai việc được. » (Ngũ-lục, I)

Vương Long-khê là cao-đệ của Dương-minh nói rằng : « Trong thiên-hạ, chỉ có cái tri mà thôi, không hành không đủ gọi là tri. Tri và hành có bản-thể, có công-phu, như mắt trông thấy là tri, nhưng đã trông thấy rồi tức là hành ; tai nghe thấy là tri, nhưng đã nghe thấy rồi tức là hành, tóm lại chỉ có một cái tri là đủ rồi. » Mạnh-tử nói : « Đứa trẻ-con không đứa nào là không yêu cha mẹ, kịp lúc lớn lên không đứa nào là không biết anh chị. » Chỉ nói tri mà thôi, tri là làm được rồi ; năng ái năng kính, cái bản-thể vốn hợp-nhất. Dương-minh tiên-sinh vì hậu nho chia làm hai việc, bất-đắc-dĩ phải bàn đến cái thuyết hợp nhất. Cái tri không phải là nói kiến-giải 見解, cái hành không phải là nói lý-đạo 履蹈 ; chỉ theo một cái niệm mà lấy chứng : tri mà chân-thiết đốc-thực 真切篤實 tức là hành, hành mà minh-giác tinh-sát 明覺精察 tức là tri. Tri hành hai chữ đều trở cái công-phu mà nói, nhưng vẫn là hợp-nhất, chứ không phải là cố lập thuyết để củng cố sự tin của người ta.

Muốn hiểu rõ nghĩa mấy chữ « tri hành hợp nhất » thì phải tìm cái mối đầu của nó ở câu « bách lự nhi nhất tri » của Khổng-tử đã nói ở thiên Hệ-từ trong kinh Dịch. Cái mối nhất trí ấy là cái chiếu-minh linh-giác có sẵn trong tâm người ta. Dương-minh nhân đó mà phát-minh ra cái thuyết trí lương-tri khiến học-giả tự tìm lấy ở trong tâm mình mà hiểu cái lý duy-tinh duy-nhất trong sự học của thánh-hiền. Ai hiểu được rõ cái thuyết trí lương-tri, thì cái thuyết tri hành hợp nhất tự nó sáng rõ ra vậy.

## TRÍ LƯƠNG-TRI

Sau khi Dương-minh dẹp xong cái loạn Thần Hào rồi, lại bị những kẻ gian-thần tìm đủ cách để làm hại, thế mà ông cứ điềm-nhiên tin ở cái lương-tri, không hề lo sợ chút gì cả. Đến khi việc ấy yên rồi, ông viết thư cho người ta, nói rằng : « Cận lai tìm được ba chữ « trí lương-tri », thật là cái chính-pháp nhãn tàng 正法眼藏 của thánh-môn. Mấy năm trước còn cái ngờ chưa hết, nay nhân có nhiều việc, chỉ có cái lương-tri ấy mà không có cái gì là không đủ, ví như đi thuyền nắm được cái tay lái, đi qua chỗ phẳng, chỗ sóng, chỗ nông, chỗ sâu, không đâu là không vừa ý, tuy gặp sóng gió, nhưng đã nắm được tay lái, thì khỏi được cái lo phải chìm-đắm vậy ». Ông thường thở-than. Môn-nhân là Trần Cửu-Xuyên hỏi rằng : « Tiên-sinh thở-than về việc gì ? » Ông nói rằng : « Cái lý ấy

giản-dị minh-bạch như thế mà chìm lấp hằng mấy trăm năm ! » Trần Cửu-Xuyên nói : « Cũng vì Tống-nho theo cái giải-nghĩa của chữ tri, nhận *thức-thần* 識神 làm *tính-thể* 性體, cho nên sự văn-kiến càng ngày càng thêm nhiều, mà sự làm ngăn-lấp cái đạo càng ngày càng thêm sâu. Nay tiên-sinh phát-minh ra hai chữ lương-tri, ấy là cái diện-mục thật của loài người xưa nay, còn có điều gì là nghi-ngờ nữa ? ». Ông nói : « Phải. Ví như người nhận lầm mộ của người khác họ làm mộ tổ mình, làm thế nào mà phân-biệt được ? Chỉ có cách mở ra, rồi lấy máu con cháu mà thử phải hay không, rõ ra đó <sup>2</sup>. Hai chữ lương-tri của ta thật là một giọt cốt huyết của các bậc thánh tương-truyền từ nghìn xưa ». Ông lại nói : « Ta đối với cái thuyết lương-tri là bởi chỗ bách tử thiên nạn mà tìm thấy được, bất-đắc-dĩ đem nói rõ ra, chỉ sợ học-giả cho là dễ, dễ ngấm chơi, chứ không chịu dùng công-phu mà thực-hành, thật là phụ mất cái biết ấy. » (Phụ-lục, II)

Hai chữ « lương-tri » nói ra thì dễ lắm, nhưng kỳ thực biết cho rõ rất là khó. Ta chớ nên khinh-thường mà không xét cho thật tường-tận. Cái thuyết *trí lương-tri* 致良知 căn-bản ở chữ *trí tri* 致知 của Khổng Tử và chữ *lương-tri lương-năng* 良知良能 của Mạnh-tử. Trí là cái minh-giác của tâm, mà lương-tri lương-năng là cái bản-thể của tri hành. Vậy chữ lương-tri của Dương-minh hàm cả cái nghĩa tri hành hợp nhất.

« Tâm chi bản-thể tức thiên-lý giả ; thiên-lý chi chiêu-minh linh-giác sở vị lương-tri giả 心之本體即天理也 ; 天理之昭明覺所謂良知也 : cái bản-thể của tâm là thiên-lý, cái chiêu-minh linh-giác của thiên-lý là lương-tri. » (Phụ-lục, III). Chữ lương-tri định nghĩa như thế, tức là lý, là đạo, tự nó rất sáng-suốt, rất linh-diệu, lưu-hành khắp vũ-trụ mà không bao giờ biến-đổi. Cho nên nói rằng : « Lương-tri ở tâm người ta suốt muôn đời, lấp vũ-trụ, mà bao giờ cũng thế : không nghĩ mà biết, không học mà hay, trước Trời mà Trời không trái được. » (Ngũ-lục, II). Trời đất quỷ-thần và vạn vật sở dĩ có là nhờ có cái lương-tri ấy. Vậy nên lại nói : « Lương-tri là cái tinh-linh của tạo-hóa. Cái tinh-linh ấy trời sinh đất, thành quỷ, thành thần, cái gì cũng bởi đó mà ra, thật là cùng với vật mà không có vật nào sánh ngang với nó được. » (Ngũ-lục, III). Không có cái biết bản-nhiên là lương-tri, thì trời đất và vạn vật đều có cũng như không mà thôi. Lương-tri bao giờ cũng tự-nhiên tự-tại, linh-diệu vô cùng, mà vẫn khuyếch-nhiên thái-công : « Vô tri vô bất tri, cái bản-thể nguyên

như thế. Ví như mặt-trời chưa từng có bụng soi sáng cho các vật, thế mà không có vật nào là không được soi sáng. Vô chiếu vô bất chiếu nguyên là cái bản-thể của mặt-trời như thế. Lương-tri vốn là vô tri, nay lại muốn cho là hữu tri ; vốn là vô bất tri, nay lại ngờ là có cái bất tri ; là bởi sự tin lương-tri chưa tới vậy. » (*Ngũ-lục*, III). Muốn biết lương-tri là có, thì trước hết ta phải tin nó có và chớ nên tự khi nó : « Hễ không tự khi thì lương-tri không có cái gì lừa-dối được, thế là thành 誠 vậy, thành thì minh 明 vậy ; tự tin thì lương-tri không có cái gì cảm-dỗ được, thế là minh vậy, minh thì thành vậy. Minh thành tương sinh, cho nên lương-tri thường chiếu, thường giác, như cái gương sáng treo lên, vật gì đến cũng không giấu được cái đẹp cái xấu. » (*Ngũ-lục*, II). Lương-tri chỉ là một, tùy nó phát-hiện lưu-hành, tự nó nặng-nhẹ, dày-mỏng, không ai thêm-bớt được, cho nên mới gọi là cái trung 中 thiên-nhiên. Cái tri, cái giác của lương-tri vốn là tự-tại, mà không sao trắc-lượng được. Biết là có, mà đến khi biết thật rõ ra, lại không biết cái biết ấy ở đâu, thế mà phải biết mới được. Bởi vậy nói rằng : « Tri lai bản vô tri, giác lai bản vô giác, nhiên bất tri tắc toại luân-mai 知来本無知，覺来本無覺，然不知則遂淪埋 : tri ra vốn là vô tri, giác ra vốn là vô giác, nhưng không biết thì là chìm-lấp mất. » (*Ngũ-lục*, III)

Cái tri ấy vô hình, vô ảnh, vô phương-sở, nhưng không đâu là không có. Nó cứ tự-nhiên nhi-nhiên mà chiếu ra. Dầu che-lấp thế nào cũng không làm mất đi được. Lương-tri ở trong tâm người ta, ví như cái ánh-sáng của mặt-trời ở trong không-gian. Khi ta ngồi vào chỗ tối, ta tưởng là không có ánh-sáng nữa, nhưng kỳ thực nó vẫn vằng-vặc trong khoảng trời đất. Chỗ tối ấy là vọng-niệm, là tư-dục, nó chỉ che được cái sáng, chứ không làm mất được cái sáng. Vậy nên nói rằng : « Tuy vọng niệm chi phát, nhi lương-tri vị thường bất tại, dẫn nhân bất tri tồn, tắc hữu thời nhi hoặc phóng nhĩ. Tuy hôn-tắc chi cực, nhi lương-tri vị thường bất minh, dẫn nhân bất tri sát, tắc hữu thời nhi hoặc tế nhĩ 雖妄念之發，而良知未常不在，但人不知存，則有時而或放耳。雖昏塞之極，而良知未常不明，但人不知察，則有時而或蔽耳 : tuy cái vọng-niệm phát ra mà cái lương-tri chưa từng không có, chỉ vì người ta không biết giữ cho còn, mới có lúc để buông lỏng ra. Tuy cái mờ-tối che-lấp đến cực, mà cái lương-tri chưa từng không sáng, chỉ vì người ta không biết xét, mới có lúc

để che mất. » (Ngũ-lục, II). Sự học là cốt bỏ cái tối, cái che đi, để thấy rõ cái sáng của lương-tri vậy.

Tâm của người ta kỳ thi không khác gì tâm của thánh-nhân, chỉ vì cái lòng hữu-ngã nó ngăn ra, cái che-lấp của vật-dục nó cách ra, làm lớn hóa nhỏ, không hóa tắc, mỗi người có một cái tâm riêng, đến nỗi có người xem cha con anh em như kẻ cừu-địch. Thánh-nhân lấy làm lo, mới suy ở cái nhân của thiên-địa vạn vật nhất thể ra mà dạy thiên-hạ, khiến ai nấy đều nén cái tư, bỏ cái bế-tắc để phục lại cái đồng-nhiên của tâm-thể. Đó là cái nghĩa : đạo tâm duy vi, duy tinh, duy nhất, doãn chấp quyết trung.

Thánh-nhân sở dĩ hơn người là giữ được hoàn toàn cái lương-tri mà hành-động, chứ không *trầm-không thủ-tịch* 沈空守寂 như lối Thiền-học của Phật-giáo, mà cũng không *an-bài tư-cách* 安排思 như lối học của phần nhiều những học-giả đời sau. Những lối ấy chính là lối tự-tư, dụng trí, làm mất cái lương-tri. Thánh-nhân cũng tư-lự, nhưng sự tư-lự của thánh-nhân là do sự phát-dụng của lương-tri, chứ không theo sự an-bài của tư-ý. Cái học mà chủ ở lương-tri thì chỉ dụng công ở chỗ phác-thực rồi tự hiểu được hết cả mọi sự. Hiểu được như thế thì quên cả trong ngoài, mà tâm với sự hợp làm một vậy.

Lương-tri là cái linh-căn của trời phú cho, tự nó sinh sinh bất tức, chỉ vì người ta gây thành cái tư-lự, đem cái gốc thiên-liêng ấy mà phá-hại và che-lấp đi, cho nên nó mới không phát-sinh ra được. Không biết rằng một điểm lương-tri ấy là cái chuẩn-tắc có sẵn ở ta, cái ý-niệm của ta ở chỗ nào mà phải, thì nó biết là phải, trái thì nó biết là trái, dẫu muốn lừa-dối nó chút nào cũng không được. Ta đừng lừa-dối nó, cứ thực-thà theo nó, thì cái thiện còn lại, cái ác phải mất đi. Như thế thì ổn-thỏa và vui-sướng là dường nào ! Đó là cái bí-quết của sự cách-vật, cái thực-công của sự trí-tri.

Lương-tri huyền-bí linh-diệu như thế cho nên Dương-minh lấy ba chữ *trí lương-tri* mà dạy người ta, nghĩa là dạy người ta phải học cho đến cái lương-tri. Học-giả có người cho là cái tâm-thể của người ta tuy là sáng-suốt nhưng còn có cái khí nó câu-thúc, có cái vật nó tế-tắc, thành ra thường hay bị mờ tối. Giả sử không có học, vấn, tư, biện, cho cùng cái lý của thiên-hạ, thì sao biết rõ thiện ác và thực giả. Nếu cứ nhiệm-tình tứ-ý há chẳng hại lắm hay sao ? » Ông nói rằng : « Cái lý của vạn sự vạn

vật không ngoài được cái tâm của ta. Thế mà nói rằng phải cùng cái lý của thiên-hạ, ấy là nhờ cái lương-tri của ta chưa đủ, cho nên phải ra ngoài tìm chỗ rộng của thiên-hạ để bổ ích thêm vào. Như thế là tách cái tâm và cái lý ra làm hai vậy. Cái công học, vấn, tư, biện, dốc hành, tuy có sự cố-gắng đến : người ta một phần thì mình phải trăm phần, nhưng cái cùng-cực của sự khoáng-sung đến chỗ « tận tính tri thiên » cũng chẳng qua là trí cái lương tri của tâm ta mà thôi. Ngoài cái lương-tri há lại có thêm được chút gì nữa không ? Nay nói cùng lý của thiên-hạ mà không biết quay trở lại cầu lấy ở tâm, thì phạm cái mà gọi là cái cơ của thiện ác và sự biện-biệt của việc thực giả, nếu bỏ cái lương-tri của tâm đi, thì toan lấy gì mà đến chỗ xét cho rõ được ? Người ta sở dĩ nói *khí câu, vật tế*, là nói câu cái đó, tế cái đó mà thôi. Nay muốn bỏ cái che-lấp của cái ấy mà không dụng lực ở cái ấy, lại muốn đi tìm ở ngoài, thì có khác gì con mắt không sáng mà không vụng lấy sự phục thuốc để điều-trị con mắt, lại cứ đi tìm cái sáng ở ngoài, cái sáng há có thể lấy ở ngoài được hay sao ? Cái hại nhiệm-tình tứ-ý cũng là bởi không xét được kỹ cái thiên-lý ở lương-tri của tâm. Ấy thật là sai một hào-ly mà lầm đến nghìn dặm ». (*Ngũ-lục, II*)

Bởi lẽ ấy cho nên cái học của Dương-minh không nói cùng lý mà chỉ nói trí lương-tri. Ông lại lấy chữ trí-tri cách-vật trong sách *Đại-học* làm cơ-sở cho cái thuyết trí lương-tri của ông, nên nói rằng : « Ta nói trí-tri cách-vật, là trí cái lương-tri của tâm ta ở sự sự vật vật. Lương-tri của tâm ta tức là cái gọi là thiên-lý. Trí cái thiên-lý trong lương-tri của tâm ở sự sự vật vật, thì sự sự vật vật đều được cái lý. Trí cái lương tri của tâm ta là trí tri ; sự sự vật vật đều được cái lý là cách-vật. » (*Ngũ-lục, II*). Cái công-phu của sự trí lương-tri ở sự cách-vật. Cách-vật là khiến cho các sự-vật được đúng thiên-lý. Ông nói : « Ta dạy trí lương-tri là phải dụng công ở cách-vật, ấy là sự học-vấn có căn-bản, càng ngày càng tiến thêm, càng ngày càng biết rõ-ràng. Thế-nho thì dạy thì tìm-kiếm ở các sự-vật, ấy là sự học-vấn không có căn-bản, giống như cây không có gốc, lâu thành ra tiêu-tụy. » (*Ngũ-lục, III*)

Cái gốc của vạn vật là thiên-lý. Người ta sinh ra, ai cũng có một phần thiên-lý, là phần thiêng-liêng sáng-suốt của ta, tức là lương-tri. Lương-tri thì người hiền kẻ ngu ai cũng có như nhau cả, chỉ khác là người hiền thì giữ được cái lương-tri sáng-suốt mà kẻ ngu thì để nó mờ-



tối đi mà thôi. Bởi vậy nói rằng : « Phàm cái lương-tri, lương-năng thì đũa ngu-phu ngu-phụ cũng giống như thánh-nhân, nhưng thánh-nhân trí được cái lương-tri, mà ngu-phu ngu-phụ thì không trí được, ấy là thánh với ngu phân-biệt ra bởi ở đó. » (*Ngũ-lục, II*)

Theo cái thuyết ấy thì người ta ai cũng có thể làm thánh làm hiền được, miễn là biết trí cái lương-tri, thì các cái đức tự sáng ra. « Kẻ sĩ hôn-ám mà quả bay tùy sự tùy vật xét kỹ cái thiên-lý của tâm, để trí được cái lương-tri bản-nhiên, thì tuy ngu rồi hóa sáng, tuy mềm rồi hóa cứng. Cái gốc lớn đã dựng, cái đạt-đạo đã thành thì bao nhiêu những điều dạy ở trong các kinh Truyện có thể lấy cái một mà suốt hết cả, không sót gì. » (*Ngũ-lục, II*). Đó là cái đạo nhất quán của Khổng-tử đã dạy từ xưa. Ngài bảo thầy Tử-Cống : « Người cho ta là học nhiều mà biết có phải không ? Không phải. Ta chỉ lấy cái một mà suốt hết cả đó. » Lấy cái một mà suốt hết cả, chẳng phải trí cái lương-tri là gì ?

Học theo cái thuyết trí lương-tri thì không cần phải biết nhiều nhớ nhiều, thế mà không có việc gì là không biết. Lương-tri không bởi kiến-văn mà có, mà kiến-văn nào cũng là cái dụng của lương-tri. Cho nên lương-tri không ú-trệ ở kiến-văn mà cũng không xa-lìa kiến-văn. Khổng-tử nói : « Ta có biết gì không ? Không biết vậy ». Ngoài cái lương-tri ra thì có cái biết gì nữa. Cho nên lương-tri là cái mối đầu rất lớn của sự học-vấn. Ấy là cái nghĩa thứ nhất của thánh-nhân dạy người. Nay nói : « Chuyên cầu ở cái mối cuối của kiến-văn thì bỏ mất cái mối đầu, ấy là trụt xuống cái nghĩa thứ hai... Đại-để cái công-phu của sự học-vấn là chỉ chú-ý ở cái mối đầu. Nếu chú-ý ở cái mối đầu, chuyên lấy trí lương-tri là việc cốt-yếu, thì phàm đa văn đa kiến, không cái gì là không phải cái công của sự trí lương-tri » (*Ngũ-lục, II*). Sự học của thánh-nhân chỉ chủ ở sự tìm cho thấy rõ cái bản-sắc của lương-tri, chứ không có ý gì khác nữa. Cái hư-vô của lương-tri cũng như cái hư-vô của Thái-hư. Mặt trời, mặt trăng, gió-mưa, sấm-sét, núi-sông, dân-vật, phàm vạn hữu đều ở cả trong Thái-hư vô hình mà phát-động lưu-hành, mà chưa từng có vật nào làm ngại-trở cho Thái-hư. Thánh-nhân thuận cái phát-dụng của lương-tri, thì trời đất vạn vật đều ở trong sự phát-dụng lưu-hành của lương-tri, mà chưa có một vật nào ra ngoài lương-tri mà làm ngại-trở được. Song cái học quang-minh chính-đại ấy không phải là ai cũng hiểu rõ ngay được ; người nào có chí ở đạo, rồi hết sức cố-gắng tìm cho thấy đạo thì mới

biết được cái chân-tướng của lương-tri. Bởi vậy, Dương-minh nói : « Duy những kẻ sĩ có đạo, thì thật thấy rõ cái chiêu-minh linh-giác của lương-tri, khuếch-nhiên thái-công cùng với Thái-hư đồng một thể. Trong Thái-hư thì vật gì cũng có, mà không có vật nào che lấp được Thái-hư. » (Phụ-lục, III)

La Niệm-am là người cao-đệ của Dương-minh, nói rằng : « Dương-minh tiên-sinh dạy cái lương-tri là gốc ở ba điều của Mạnh-tử : chột thấy người sa xuống giếng, – đứa trẻ biết yêu biết kính, – sự hiếu ố bình-nhật của người ta. Ba điều ấy đều có sẵn trước lúc chưa phát ra, cho nên gọi là *lương*, cũng như Chu Hối-am gọi *lương* là cái tự-nhiên vậy. Khi có một điều gì phát-hiện ra mà chưa có thể làm được, thì phải phục ngay lại cái bản-thể, cho nên nói là « truat dịch 怵惕 », tất là để lấy sự khoáng-sung mà nối theo ; nói hiếu ố, tất là để lấy sự trưởng-dưỡng mà nối theo ; nói sự ái kính, tất là để lấy sự đạt ra thiên-hạ mà nối theo. Cái ý của Mạnh-tử thấy rõ lắm, mà Dương-minh tiên-sinh hiểu được cái ý ấy, cho nên không lấy cái lương-tri làm đủ, mà lại lấy trí-tri làm công-phu. » La Niệm-am giải rõ cái nghĩa chữ lương-tri, là cái thể tự-tại, cái trung chưa phát ra vậy. Cái thể ấy, cái trung ấy, vẫn có sẵn nhưng cái công-phu của học-giả là cốt ở chữ *trí* : có trí tới cái lương-tri để nối theo mà *sung* 充, mà *dưỡng* 養, mà *đạt* 達 thì mới có cái hòa. Đó là điều cốt-yếu trong cái thuyết trí lương-tri.

Đại-đế cái thuyết *trí lương-tri* là tóm cả cái nghĩa cách-vật, thành ý vào chữ trí-tri mà vẫn không ra ngoài cái tông-chỉ *tri hành hợp nhất* và theo được đúng cái lý *nhất dĩ quán chi* của Khổng-học.

## CÁI TÔNG-CHỈ TRÍ LƯƠNG-TRI

Dương-minh về Đình-gian, nghỉ ở nhà dạy học non sáu năm, phát-huy ra cái thuyết trí lương-tri. Sau triều-đình lại cử ông làm Tổng-đốc Lưỡng-Quảng để dẹp giặc ở châu Tư-diễn. Khi ông sắp đi, hai người cao-đệ của ông là Tiền Đức-Hồng và Vương Kỳ bàn cái tông-chỉ về cái học trí lương-tri. Tiền Đức-Hồng nhắc lại lời dạy của Dương-minh rằng : « Vô thiện vô ác là cái thể của tâm, có thiện có ác là sự động của ý, biết thiện biết ác là lương-tri, làm thiện bỏ ác là cách-vật. » Vương Kỳ nói rằng : « Lời ấy sợ chưa phải là lời cứu-cánh. » Đức-Hồng hỏi rằng : «

Tại sao ? » Vương Kỳ nói : « Nếu nói tâm-thể là vô thiện vô ác, thì ý cũng vô thiện vô ác, tri cũng vô thiện vô ác, vật cũng vô thiện vô ác ; nếu nói ý có thiện có ác, thì rút lại là tâm-thể vẫn có thiện có ác. » Đức-Hồng nói : « Tâm-thể là thiên-mệnh chi tính, nguyên là vô thiện vô ác, nhưng người ta tập-nhiễm đã lâu, trong ý-niệm thấy có thiện có ác. Cách-vật, trí-tri, thành ý, chính tâm, tu thân, ấy là cái công-phu để phục lại cái tính-thể. Nếu bằng nói : nguyên là vô thiện ác, thì cái công-phu ấy nói không xuôi vậy. » Đoạn, đến đêm vào ngổi hầu Dương-minh ở trên cầu Thiên-tuyền, hai người đem việc ấy ra hỏi. Dương-minh nói : « Ta nay sắp đi, chính muốn các người đến giảng cho vỡ cái ý ấy. Ý-kiến của hai người nên để giúp nhau mà dùng, không nên mỗi người cố-chấp một bên. Nhữ-trung (tên tự của Vương Kỳ) nên dùng cái công-phu của Hồng-phủ (tên tự của Tiền Đức-Hồng), Hồng-phủ nên hiểu cái bản-thể của Nhữ-trung. Ấy là chỗ ta tiếp-dẫn hai hạng người. Người có lợi-căn<sup>8</sup>, thì theo thẳng cái bản-nguyên mà thể-ngộ : cái bản-thể của tâm người ta nguyên là sáng-sủa không có ngưng-trệ, tức là cái trung lúc chưa phát ra. Người có lợi-căn thể-ngộ ngay được, thì bản-thể là công-phu : người với ta, trong với ngoài, đều nhất tể hiểu thấu cả. Người không có lợi-căn là bậc thứ, thì không khỏi có sẵn cái tập-tâm che-lấp mất cái bản-thể, cho nên mới dạy sự thực-hành ở ý-niệm làm thiện bỏ ác. Sau khi cái công-phu đã thuần-thục rồi, những cái căn-bã bỏ hết sạch, thì bản-thể cũng sáng rõ ra. Cái ý-kiến của Nhữ-trung là cái ta tiếp-dẫn người có lợi-căn ; cái ý-kiến của Hồng-phủ là cái lập-pháp của ta để tiếp-dẫn người bậc thứ. Hai người nên lấy lẫn của nhau mà dùng, thì bậc trung-nhân và trung-nhân dĩ thượng, trung-nhân dĩ hạ đều đem được vào đạo. Nếu mỗi người cố-chấp một bên, thì ngay nhơn-tiền đã không tiếp-dẫn được ai, mà đến đạo-thể cũng mỗi bên có điều chưa đủ. » Đoạn, ông lại nói : « Từ nay về sau cùng với bằng-hữu giảng học, đừng có làm mất cái tông-chỉ của ta. Cái tông-chỉ ấy là : *Vô thiện vô ác thị tâm chi thể, hữu thiện hữu ác thị ý chi động, tri thiện tri ác thị lương-tri, vi thiện khứ ác thị cách-vật* 無善無惡是心之體，有善有惡是意之動，知善知惡是良知，為善去惡是去物 : vô thiện vô ác là cái thể của tâm, có thiện có ác là sự động của ý, biết thiện biết ác là lương-tri, làm thiện bỏ ác là cách-vật. »<sup>9</sup> Các người phải theo bốn câu ấy, rồi tùy người mà chỉ-điểm, thì tự nó không có bệnh-thống. Ấy là cái công-phu suốt trên suốt dưới. Người có lợi-căn ở đời

cũng ít khi gặp, hạng người ấy hiểu một lần thì suốt hết cả. Ấy, Nhan-tử và Trình Minh-đạo còn không dám dương, há lại khinh-dị mà trông ở người khác được hay sao ? Người thường thì ai cũng có tập tâm, vì cái tập sở-nhiễm, nếu không dạy người ta thực-dụng cái công-phu ở lương-tri, làm thiện bỏ ác, thì chỉ là treo cái không-tưởng của bản-thể, nhất-thiết sự-vật đều không thực-tiễn, chẳng qua là nuôi thành một cái *hư-tịch* 虛寂, ấy là cái bệnh-thống không phải là nhỏ, không nên sớm chữa vậy. (Ngũ-lục, III)

Cái học của Dương-minh rất cao-minh mà vẫn thiết-thực, cho nên trong cái tông-chỉ ấy ông nói rõ cái thể bản-nhiên của tâm và cái căn-nguyên của thiện-ác, rồi bảo người ta lấy sự trí-tri và cách-vật mà phục lại cái bản-thể ấy. Song ông còn sợ học-giả hiểu không rõ, cho nên ông ân-cần dặn kỹ đừng thiên-trọng quá về cái bản-thể của lương-tri mà bỏ mất cái công-phu thực-dụng ; và cũng đừng thiên-trọng quá về cái công-phu thực-dụng mà bỏ mất cái bản-thể của lương-tri. Cốt nhất là phải lựa từng hạng người mà tiếp-dẫn, chứ không nên cố-chấp một mặt nào. Dù thế mặc lòng, về sau vì bốn câu nói tóm cái tông-chỉ ấy mà bọn môn-nhân mỗi người đi ra một đường. Vương Long-kê (tên hiệu Vương Kỳ) thì lấy cái bản-thể « vô thiện vô ác » mà lập giáo, thành ra một cái học chỉ vụ lấy sự « ngộ 悟 », và phát-minh ra được nhiều điều rất cao, nhưng dần dần lại biến ra Thiền-học. Bọn Tiền Tự-sơn (tên hiệu Tiền Đức-Hồng) và Châu Đông-quách (tên hiệu Châu Thủ-Ích) thì lấy « tri thiện tri ác, vi thiện khử ác » làm cái học tu-trì, tuy có giữ được cái phần thiết-thực, nhưng lại kém phần cao-minh.

Cái học trí lương-tri là cốt phải dụng công ở chữ *trí 致*. Trí là tới cái bản-thể tự-tại, tức là tới cái nguồn-gốc của sự tri-giác và sự hành-động. Tới được cái bản-thể ấy thì gồm được cả động-tĩnh : tĩnh thì thiêng-liêng sáng-suốt, động thì lúc nào cũng có cái hòa trúnng tiết. Đó là cái chủ ý của Dương-minh, cho nên ông thường nói : « Xưa ta ở đất Trừ, thấy môn-sinh hay vụ lấy sự tri-giác, không có ích cho sự sở-đắc, ta mới dạy cho hãy tĩnh tọa ; được một độ thấy cái quang-cảnh cũng có cận-hiện, nhưng lâu dần thấy có cái bệnh thích tĩnh chán động, đi vào cái khô-kháo, cho nên gần đây ta chỉ nói trí lương-tri. Lương-tri minh-bạch thì tha-hồ ở chỗ tĩnh mà thể-ngộ cũng được, ở chỗ việc làm mà ma-luyện cũng được. Cái bản-thể của lương-tri nguyên không có động, không có tĩnh, ấy là cái cốt-

tử của sự học-vấn. » Cái ý của ông rõ như thế mà về sau các học-giả chỉ biết ma-luyện ở chỗ việc làm, thế tất phải nhận tri-thức làm lương-tri, rồi ngằm-ngắm hăm vào cái bệnh *nghĩa tập*, *trợ trướng* 義集<sup>10</sup> 助苐, cái hại lại quá sự thích tĩnh chán động. Bởi không theo cái lương-tri mà dụng công, lại dụng công ở chỗ động-tĩnh và nhất là lại chỉ dụng công ở chỗ động mà thôi, cho nên đối với cái học của Dương-minh thành ra lệch về một bên vậy.

## GIÁO-ĐIỂN CỦA DƯƠNG-MINH

Dương-minh dạy các môn-đệ thường lấy chương đầu sách *Đại-học* và sách *Trung-dụng* mà chỉ rõ cái toàn công của thánh-học, khiến học-giả biết đường-lối mà vào. Ông cho là sự biết của tâm không ngoài được cái trung của « dân di vật tắc 民異物則 », mà cái công của sự của trí-tri không ngoài được việc tu, tề, trị, bình, nên chỉ ông lấy những điều ấy làm chỗ thực-địa dụng công. Sau môn-nhân chép những lời ông dạy làm thành một thiên gọi là *Đại-học vấn* 大學局, nghĩa là câu hỏi về sách *Đại-học*. Thiên ấy nói rút cái đại ý của Nho-học, cho nên phiên-dịch ra sau này :

- « Các tiên-nho cắt-nghĩa *Đại-học* là cái học của bậc đại-nhân, dám hỏi cái học của bậc đại-nhân sao lại cốt mình mình-đức ? »

Dương-minh-tử nói rằng : « Bậc đại-nhân là bậc người lấy trời đất muôn vật làm nhất-thể, coi thiên-hạ như một nhà, coi cả nước như một người. Nếu cho hình-hài là gián-cách mà chia ra nhĩ ngã, thế là tiểu-nhân vậy. Bậc đại-nhân có thể cho trời đất muôn vật làm nhất-thể, không phải là tự ý riêng mình, mà chính là cái nhân ở trong tâm người ta vốn như thế. Cái tâm cùng với trời đất muôn vật làm một, không phải chỉ là cái tâm của bậc đại-nhân ; tâm của kẻ tiểu-nhân cũng đều như thế cả. Chỉ tại kẻ tiểu-nhân tự cho cái tâm ấy nhỏ đi mà thôi. Bởi thế cho nên thấy đứa trẻ-con ngã xuống giếng, ắt có lòng bần-khoản thương-xót, thế là lòng nhân cùng với đứa trẻ-con làm một thể vậy. Đứa trẻ-con còn là đồng loại với mình, chứ ngay thấy chim-muông kêu thương đau-đớn, ắt có lòng bất nhẫn, thế là lòng nhân cùng với chim-muông làm một thể vậy. Chim-muông còn là loài có tri-giác, chứ ngay thấy cỏ cây đổ gãy, ắt có lòng mẫn-tuất, thế là lòng nhân cùng với cỏ cây làm một thể vậy. Cỏ cây còn là loài có sinh ý, chứ ngay thấy ngôi đá vỡ nát, cũng có lòng đoái-

tiếc, thế là lòng nhân cùng với ngói đá làm một thể vậy. Như thế thì cái lòng nhân coi trời đất muôn vật làm nhất-thể, dầu kẻ tiểu-nhân cũng phải có. Lòng ấy gốc ở cái mệnh của trời mà tự-nhiên thiêng-liêng sáng-suốt, cho nên gọi là minh-đức. Lòng kẻ tiểu-nhân dầu chia-cách, hẹp-hòi, song cái lòng nhân « nhất thể » vẫn không mờ-tối. Đó là kể những lúc chưa bị lòng dục làm lay-động, lòng tư làm che-lấp vậy. Đến khi lòng dục làm lay-động, lòng tư làm che-lấp, mà sự lợi-hại đánh lẫn nhau, sự tức-giận khích lẫn nhau, thì hại vật nát loài, không cái gì là không làm, rồi đến cả cốt-nhục tương tàn, mà cái nhân « nhất thể » mất vậy. Thế cho nên nếu không bị tư-dục che-lấp, thì tuy là cái tâm của kẻ tiểu-nhân, nhưng cái nhân « nhất thể » cũng như cái tâm của bậc đại-nhân vậy ; nếu đã có tư-dục che-lấp, thì tuy là cái tâm của một bậc đại-nhân, nhưng sự chia-cách hẹp-hòi cũng như cái tâm của kẻ tiểu-nhân vậy. Bởi thế cái học của bậc đại-nhân cốt bỏ cái che-lấp của tư-dục, để tự sáng lấy cái đức sáng, phục lại cái gốc « thiên địa vạn vật nhất thể », mà không phải là ở ngoài cái bản-thể ấy có thể bù thêm được cái gì khác. »

- « Sao lại cốt ở thân dân ? »

Minh minh-đức là để lập cái thể « thiên địa vạn vật nhất thể » ; thân dân là để đạt cái dụng « thiên địa vạn vật nhất thể ». Cho nên sáng cái đức sáng cốt ở thân dân, mà thân dân là để sáng cái đức sáng vậy. Thân cha ta đến cha người, đến cha người thiên-hạ ; thân anh ta đến anh người, đến anh người thiên-hạ ; cái lòng của ta có nhân cùng phụ-huynh làm nhất thể như thế, thì rồi cái đức hiếu-đễ mới sáng vậy. Vua tôi, vợ chồng, bạn-hữu, cho đến núi sông, quỷ thần, chim muông, cỏ cây, không đâu là không có một cách thân, để đạt cái nhân « nhất thể » của ta. Nhiên-hậu cái minh-đức của ta mới không có chỗ nào không sáng, mà mới thật là lấy được trời đất muôn vật làm nhất thể vậy. Bởi thế gọi là sáng cái đức sáng ở thiên-hạ, thế gọi là nhà tề, nước trị mà thiên-hạ bình, thế gọi là tận tính.

- « Sao lại cốt ở chí ư chí thiện ? »

Chí thiện là cái cực-tắc của minh-đức và thân dân. Cái tính của mệnh trời tự-nhiên chí-thiện, cái phần thiêng-liêng sáng-suốt không mờ-tối là cái phần phát-hiện của chí-thiện, thế là cái bản-thể của minh-đức mà tức là cái gọi là lương-tri vậy. Cái phần phát-hiện của chí-thiện, phải

thì là phải, trái thì là trái, nhẹ nặng, dày mỏng, hể cảm là ứng ngay, biến-động không ở một chỗ, thế mà vẫn có cái trung thiên-nhiên, đó là cái mực cùng-tột của « dân di vật tắc », mà không có thể nghĩ-nghị thêm bớt được chút nào. Đã hơi có nghĩ-nghị thêm bớt một chút, đều là cái ý riêng, cái trí nhỏ, mà không phải là chí-thiện vậy. Nếu không phải là bậc thận-độc <sup>11</sup>, một mực duy tinh duy nhất thì làm thế nào mà tới được. Người sau chỉ vì không biết chí-thiện vốn ở tâm ta, mà dùng tư trí để lần-mò đo-lường ở ngoài, cho là sự sự vật vật đều có định-lý, cho nên sai-lầm cái mực trái-phải, chi-ly quyết-liệt, cái nhân-dục phòng-tứ mà thiên-lý mất, cái học minh-đức, thân dân bèn đại loạn ở trong thiên-hạ. Vốn đời xưa cũng có người muốn sáng cái đức sáng, nhưng không biết chỉ ư chí thiện mà đem lòng tư giong-ruổi ở chỗ quá cao, đến nỗi sai-lầm về sự hư-vong không-tịch, mà không ích-lợi gì cho nhà, nước, thiên-hạ, thế là cái lưu-phái của Phật và Lão vậy. Cũng có người muốn thân dân, nhưng không biết chỉ ư chí thiện, mà đem cái tư tâm đả-m-đuối ở chỗ hèn-thấp nhỏ-mọn, đến nỗi sai-lầm về sự quyền-mưu, trí-thuật, mà mất cả cái lòng thành-thực nhân-yêu, thương-xót ; thế là cái tụi công-lợi của Ngũ Bá vậy. Chỉ ư chí thiện đối với minh-đức thân-dân cũng như qui-cử đối với vuông-tròn, xích-đạc đối với dài ngắn, quyền-hành đối với nặng-nhẹ. Vuông-tròn mà không có qui-cử, thì không có khuôn ; dài ngắn mà không có xích-đạc, thì không có ngữ ; nặng nhẹ mà không có quyền-hành, thì không có mực ; minh-đức thân dân mà không chỉ ư chí thiện, thì không có gốc.

- « *Tri chỉ nhi hậu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc, là nghĩa thế nào ?* »

« Chỉ vì người ta không biết chí thiện vốn ở tâm ta, mà lại cầu ở ngoài, cho là sự sự vật vật đều có định-lý, rồi tìm cái chí-thiện ở trong sự sự vật vật, đến nỗi chi-ly quyết-liệt, thác-tạp phân-vân, không biết cái phương-hướng nhất định. Nay đã biết chí thiện ở trong tâm ta, không phải tìm ở ngoài, thì cái chí có định-hướng mà không có cái lo về sự chi-ly quyết-liệt, thác-tạp phân-vân. Không có cái lo về sự chi-ly quyết-liệt, thác-tạp phân-vân, thì cái tâm không vọng-động mà có thể tĩnh được. Cái tâm không vọng-động mà có thể tĩnh được, thì trong khoảng nhật dụng thung-dung nhàn-hạ mà có thể yên được. Đã yên, thì hể khi nào một niệm phát ra, một việc cảm đến, là chí-thiện hoặc không phải là chí-thiện, cái lương-tri ở tâm ta tự biết xem-xét kỹ-càng mà có thể nghĩ được ; đã nghĩ

được thì chọn cái gì cũng tinh, xử cái gì cũng đáng, mà có thể tới được chí thiện vậy. »

« Vật hữu bản mặt », tiên-nho cho minh-đức là bản, tâm dân là mặt, hai vật mà trong ngoài cùng đối nhau vậy. « Sự hữu chung thỉ », tiên-nho cho là tri chỉ là thỉ, năng đắc là chung, một việc mà đầu đuôi cùng theo nhau vậy. Như lời thầy nói, cho tâm dân là thân dân, so với cái thuyết bản mặt của tiên-nho có đúng không ? »

« Cái thuyết thỉ chung, đại-lược như thế rồi, đến như cho tâm dân là thân dân, mà nói rằng minh-đức là bản, thân dân là mặt, cái thuyết ấy cũng chưa phải là không phải ; chỉ không nên chia bản mặt ra làm hai vật. Gốc cây gọi là bản, ngọn cây gọi là mặt, vốn là một vật cho nên gọi là bản mặt ; nếu cho là hai vật thì gọi thế nào là bản mặt được. Cái ý tâm dân đã cùng với thân dân không giống nhau, thì cái công minh-đức lại cùng với tâm dân làm hai, chứ không phải làm một nữa ; nếu đã biết sáng cái minh-đức là để thân dân, mà thân dân là để sáng cái minh-đức, thì minh-đức và thân dân sao lại chia làm hai ? Cái thuyết của tiên-nho, vì không biết minh-đức, thân dân vốn làm một việc, cho nên đầu biết bản mặt vốn là một vật mà vẫn phải chia làm hai vật. »

« Từ câu « *cố chi dụng minh minh-đức ư thiên-hạ giả* » cho đến câu « *tiên tu kỳ thân* », lấy cái thuyết minh-đức, thân dân của thầy mà cắt, có thể hiểu được. Còn từ câu « *dụng tu kỳ thân* » cho đến câu « *tri tri tại cách vật* », thì cái công-phu thứ đệ nên học thế nào ? »

« Đó chính là nói rõ cái công minh-đức, thân dân, chỉ ư chí thiện. Thân, tâm, ý, tri, vật, đó là cái điều-lý để dùng công-phu, tuy mỗi cái có một chỗ riêng, nhưng kỳ thực chỉ là một vật. Cách, trí, thành, chính, tu, đó là cái công-phu để dùng điều-lý, tuy mỗi cái có một cái tên riêng, nhưng kỳ thực vẫn là một sự. Cái gì gọi là thân ? Thân là hình-thể của tâm, để vận-dụng cho tâm. Cái gì gọi là tâm ? Tâm là minh-linh của thân, để chủ-tể cho thân. Cái gì gọi là tu thân ? Tu thân là làm điều thiện mà bỏ ác. Nhưng tự mình ta có thể làm điều thiện bỏ điều ác được không ? Tất phải bởi cái tâm là linh-minh chủ-tể có muốn làm điều thiện bỏ điều ác, thì rồi cái thân là hình-thể vận-dụng mới có thể làm điều thiện mà bỏ điều ác. Cho nên muốn sửa mình trước hết phải chính tâm. Song cái bản-thể của tâm là tính ; tính không có điều gì là không thiện, thì cái bản-thể



của tâm không có điều gì là không chính, thế thì cái công chính-tâm dùng vào chỗ nào ? Cái bản-thể của tâm vốn là chính, vì ý-niệm phát-động mà sau có điều không chính, cho nên muốn chính tâm, phải nhằm ngay vào cái chỗ ý-niệm phát-động mà chính. Hễ một niệm phát ra mà thiện, thì yêu thật là yêu, như yêu sắc đẹp ; một niệm phát ra mà ác, thì ghét thật là ghét, như ghét mùi hôi. Như thế thì có thể thành được ý mà chính được tâm. Song ý phát ra có thiện, có ác, nếu không chia rõ được thiện ác, thì hay dở sẽ lẫn-lộn dù muốn thành ý, tất phải ở trí-tri. Chữ « trí » nghĩa là đến, như chữ « trí » ở trong câu « tang trí hồ ai 喪致乎哀 : sự tang đến sự thương là hết » ; kinh Dịch nói : « tri chí, chí chi 知至, 至之 », chữ « tri chí » ấy là nghĩa chữ « tri » ở đây ; chữ « chí chi » ấy là nghĩa là chữ « trí » ở đây. Nghĩa chữ « trí-tri » không phải như hậu-nho cho là mở rộng cái trí-thức ra đâu, mà chính là trí cái lương-tri của tâm ta. Cái lương-tri ấy, Mạnh-tử gọi là lòng phải-trái, ai cũng có ; cái lòng phải-trái không đợi nghĩ mà biết, không đợi học mà hay, thế gọi là lương-tri, ấy là cái tinh của thiên-mệnh, cái bản-thể của tâm ta, tự-nhiên linh-chiêu minh-giác. Phàm ý-niệm phát ra cái gì thì lương-tri tự biết hết cả. Thiện chẳng ? lương-tri tự biết ; không thiện chẳng ? lương-tri cũng tự biết ; cho đến như kẻ tiểu-nhân làm điều bất thiện, dở đến đâu cũng làm, thế mà khi thấy người quân-tử, vẫn che-đậy những điều dở, mà phô-bày những điều hay ra, thế đủ rõ rằng cái lương-tri nó vẫn không chịu tự nó làm mờ-tối đi vậy. Nay muốn phân-biệt thiện ác để thành ý, chỉ cốt ở sự noi đến cái chỗ biết của lương-tri vậy. Tại sao ? Vì rằng : ý-niệm phát ra cái gì mà lương-tri của tâm ta đã biết là thiện rồi, nếu không có cái thành để yêu điều thiện ấy, mà lại trái bỏ đi, thế là lấy điều thiện làm điều ác, mà tự làm tối cái lương-tri biết điều thiện. Ý-niệm phát ra cái gì mà lương-tri của tâm ta đã biết là ác rồi, nếu không có cái thành để ghét điều ác ấy, mà lại noi theo mà làm, thế là cho điều ác làm điều thiện, mà tự làm tối cái lương-tri biết điều ác vậy. Như thế, thì dầu nói rằng biết, cũng như là không biết, thành thế nào được ý nữa. Nay đối với những điều thiện ác, mà lương-tri đã biết rồi, mà yêu ghét rất thành-thực, thế là không tự dối với lương-tri, mà có thể thành được ý vậy. Song muốn trí cái lương-tri của mình, há phải là hoảng-hốt như cái bóng, như tiếng vang, băng-quơ không bầu-víu vào đâu hay sao ? Phải là có việc thực mới được, cho nên trí-tri cốt ở cách-vật. Vật là việc, hễ ý phát ra tất có việc, việc mà có ý ở

đó gọi là vật, cách là chính. Chính những cái không chính để đem nó về chỗ chính ; chính những cái không chính là bỏ điều ác vậy, đem về chỗ chính là làm điều thiện ; như thế gọi là « cách »<sup>12</sup>. Kinh Thư nói rằng : « Cách ư thượng hạ ; cách ư Văn-tổ, cách kỳ phi tâm » ; **格於上下 ; 格於文祖 ; 格於非心** ; chữ « cách » trong chữ « cách vật » gồm cả những nghĩa ấy nữa. Cái thiện mà lương-tri đã biết rồi, dù muốn dù thành, nhưng nếu không theo ngay cái vật mà ý đã để đến, để làm thực ngay, thì vật ấy vẫn chưa cách, mà cái ý hiếu thiện vẫn chưa thành ; cái ác mà lương-tri đã biết rồi, dù ghét rất thành, nhưng nếu không theo ngay cái vật mà ý đã để đến, để bỏ thực ngay, thì vật ấy vẫn chưa cách, mà cái ý ố-ác vẫn chưa thành vậy. Nay hết thấy cái gì là thiện, là ác, mà lương-tri đã biết rồi, theo ngay cái vật mà ý đã để đến, để cái gì thiện thì làm cho hết, cái gì ác thì bỏ cho hết, thế thì không có vật nào là không cách, mà cái biết của lương-tri không còn thiếu-thốn gì, cũng không bị cái gì che-lấp, và có thể đến được chỗ cùng-tột vậy. Như thế, thì tâm ta vui-sướng, không còn phàn-nàn cái gì nữa, mà tự khoan-khoái lắm vậy ; ý phát ra cái gì không bao giờ mình lại dối mình, mà có thể gọi là thành. Cho nên nói rằng : « Vật cách nhi hậu tri chí, tri chí nhi hậu ý thành, ý thành nhi hậu tâm chính, tâm chính nhi hậu thân tu. » Những điều ấy, về phần công-phu của điều-lý, tuy nói ra có trước sau thứ-tự, song cái *duy-nhất* của cái thể không có thể chia ra trước sau thứ-tự được ; về phần điều-lý của công-phu, tuy không chia ra trước sau thứ-tự, song cái *duy tính* của cái dụng không có thể thiếu-thốn được mảy-may chút nào. Ấy là cái thuyết cách, trí, thành, chính, cốt để mở cái chính-truyền của vua Nghiêu, vua Thuấn mà làm cái học tâm ấn của họ Khổng vậy. » (*Tục-biên, I*)

Thiết-tưởng học-giả nên xem kỹ thiên *Đại-học vấn* này, thì biết được đến phần uyên-thâm trong cái học của thánh-hiền và lại hiểu được rõ cái tông-chỉ của Dương-minh, chủ lấy lương-tri làm cái mối đầu sự học duy tinh duy nhất.

## HUẤN-MÔNG ĐẠI Ý

Sự học của Dương-minh là chủ lấy sự không làm tổn mất cái bản-thể của tâm, cho nên về đường giáo-dục, ông chuyên trọng ở sự không làm tổn mất cái thiên-tính của nhi-đồng. Ông nói : « Sự dạy của đời xưa

là lấy nhân-luân mà dạy người. Đời sau vì cái tập-tục học ký-tụng, từ-chương khởi lên, cho nên phép dạy của tiên-vương mất đi. Nay dạy trẻ-con nên lấy hiếu-đễ, trung-tín, lễ-ngĩa, liêm-sỉ, làm chuyên-vụ ; cái phương-pháp tài-bồi, hàm-dưỡng, thì nên dạy ca-thi để phát cái ý-chí, khiến tập lễ để làm cho nghiêm cái uy-nghi, cho đọc sách để mở cái tri-giác. Người đời nay thường cho sự học ca-thi và tập lễ là không thiết thời vụ, ấy là cái ý-kiến của bọn mặt tục dung-bỉ, sao đủ biết được cái ý lập giáo của cổ-nhân. Đại để cái tình của trẻ-con là thích chơi đùa mà sợ câu-kiếm như giống cây giống cỏ mới mọc lên, hễ được thư-sướng thì lên tốt, phải ràng-buộc thì còi đi. Nay dạy trẻ-con phải khiến nó đi lại, nhảy múa, trong lòng vui-sướng hớn-hở, thì sự tiến của nó không thôi được. Ví như mùa xuân có mưa móc tưới cho cỏ cây thì đều ra cành ra lá, tự-nhiên một ngày một lớn và một khác đi. Nếu phải tuyết sương rét lạnh, thì cái sinh-lý kém-mòn, rồi càng ngày càng cần-cọc lại. Dạy ca-thi, tập lễ, đọc sách, đều là để thuận-đạo cái ý-chí, điều-lý cái tính-tình, làm mất dần cái bỉ-lận, hóa ngấm cái thô-ngoan, khiến cho càng ngày càng quen lễ-ngĩa mà không khổ ở cái khó, vào trung-hòa mà không biết tại đâu. Đó là cái vi-ý của tiên-vương lập giáo. Cách dạy trẻ của cận-thế thì chỉ cần ở cú đậu, khoa-phỏng bắt phải kiểm-thúc mà không biết dạy-dỗ bằng điều lễ, cầu lấy thông-minh mà không biết nuôi-nấng bằng điều thiện, roi-vọt đánh-đập như người tù-tội, làm cho trẻ xem nhà học như nhà ngục không muốn vào, trông thầy như khẩu-thù không muốn thấy. Trộm lén che-đậy cho thỏa chơi đùa, đặt ra đối-trá, bày ra quỷ-quyệt để rông-rỡ cái ngoan-nghịch, cứ ngày ngày theo cái thói hạ-lưu, thế là xua trẻ làm điều bậy mà lại muốn nó làm điều thiện, thì sao được ! » (Ngũ-lục, II)

Xem mấy lời ấy thì biết Dương-minh không những là một nhà đại tư-tưởng trong Nho-giáo mà lại còn là một nhà đại giáo-dục vậy.

# TỔNG-LUẬN CÁI HỌC-THUYẾT CỦA VƯƠNG DƯƠNG-MINH

Vương Dương-minh đem cái thiên-tài chi mẫn, sự lịch-duyet rất giàu, sự nghiên-cứu rất sâu, tìm thấy chỗ uyên-nguyên của đạo thánh-hiền mà phát-huy ra cái tâm-học tinh-vi hơn cái học của Lục Tượng-sơn đời Tống. Ông bài-xích cái học tầm chương trích cú, phá cái tệ-tập của mật-học, xướng lên cái tư-tưởng tự-do theo cái bản-thể thiên-nhiên của lương-tri, và khuyến-miễn cái dưng-lực ở sự thực tiễn. Thiết-tưởng từ đời nhà Tống về sau trong Nho giáo chỉ có ông là người đã tìm thấy mối đạo ở chỗ căn-để và lập ra cái học-thuyết rất thiết-thực, khiến sự tư-tưởng và sự hành-vi hợp làm một, đúng với cái lý nhất-quán của Khổng-học.

Tuy thế, những bọn tục-học vẫn không chịu, có nhiều người công-kích, cho là không phải chính-học. Dương-minh cũng không vì thế mà nản chí, và ông đem tâm-sự nói rõ ra một cách rất thống-thiết ở cái thư ông trả lời cho Nhiếp Song-giang, tức là Nhiếp Báo, một môn-nhân của ông. Thư ấy dịch theo nguyên-văn như sau :

« Trong thư ông nói : Thành tín với thiên-hạ không bằng chân tín với một người ; đạo vốn tự-tại, học cũng tự-tại, cả thiên-hạ tin không là nhiều, một người tin không là ít. » Ấy vốn là cái tâm thấy điều phải mà không buồn của người quân-tử, há phải là những người bộp-chộp và tỉ-mỉ đủ biết kịp sao ? Nhưng cái tình thực của tôi có nỗi đại bất-đắc-dĩ ở về quăng ấy, mà người ta tin hay không tin cũng chẳng quản.

« Ôi ! Người ta là tâm của trời đất. Trời đất muôn vật vốn là một thể với ta. Sự khổ-sở của sinh-dân há không phải là sự đau-đớn thiết đến mình ta hay sao ? Ai mà không biết sự đau-đớn của mình ta, tức là không có tâm thị-phi vậy. Cái tâm thị-phi không đợi phải nghĩ mà biết, không đợi phải học mà hay, tức là lương-tri. Lương-tri ở tâm người ta, dầu bậc thánh kẻ ngu không gián-cách nhau, cả trong thiên-hạ và tự xưa đến nay cùng giống nhau. Người quân-tử ở đời chỉ cầu noi đến cái lương-tri của mình thì tự khắc phải-trái công-nhiên và cùng chung yêu-ghét với người, coi người cũng như mình, coi nước cũng như nhà, cho trời đất muôn vật

là một thể, muốn cho thiên-hạ không trị cũng không được. Người đời xưa thấy điều thiện coi như mình làm ra, thấy điều ác coi như tự mình mắc vào, coi dân đói hay là chết đuối như là tự mình đói hay là chết đuối, có một người không được yên chỗ, coi như mình đẩy nó vào trong rãnh ; không phải là cố ý làm như thế để cầu cho thiên-hạ tin mình, cốt là noi đến cái lương-tri của mình, để tìm lấy sự vui-hả của mình mà thôi vậy.

« Các bậc thánh như Nghiêu, Thuấn, Tam-vương, nói điều gì dân tin, là vì noi đến cái lương-tri mà nói ; làm điều gì dân cũng bằng lòng, là vì noi đến cái lương-tri mà làm. Cho nên dân được vui-vẻ sung-sướng, giá có giết cũng không oán, giá có cho lấy lợi cũng không tham, ơn đức khắp đến rợ-mọi, hết thấy những loài có huyết-khí đều tôn-quí và thân-yêu mình cả, vì là cùng một lương-tri vậy. Than ôi, thánh-nhân trị thiên-hạ sao mà giản-dị như thế !

« Đời sau cái học lương-tri không rõ, người thiên-hạ tư-trí để ganh-tị nhau và đê-nén nhau, cho nên mỗi một người có một bụng, mà những cái biết chệch-lệch hẹp-hòi, những cái thuật gian-dối, thâm giấu đến nỗi không nói xiết được. Ngoài mượn cái danh là nhân-nghĩa, mà trong làm cái thực tự-tư, tự-lợi ; qui-từ để a-dua thói-tục ; kiêu-hạnh để cầu tiếng khen ; che cái điều hay của người mà nhận làm cái giỏi của mình, bới sự riêng của người để trộm lấy cái thắng của mình ; ganh được thua nhau bằng sự phẫn-nộ mà còn bảo tuấn nghĩa ; đánh đổ nhau bằng sự hiểm-độc mà bảo rằng tạt ác : ghen người hiền, ghét kẻ tài mà tự cho là công thị công phi ; rộng-rỡ về tình-dục mà còn tự cho là đồng hiếu ố ; lẩn nhau, hại nhau, thân ngay như cốt-nhục một nhà, đã có cái ý nhĩ-ngã thắng phụ, cái hình bỉ thử phân li, phương chi thiên-hạ lớn, dân vật nhiều, coi là nhất thể làm sao được ! Bề-bộn, rối-rít, họa-loạn, không bao giờ hết, lại còn lạ gì !

« Tôi thực nhờ cái thiêng-liêng của Trời, ngẫu-nhiên biết được cái học lương-tri, cho là phải theo đó mới có thể trị được thiên-hạ, cho nên hễ nghĩ đến sự đả-đuối của dân, thì buồn-bã đau lòng, nghĩ cách để cứu-vớt, quên cả cái sức hèn-mọn của mình, thế cũng là bất lự lượng vậy. Người thiên-hạ thấy thế bèn chê-cười và chế-bác, cho tôi như thể là người cuồng bệnh sáng tâm. Than ôi ! Dầu thế nào cũng chẳng quản, ta đang đau-đớn thiết đến thân, vội kể gì đến lời khen-chê của người. Thường thấy có người, cha hay là con, anh hay là em, ngã xuống vực sâu,

thì kêu gào cuống-cuống, trần-truồng lẫn-lóc, dòng dây từ chỗ cao thả xuống cứu-vớt lên. Người đứng bên cạnh, đang cùng nhau vái-nhường, nói cười, mà cho những người kêu gào lẫn-lóc như thế là cuống bệnh táng tâm cả. Ôi ! Vái-nhường cười nói ở bên cạnh người chết đuối mà không biết cứu, trừ chỉ có người dưng nước lã, không có tình thân-thiết cốt-nhục thì mới thế được. Song như thế đã là không có lòng trắc-ẩn, không phải là người rồi. Còn như đến những người có lòng yêu-thương đối với cha con, anh em, thì chưa hề có người nào là không đau-xót, chạy cuống-cuống hết hơi-sức để cứu-vớt lên. Những người ấy dù có ngay cái tai-vạ đắm-đuối đến thân cũng còn chẳng tiếc, còn quản gì đến những lời chê là cuống bệnh táng tâm, còn cầu gì đến người tin hay là không tin nữa. Than ôi ! Người đời nay dầu cho tôi là người cuống bệnh táng tâm, cũng là đáng lắm vậy. Cái tâm của người trong thiên-hạ đều là cái tâm của ta, thiên-hạ còn có người cuống bệnh, còn có người táng tâm, ta làm thế nào mà không phải cuống bệnh táng tâm ru ?

« Xưa, ở đời Khổng-tử, có người chê Ngài là siểm, có người cười Ngài là nịnh, có người cho là không hiền, có người bẻ là không biết lễ, mà gọi là đông-gia khâu<sup>13</sup>, có người ghen mà ngăn-cản Ngài, có người ghét mà muốn giết Ngài. Bọn Thần Môn, Hạ Quý đều là hiền-sĩ lúc bấy giờ mà còn nói rằng : « Thế có phải là những hạng người biết là không làm được mà cứ làm không ? Quê-kêch thay ! Sao mà gàn gàn như thế ! Đã không ai biết mình, thôi thì thôi đi. » Đến Tử-Lộ đã ở vào hàng thăng-đường<sup>14</sup> còn không khỏi không lấy làm ngờ, mà những chỗ Ngài muốn tới, còn không bằng lòng, và lại cho là vu-khoát, thế thì đời bấy giờ những người không tin Khổng-tử có phải chỉ hai ba trong phần mười mà thôi đâu. Thế mà Ngài cứ vội-vội vàng-vàng như tìm đứa con lạc, không ngồi nóng chiếu bao giờ, há là để mong người tin, người biết đâu. Chỉ vì cái lòng nhân coi trời đất muôn vật làm nhất-thể, đau-xót thiết-tha, dầu muốn thôi cũng không tài nào thôi được, cho nên Ngài nói rằng : « Ta không phải là bọn của những hạng người ấy thì ta cùng với ai ? » Muốn sạch lấy một mình, để đại-luân rối loạn, thế thì quả-quyết thật, song cũng không khó gì. Than ôi ! Nếu không phải là người coi trời đất muôn vật làm nhất-thể thì sao biết được tâm ngài ? Còn đến như người độn thế vô muện, lạc thiên tri mệnh, thì vốn là vô nhập nhi bất tự đắc, đạo tịnh hành nhi bất tương bội.

« Hèn-mọn như tôi dám đâu nhận lấy đạo Phu-tử làm kỷ-nhiệm, nhưng tâm tôi cũng hơi biết tậ-thống quan-thiết đến thân, vậy mới vội vã ngoảnh nhìn bốn mặt, muốn tìm có ai cùng giúp tôi để bàn cách chữa bệnh. Nay nếu được những bậc hào-kiệt đồng chí với tôi, nâng-đỡ giúp rập, cùng mở sáng cái học lương-tri ở trong thiên-hạ, để người ta ai cũng tự biết noi đến cái lương-tri của mình mà cùng nhau yên-lành, cùng nhau nuôi-nấng, bỏ hết cái tể-tắc của sự tự-tư, tự-lợi, rửa sạch cái tập-tục dèm-ghen, ganh-tức, cùng chọn cái cuộc đại-đồng, thế thì cái cuồng-bệnh của tôi sẽ khỏi hẳn mà không có cái lo táng tâm vậy, há chẳng sướng vậy thay !... » (Ngũ-lục, II)

Xem thư ấy, thì hiểu rõ cái lòng nhân-ái của Dương-minh đối với nhân-loại bao-la khắp cả mọi người, thật là sau họ Khổng họ Mạnh chỉ có một người ấy.

Cái học của ông còn có điều gì rất hay nữa, cho nên khi ông đau nặng sắp mất, có nói rằng : « Cái học-vấn bình sinh của ta hãy còn mấy phân, tiếc không được cùng với các bạn mà cộng thành điều đó. » Mấy phân ấy là gì ? Ta lấy làm tiếc không được biết !

Sau này nên trích ra mấy lời phê-bình của tiên-nho, để học-giả biết rộng thêm những ý-kiến về cái học của Dương-minh.

Lưu Trấp-sơn đời Minh-mạt, nói rằng : « Tiên-sinh thừa cái học đã mất về từ-chương huấn-hỗ, quay trở lại cầu ở cái tâm, mà được cái « giác » của tính, gọi là lương-tri, rồi nhân đó đem dạy người ta cái cốt-yếu về sự cầu-đoan và dụng lực gọi là trí lương-tri. Lương-tri là tri, thì cái tri không bó-buộc ở trong sự kiến-văn ; trí lương-tri là hành, thì cái hành không ngưng-trệ ở một chỗ, một góc. Gọi là tri, là hành, là tâm, là vật, là động, là tĩnh, là thể, là dụng, là công-phu, là bản-thể, là thượng, là hạ, không có cái gì là không ở cái một, để chữa cái bệnh chi-li huyễn-vụ, chuộng văn-hoa mà tuyệt căn-bản của học-giả. Có thể gọi là cái sét đánh làm tỉnh giấc mê, ngôi sao sáng làm tan bóng tối. Từ họ Khổng họ Mạnh đến giờ chưa từng có cái học thâm-thiết và sáng-sủa như thế. Chỉ có đối với cái thuyết của Chu-tử thì có điều không hợp, mà lại cực lực biểu-chương Lục Tượng-sơn. Có người nghi rằng cái học của tiên-sinh do Thiền-học mà ra. Thiền-học thì tiên-sinh vốn trước có học, nhưng sau biết cái học ấy không phải thì đã bỏ đi rồi. Cái một là thành vậy, là đạo

trời vậy ; thành được cái đạo ấy là minh, là đạo người, là trí lương-tri vậy. Nhân cái minh đến cái thành để người hợp với trời, gọi là thánh, Thiền-học có thể không ? Có người nghi là hai chữ « lương-tri » bởi cái thuyết bản-tâm của Tượng-sơn mà ra. Về việc cầu bản-tâm ở lương-tri, thì cái cách chỉ-điểm thâm-thiết hơn, hợp trí-tri với cách-vật, thì cái công-phu thực có tuần-tự và trì-thủ, so với cách Tượng-sơn cho nhân-đạo nhất tâm tức là bản-thể để cầu cái « ngộ », thì lại không khác một hào-ly hay sao ? Tiên-sinh nói rằng : « *Lương-tri tức thị độc tri thời* 良知即是獨知時 : lương-tri tức là lúc độc tri ». Như thế vốn không phải là huyền-diệu. Người đời sau cưỡng cho là cái quan-niệm huyền-diệu cho nên mới gần Thiền-học, chứ thực ra không phải là cái bản-ý của tiên-sinh. Còn như chỗ không hợp với Chu-tử là ở sách *Đại-học*. Chu-tử giải nghĩa sách *Đại-học* cho là trước phải cách-tri rồi sau mới dạy cho lấy thành ý ; tiên-sinh giải nghĩa sách *Đại-học* thì cho cách-tri là thành ý. Cái công-phu hình như phân hợp không đồng, song xét rõ chỗ khẩn-yếu của hai tiên-sinh, đều không qua cái cửa « thận độc 慎獨 », như thế thì nhân cái minh đến cái thành để tiến vào đạo của thánh-nhân, là như nhau vậy. Cho nên tiên-sinh lại có cái thuyết về văn-niên định-luận của Chu-tử. Sự dạy của sách *Đại-học*, một trước một sau, giai-cấp rõ-ràng, mà thực thì không thể nói có trước sau. Cho nên tóm cả tám điều mục lại thì là một việc.

« Tiên-sinh là bậc mệnh-thể nhân-hào, cái giác-ngộ ở Long-trường là thuộc về phần Trời mở cho, nhưng tiên-sinh lại cho cái giác-ngộ ấy là ở sự ấn-chứng trong Ngũ Kinh mà đến, thì thật là khuếch-nhiên con đường thánh không có ngờ gì nữa. Song vì tiên-sinh kíp về việc làm cho sáng đạo, thường thường cứ noi cao lên một chút, mà khinh thường cái cách chỉ-điểm, thành ra mở lối cho cái tệ của bọn hậu-học lập-đăng. Giả-sử Trời cho thêm tuổi, để rèn-đúc hết những cái ý-kiến cao-minh trác-tuyệt mà làm cho tới chỗ thực-địa, an tri, lại không có cái văn-niên định-luận hay sao ? »

Hoàng Lê-châu là di-nho nhà Minh, bàn đến cái học của Dương-minh, nói rằng : « kỳ thi cái học của tiên-sinh có phiếm-lạm về từ-chương, rồi sau đọc hết sách của Chu-tử, tuần-tự mà cách-vật, nhưng vật-lý và ngô-tâm vẫn chia ra làm hai, không có lối vào đạo. Tiên-sinh bèn xuất-nhập ở Phật Lão khá lâu – kíp đến khi bị đày ra ở chỗ mường-mọi, tiên-sinh động tâm nhận tính, nghĩ rằng thánh-nhân ở vào địa-vị ấy, thì có



cái đạo gì, hốt-nhiên ngộ được cái ý-chỉ cách-vật trí-tri. Đạo của thánh-nhân có đủ trong tính ta, không phải tìm ở ngoài.

« Cái học của tiên-sinh có ba lần biến mới thấy được cửa đạo. Từ đó về sau, bỏ hết cành lá, chuyên ý ở cái gốc, lấy mặc-tọa trường-tâm làm cái học-đích. Phải có cái trung chưa phát thì mới có cái hòa của sự đã phát mà trúng tiết. Thụ, thính, ngôn, động, đều lấy sự thu-liễm làm chủ ; sự phát-tán là bất-đắc-dĩ vậy. Sau khi tiên-sinh ở Giang-hữu về, chỉ chuyên đề-xương ba chữ *trí lương-tri*. Im mà không cần phải ngồi, tâm không cần phải trường, không tập, không nghĩ, cứ tự-nhiên theo thiên-tắc mà ra. Vì lương-tri là cái trung chưa phát, ấy là trước cái tri, chứ không phải là cái tri chưa phát ; lương-tri là cái hòa trúng tiết, ấy là sau cái tri, chứ không phải là cái tri đã phát. Cái tri ấy tự nó có thể thu-liễm, không cần phải chủ ở sự thu-liễm ; cái tri ấy tự nó có thể phát-tán, không cần phải định ở chỗ phát-tán. Thu-liễm là cái thể của sự cảm : tĩnh mà động vậy ; phát-tán là cái dụng của sự tịch : động mà tĩnh vậy. Chỗ chân-thiết đốc-thực của cái tri là hành, chỗ minh-giác tỉnh-sát của cái hành là tri ; tri với hành chỉ có một, không có hai vậy. Sau khi tiên-sinh về ở Việt, cái thao-thủ của tiên-sinh lại càng tinh-thực hơn, cái sở-đắc lại càng tiến-hóa thêm, lúc nào cũng biết phải, biết trái, mở miệng ra là được cái bản-tâm, không cần phải gá-mượn góp-nhặt, tựa như mặt trời ở trong không-gian, mà vạn tượng được soi sáng hết cả. Ấy là sau khi cái học đã thành rồi mà lại còn ba lần biến ấy.

« Tiên-sinh lo rằng : sau Tống-nho, các học-giả lấy sự tri-thức làm cái tri, cho cái sở-hữu của nhân-tâm là cái minh-giác, mà cái lý là cái công-cộng của thiên-địa vạn vật, cho nên tất phải cùng cái lý của thiên-địa vạn vật, nhiên-hậu cái minh-giác của ngô-tâm cùng với cái lý ấy hỗn-hợp làm một, mà không gián-đoạn, ấy là không có nội ngoai, kỳ-thực là toàn nhờ cái kiến-văn ở ngoài, để cứu bổ cái minh-linh vậy. Tiên-sinh bèn cho cái học của thánh-nhân là tâm-học, tâm là lý, cho nên dạy về trí-tri cách-vật, không thể không nói : đem hết cái thiên-lý của lương-tri vào sự sự vật vật, thì sự sự vật vật đều được cái lý. Nếu lấy tri-thức làm tri, thì thành ra khinh-phù mà không thực, cho nên tất phải lấy lực-hành làm công-phu. Lương-tri cảm-ứng thần-tốc, không có đợi chờ. Cái sáng của bản-tâm là tri, không đối cái sáng của bản-tâm là hành, không thể không nói tri hành

hợp nhất được. Đó là cái đại-chỉ của sự lập ngôn không ra ngoài điều ấy được.

« Hoặc có kẻ không biết cái giới-hạn của đạo Phật và đạo Nho, cho cái thuyết bản-tâm của Phật-giáo cũng giống như cái thuyết tâm-học. Chỉ có một chữ « lý » mà Phật thì đem cái lý của thiên-địa vạn vật để ra ngoài bụng, không giăng đến, chỉ giữ cái minh-giác thôi. Nho thì không cậy ở cái minh-giác, mà cầu ở cái lý trong khoảng thiên-địa vạn vật, cho nên hai bên khác hẳn. Song, qui cái lý về thiên-địa vạn vật, với qui cái minh-giác về ngô-tâm thì vẫn là một. Quay ra ngoài mà tìm cái lý, thì thành ra nước không có nguồn, cây không có gốc. Giả sử có tổng-hợp lại được, thì ở trên cái bản-thể đã phí mất bao nhiêu công-phu, cho nên lần từng nhà mà xin lửa và nhắm mắt thấy tối, thì cách nhau chẳng xa.

« Tiên-sinh điếm khởi cái tâm sở dĩ là tâm, là không ở minh-giác mà ở thiên-lý. Như thế là cái gương đã rơi xuống lại nhặt lên, bèn khiến Nho với Phật phân-biệt ra, cách nhau xa như núi sông, ấy là ai có mắt cũng thấy rõ vậy. Thử lấy những lời của Khổng Mạnh mà chứng xem : Trí cái lương-tri của ta đến các sự-vật, thì các sự-vật đều được cái lý, thế không phải là « nhân năng hoằng đạo » hay sao ? Nếu cho cái lý ở sự vật, thì hóa ra « đạo năng hoằng nhân » vậy. Cáo-tử cho cái nghĩa ở ngoài, há là bỏ hẳn cái nghĩa mà không đoái-tưởng đến hay sao ? Chẳng qua là cầu cái nghĩa ở trong khoảng sự-vật mà hợp lại. Như thế, chính là thế-nho gọi là cùng lý. Mạnh-tử không cho là phải, mà đem bốn mối qui cả về ở tâm. Than ôi ! Cầm bả nhắm mắt, bốn phương đối ngò, thì mới có thể ngờ cái học-thuyết của tiên-sinh ».

Học-giả đã xem rõ cái học của Dương-minh, lại đọc những lời bàn của hai bậc danh-nho trên kia, chắc là hiểu được những điều cốt-yếu về tâm-học. Ai muốn biết thêm nữa, thì nên xem sách *Vương Văn-thành-công toàn-thư* 王文成公全書 và sách *Minh-nho-học-án* 明儒學案 của Hoàng Lê-châu. Thiết-tưởng những nhà hiếu học không nên bỏ qua cái học có nghĩa-lý sâu-xa ấy mà không xem vậy.

# CÁC MÔN-PHÁI CỦA VƯƠNG DƯƠNG-MINH HỌC

Sau khi Dương-minh mất rồi, môn-đệ của ông tụ-hợp lại, mở nhà thư-viện ở các nơi, đem cái học trí lương-tri mà giảng dạy, lập ra nhiều môn-phái. Trong những môn-đệ ấy có Vương Kỳ, Vương Cấn và La Hồng-tiên là người trác-lạc, hiểu tới chỗ uyên-thâm của cái học trí lương-tri ; nhưng vì đem cái học ấy lên cao quá, thành ra dần dần về sau các học-giả thiên về Thiền-học ; có Tiền Đức-Hồng và Châu Thủ-Ích là người trì-thủ, giữ được cái học thiết-thực làm cho không mất cái chân-tướng của cái học Dương-minh.

## 1. CHIẾT TRUNG VƯƠNG-MÔN 浙中王門

Môn-phái này ở đất Việt, tức là ở tỉnh Chiết-giang, là nơi Dương-minh giảng học lúc sinh thì. Về sau các môn-nhân tụ-hợp ở đó mà truyền cái học của ông. Trong môn-phái này có mấy người trứ danh là Từ ái, Tiền Đức-Hồng, Vương Kỳ, Trương Nguyên-Xung v.v... mà thao-thủ thì không ai bằng Tiền Đức-Hồng.

**Từ Ái.** – Từ Ái 徐愛, tự là Viết-nhân 曰仁, hiệu là Hoành-sơn 橫山, người đất Dư-diêu. Ông là em rể Dương-minh, đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức lang-trung bộ Công. Khi Dương-minh ở Long-trường về, giảng cái thuyết tri hành hợp nhất, ông là người hiểu trước cả mọi người và xin làm đệ-tử. Song ông chỉ hưởng thọ được 31 tuổi, cho nên sách của ông chỉ nói cái thuyết tri hành hợp nhất và cái thuyết mặc tọa trừng tâm, chứ không nói đến cái thuyết trí lương-tri là cái thuyết của Dương-minh dạy lúc ông đã mất rồi. Ông đối với Dương-minh cũng giống như Nhan-tử đối với Khổng-tử.

**Tiền Đức-Hồng.** – Tiền Đức-Hồng 錢德洪, tự là Hồng-phủ, hiệu là Tự-sơn, người đất Dư-diêu, tỉnh Chiết-giang, làm quan đến chức viên-ngoại-lang bộ Hình, rồi về trí sĩ. Ông với Long-khê theo học Dương-minh, nhưng rồi sau mỗi người hiểu cái học trí lương-tri ra một cách. Long-khê bảo cái bản-thể của tâm là cái tịch 寂 ; tịch lấy chiếu 照 làm

dụng 用, giữ cái không tri 空知 mà bỏ mất cái chiếu, ấy là hỏng mất cái dụng. Ông bảo cái vị phát thì tìm ở đâu ? Nếu bỏ cái dĩ phát mà tìm cái vị phát là không thể nào được. Bởi vậy Long-khê theo cái hiện-tại mà giải-ngộ cái thể biến-động bất cư của cái hiện-tại ấy ; ông chỉ lấy thực tâm mà ma-luyện ở chỗ sự-vật, cho nên sự triệt-ngộ của ông không bằng của Long-khê, mà sự tu-tri của Long-khê không bằng của ông. Cái học của ông tuy không có cái sở-đắc lớn, nhưng không có cái sở-thất lớn vậy.

**Vương Kỳ.** – Vương Kỳ 王幾 tự là Nhữ-trung 汝中, hiệu là Long-khê 龍溪, người đất Sơn-âm, tỉnh Chiết-giang, đỗ tiến-sĩ, làm quan chức lang-trung, rồi thôi quan về dạy học. Ông là người trác-lạc hơn cả mọi người trong môn-nhân của Dương-minh, và lại có tư-tưởng rất siêu-việt cho nên cái học của ông chủ ở « tứ vô 四無 », lấy chính-tâm làm cái học tiên-thiên, lấy thành ý làm cái học hậu-thiên. Theo ở cái tâm mà lập căn, thì cái tâm vô thiện vô ác, tức là cái ý vô thiện vô ác, ấy là tiên-thiên thống hậu-thiên ; theo ở cái ý mà lập căn, thì không khỏi có hai mối thiện và ác, mà cái tâm không thể không có điều hỗn-hợp, ấy là hậu-thiên phục lại tiên-thiên.

Luận-giả có người nói : « Cái học của ông truyền ra thiên-hạ không thể không có điều ngờ. Lấy cái thuyết « tứ hữu 四有 » mà bàn, thì thiện là cái cố hữu của tâm, cho nên cái thiện của ý, tri, vật, theo ở trong tâm mà phát ra, cái ác theo ở ngoài tâm mà đến. Nay nếu nói tâm-thể đã không có thiện ác, thì cái ác của ý, tri, vật, là lầm mà cái thiện cũng là lầm. Cái công-phu đã lầm, thì sao lại nói là phục về cái bản-thể được ? » Nghĩ cho kỹ ra, thì lời bẻ ấy vẫn là non, mà cái tư-tưởng của Long-khê rất nên chú ý lắm, là vì theo cái tâm là cái bản-nhiên của trời đất, tất tự nó không có thiện ác. Thiện và ác khởi đầu có từ lúc có cái ý, là cái riêng của người ta. Vậy hữu thiện hữu ác thuộc về phần hậu-thiên, tức là phần người ; vô thiện vô ác thuộc về phần tiên-thiên, tức là phần trời. Hữu thiện hữu ác là phần tỉ-hiệu, do sự so-sánh của người ta mà ra ; vô thiện vô ác là phần tuyệt-đối, tự-nhiên, tự-tại, cho nên phải là chí-thiện. Cũng vì thế mà có chỗ ông lại nói : « Chí-thiện vô ác là cái bản-thể của tâm », ấy chính là ông đã hiểu đến chỗ cực cao cực xa trong cái học của Dương-minh, chứ không phải ông nói mỗi lúc một khác. Vì học-giả không đạt tới chỗ ấy, cho nên mới thành ra có nghị-luận.

Luận-giả lại hỏi : « Lấy cái thuyết « tứ vô 四無 » mà bàn, thì cái công-phu chính-tâm trong *Đại-học* phải theo thành-ý mà vào, nay nói rằng : theo cái tâm mà lập căn, ấy là không cần đến ý nữa. Nếu bảo rằng theo ở cái ý mà lập căn, ấy là cái thuyết lập ra cho hạng trung-nhân và hạ-nhân ; thế thì cho *Đại-học* có hai cái công-phu khác nhau hay sao ? Hay chỉ vì hạng trung-nhân và hạ-nhân mà lập giáo hay sao ? » Thiết-tưởng sách *Đại-học* là nói chung sự học của người đã là người thì tất phải có cái ý, cho nên phải nói thành-ý rồi mới chính-tâm được. Long-khê theo cái phần cao của Dương-minh nói cái bản-thể của tâm, tất là không thể không nói vô thiện vô ác. Vô thiện vô ác là chí-thiện, tức là cái cực-điểm của sự học trong *Đại-học*. Học-giả phải tùy cái thiên-tư của mình mà thể-nhận : ai có thiên-tư tốt, tức là có cái lợi-căn, thì hiểu thẳng ngay đến cái bản-thể ; nếu không, thì phải theo thành-ý mà vào chính-tâm. Hai đường đều đi đến một chỗ cùng-cực, thì vẫn không có hại gì. Vả chẳng Long-khê hình như đã đón trước điều đó, cho nên nói rằng : « Thánh-học từ nghìn xưa chỉ cốt ở một niệm linh-minh. Giữ được một niệm ấy là học ; lấy niệm ấy mà xúc phát cảm-thông, ấy là giáo ; tùy sự mà không làm tối mất cái niệm ấy, gọi là cách-vật ; không đối cái niệm ấy, gọi là thành-ý ; một niệm khuếch-nhiên, không có một cái mảy tư nào cố-tất, gọi là chính-tâm. Ấy là cái căn-nguyên dị-giản trực-tiết ».

Long-khê cho cái lương-tri là ở trong « vô » mà sinh ra « hữu », tức là cái trung vị phát, ấy là trước cái tri, chứ không có cái vị phát ; cũng như cái hòa trúng tiết, ấy là sau cái tri, chứ không có cái dĩ-phát. Lương-tri tự nó thu-liệm lấy được, không cần phải chủ ở sự thu-liệm ; tự nó phát-tán ra được không cần phải cầu ở sự phát tán, đáng hiện ra là hiện-thành, không cần phải mượn cái công-phu tu-chỉnh mà sau mới được. Cái thuyết trí lương-tri vốn là đặt ra để cho người chưa ngộ, hễ khi nào đã tin hẳn được cái lương-tri rồi, thì độc vãng độc lai, như ngọc châu chạy ở trong cái mâm, không đợi có cai-quản câu-thúc mà tự nó không qua được cái qui-tắc. Còn như hết thấy sự đốc-tín căn-thủ là việc *cặng danh sức hạnh 矜名飾行*, đều là việc bày đặt ra cả.

Cái học trí lương-tri là học cho tới đến lương-tri. Khi đã tới đến lương-tri rồi thì không cần có công-phu gì nữa. Cho nên ông nói : « Lương-tri không học, không lo nghĩ ; cả ngày học là chỉ để phục lại cái thể không học của lương-tri, cả ngày lo nghĩ là chỉ để phục lại cái thể

không lo nghĩ của lương-tri. Trong cái vô-công-phu là có cái chân-công-phu, chứ không phải có thêm vào được chút gì vậy. Cái công-phu chỉ cầu lấy càng ngày càng bớt đi, chứ không cầu cho càng ngày càng thêm ra. Bớt được đến hết ấy là thánh-nhân. Cái học-thuật của hậu-thế chính là trái lại, cứ càng ngày càng thêm công-phu, cho nên cả ngày cần-lao, mà cái bệnh lại càng thêm lên. Nếu quả hay một niệm tinh-tinh sáng-suốt, lãnh-nhiên tự hội, tới đến chỗ cùng-cực cái dụng, mà vẫn không thể hiểu được, ấy là lời cứu-cánh vậy ». (Ngữ-lục)

Thuở ấy ông thấy bọn đồng môn với ông có nhiều người hiểu cái thuyết lương-tri khác nhau, ông có phân-biệt cho rõ những chỗ lầm ấy, và nói rằng : « Cái tông-thuyết bàn lương-tri, tuy bọn đồng môn không ai dám cãi trái lại, nhưng chưa khỏi mỗi người theo cái tính sở-cận của mình, mà nghĩ-nghị khác nhau. Có người bảo lương-tri không phải là giác-chiếu, phải gốc ở sự *qui-tịch* 歸寂 mới được ; như cái gương soi vật, cái thể sáng tịch-nhiên mà đẹp xấu tự-nhiên phân-biệt, nếu ngưng-trệ ở sự soi, thì cái sáng lại mờ đi. Có người bảo lương-tri không có hiện-thành, có tu-chứng rồi mới được hoàn toàn ; như loài kim-khoáng, nếu không có lửa nung-nấu, thì không thành loài kim vậy. Có người bảo lương-tri là kể từ lúc dĩ-phát mà lập giáo, chứ không phải là cái bản-chỉ vị phát vô tri. Có người bảo lương-tri vốn không có lòng dục, theo lòng thẳng mà động, thì không có cái gì là không phải đạo, không đợi phải thêm cái công tiêu-dục. Có người bảo có chủ-tể, có lưu-hành ; chủ-tể để lập tính, lưu-hành để lập mệnh, rồi lấy lương-tri chia ra thể và dụng. Có người bảo sự học cốt ở tuần-tự, lúc cầu có gốc ngọn, lúc được không có trong ngoài, rồi lấy trí-tri phân-biệt ra thỉ-chung. Đó đều là những chỗ các nhà bàn về sự học khác nhau, không thể không phân-biệt được.

« Tịch là cái bản-thể của tâm ; tịch lấy chiếu làm dụng, giữ cái không-tri mà bỏ sót cái chiếu, thế là trái với cái dụng. Thấy đứa trẻ sa xuống giếng mà thương-xót, thấy cách đi xin ăn dơ-nhuốc mà xấu-hổ, lòng nhân-nghĩa vốn là hoàn-cụ, cảm xúc thần ứng không học cũng hay vậy. Nếu bảo lương-tri phải bởi sự tu 修 rồi mới toàn 全, thế là trái với cái thể.

« Lương-tri là cái trung chưa phát, không biết mà cũng không cái gì là không biết. Nếu trước cái lương-tri, mà lại tìm cái vị phát, thế là chìm-

đắm vào chỗ không. Cổ-nhân lập giáo nguyên vì có lòng dục mà đặt ra, tiêu-dục là để trở lại cái thể vô dục, không phải có thêm ra cái gì. Chủ-tể là cái thể của sự lưu-hành, lưu-hành là cái dụng của chủ-tể ; thể với dụng là một gốc, không thể chia ra được. Cái sở-cầu là cái nhân 因 của cái đắc ; cái sở-đắc là cái chứng của cái sở-cầu, thí-chung là nhất-quán, không thể chia ra được ». (Ngữ-lục)

Có người muốn biết cái học của Dương-minh với cái học của Bạch-sa<sup>15</sup> khác nhau thế nào. Ông nói : « Bạch-sa thuộc về cái truyền lưu của phái Bạch-nguyên sơn 百源山, là học-phái của Triệu Khang Tiết đời Tống cũng là biệt-phái của Khổng-môn. Cái học của Bạch-sa được cái chỗ giữa cái vòng để ứng-phó vô cùng, đó là cái cảnh-tượng vậy. Vì người đời tinh-thần nở-nang vung rộng, chạy giông-ruổi ra bên ngoài, muốn trở lại chỗ tính-tĩnh của mình mà không có lối vào, thế phải mượn cách hành-trì ở chỗ tĩnh mà tìm lấy cái diện-mục bản-lai, để làm cái căn-cơ an thân lập mệnh, đó là cái phép quyền tạm. Đến như cái tông-chỉ trí-tri thì không kể ngữ, mặc, động, tĩnh, cứ theo nhân-tình sự-biến, luyện-tập cho thấu đến cùng, để quay về đến cái gốc, ví như loài chân-kim vì đồng, chì, lẫn-lộn, không có lửa nóng nấu, đúc, thì không thành ra tinh-thuần được. Cái học của Dương-minh tiên-sinh có ba phép dạy về nhập ngộ : bởi tri-giác mà được, gọi là giải-ngộ 解悟, song chưa ly-thoát ra ngoài ngôn-thuận ; bởi tĩnh mà được, gọi là chứng-ngộ 證悟, song còn phải đợi ở cảnh-giới ; bởi nhân sự luyện-tập mà được, quên cả ngôn-ngữ, quên cả cảnh-giới, gặp chỗ nào cũng phùng nguyên, càng lay-động lại càng im-lặng, thế mới là triệt-ngộ 徹悟 ». (Ngữ-lục)

Cái học của Long-kê lên đến chỗ cùng-cực, tất là phảng-phất giống Lão-học và Phật-học. Các nho-giả khác thường bó-buộc ở chỗ thấp cho nên mới có nhiều điều nghị-luận. Bạn ông là Đường Kinh-xuyên, thuộc chi-phái Nam-trung nói rằng : « Ông tự tin hậu quá, không phòng đến cái hình-tích, bao-bọc rộng-rãi, không chọn cái sạch-bẩn, cho nên lời nghị-luận của đời không hẳn mặt nào ». Hoàng Lê-châu nói rằng : « Lương-tri đã là sự lưu-hành của tri-giác, thì nó không nhất định ở chỗ nào, không cần có khuôn-phép ; hễ đã dùng đến công-phu, thì làm trở ngại cái thể hư-vô, thế là phải gần với Thiền-học. Sự lưu-hành tức là cái chủ-tể, nhưng với tay lên núi cao, không bấu-víu vào đâu, phái lấy tâm-

tức 心息 nương nhau làm phép quyên tạm, thế là gần Lão-học. Tuy nói là chân-tính lưu-hành thì tự-nhiên thấy rõ cái thiên-tắc, nhưng đối với cái khuôn-phép của Nho-học cũng hơi khác vậy. Song ông thân thừa cái mặt-mệnh của Dương-minh thường thường còn truyền lại. Sau Tượng-sơn không thể không có Từ-hồ ; sau Dương-minh không thể không có Long-khê. Lấy sự thịnh-suy của học-thuật mà suy rộng ra, thì Từ-hồ làm cho cái luồng sóng của Tượng-sơn lưu-thông mà Long-khê thì khơi sông tìm nguồn, đối với cái học của Dương-minh vốn có phát-huy ra được nhiều vậy ».

**Trương Nguyên-Xung.** – Trương Nguyên-Xung 張元冲, tự là Thúc-khiêm 叔謙, hiệu là Phù-phong 浮峯, người đất Âm-sơn, tỉnh Chiết-giang, đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức phó-đô-ngự-sử, tuần-phủ tỉnh Giang-tây. Ông thường nói : « Cái đạo của Khổng-tử là nhất dĩ quán chi, cái đạo của Mạnh-tử là vạn vật đều đủ ở ta. Cái thuyết lương-tri chỉ thế mà thôi ». Ông lại nói : « Học thì trước phải lập chí. Không học làm thánh-nhân, không phải là lập chí vậy. Cái học của thánh-nhân ở sự giới-cụ cẩn-độc, không như thế không phải là học ».

## 2. GIANG HỮU VƯƠNG-MÔN 河右王門

Môn-phái này ở đất Giang-tây có những danh-nho như Châu Thử-ích, Âu-dương Đức, Nhiếp Báo, La Hồng-Tiên, Trần Cửu-Xuyên v.v... cố sức giảng tập cái học của Dương-minh, cho nên hậu-nho thường cho là nhờ có phái này mà cái học của Dương-minh giữ được chính-truyền.

**Châu Thử-ích.** – Châu Thử-ích 鄒守益, tự là Khiêm-chi 謙之, hiệu là Đông-quách 東虎, người đất An-phúc, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ cập-đệ, làm quan đến chức Nam-kinh Quốc-tử tế-tửu. Cái học của ông đặc lực ở sự kính. Kính là linh-minh của lương-tri mà không lẫn với trần-tục. Ông cho là cái tính-thể của ta là ở trong sự nhật dụng luân vật không phân động tĩnh, không kể ngày đêm, không có lúc nào đứng dừng lại, chỗ lưu-hành mà hợp nghi là thiện, chỗ có chướng-tế ứng-tắc là bất thiện. Hễ quên sự giới-cụ thì có chướng-tế và ứng tắc, khiến cho không có chỗ nào là không có sự lưu-hành của giới-cụ, ấy là sự lưu-hành của tính-thể. Xa-lìa sự giới-thận khứng-cụ thì không biết tìm tính ở đâu ; xa lìa cái tính



thì không biết tìm sự nhất dụng luân vật ở đâu. Cái học của ông thì thận-trọng mà không cao-xa, song nhờ có cái học ấy mới giữ được cái phần thiết-thực trong cái học của Dương-minh.

**Âu-dương Đức.** – Âu-dương Đức 歐陽德, tự là Sùng-nhất 崇一, hiệu là Nam-dã 南野, người đất Thái-hòa, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ cập-đệ, làm quan đến chức Lễ-bộ thượng-thư. Ông nói rằng : « Cái minh-giác thật của thiên-tính tự-nhiên tùy cảm mà thông, tự nó có điều-lý, ấy thế gọi là lương-tri, mà cũng gọi là thiên-lý. Thiên-lý là sự điều-lý của lương-tri, lương-tri là cái linh-minh của thiên-lý ».

**Nhiếp Báo.** – Nhiếp Báo 聶豹, tự là Văn-Ủy 文尉, hiệu là Song-giang 雙江, người đất Vĩnh-phong, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ làm quan đến chức thượng-thư. Lúc ông đang làm quan, có việc bị giam trong ngục, ngồi tĩnh tọa lâu ngày, hốt nhiên thấy rõ cái chân-thể của tâm, quang-minh oanh-triệt, vạn vật đều đủ, bèn mừng mà nói rằng : « Ấy là cái trung chưa phát, giữ cái ấy không mất, thì cái lý của thiên-hạ đều bởi đó mà ra ». Đến lúc ở ngục ra, cùng với học-giả lập phép tĩnh tọa, khiến qui về cái tịch để lấy thông-cảm, giữ lấy cái thể để ứng-dụng. Đại để cái học của ông là chủ ở sự qui-tịch để thông sự cảm của thiên-hạ.

**La Hồng-Tiên.** – La Hồng-Tiên 羅洪先, tự là Đạt-phu 達夫, hiệu là Niệm-am 念菴, người đất Cát-thủy, tỉnh Giang-tây, đỗ trạng-nguyên, làm quan được ít lâu rồi về nhà lo việc học, lấy sự nghèo làm thích, không thiết đến của-cải.

Cái học của ông lúc đầu dụng lực ở chỗ thực-tiến, sau theo về tịch-tĩnh, đến văn niên mới triệt-ngộ cái thể của nhân 仁. Thuở ấy những môn-đệ của Dương-minh bàn về việc học, đều nói rằng : « Tri thiện tri ác tức thị lương-tri, theo đó mà làm, tức là trí-tri ». Ông bảo rằng : « Lương-tri là nói chí thiện vậy. Cái thiện của tâm ta, ta biết ; cái ác của tâm ta, ta biết ; không thể nói là không phải cái tri được. Trong chỗ thiện ác giao tạp, há lại không có cái gì làm chủ hay sao ? Không có cái gì làm chủ ở trong, mà bảo cái tri vốn thường sáng là không phải. Cái tri có lúc chưa sáng, nếu theo đó mà làm, mà bảo không có sai-lầm ở lúc sau đã phát ra, và có thể thuận-ứng các sự-vật, là không phải. Cho nên không trải qua sự khô-kháo tịch-mịch, hết thấy phải lắng nghe cái thiên-lý sáng

rõ thì không dễ mà tới được ». Ông cho lương-tri không có cái hiện-thành, phải có tu-chứng rồi mới hoàn toàn.

Trong những người xưng là môn-nhân của Dương-minh, ông là người tư-thực, nhưng ông hiểu được cái học của Dương-minh có phần hơn nhiều người khác.

**Trần Cửu-Xuyên.** – Trần Cửu-Xuyên 陳九川, tự là Duy-tuấn 惟濬, hiệu là Minh-thủy 明水, người đất Lâm-xuyên, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ. Cái học của ông hợp cái tịch và cái cảm làm một. Tịch ở trong cảm là cái bản-thể của cảm ; cảm ở trong tịch là cái diệu-dụng của tịch.

### 3. NAM-TRUNG VƯƠNG-MÔN 南中王門

Môn-phái này ở đất Giang-tô, vùng Nam-kinh. Những học-giả trong môn-phái này là :

- Hoàng Tỉnh-Tăng 黃省曾, tự là Miễn-chi 勉之, hiệu là Ngũ-nhạc 五岳, người huyện Tô-châu.

- Chu Đắc-Chi 朱得之, tự là Bản-tư 本思, hiệu là Cận-trai 近齊, người huyện Tĩnh-giang, tỉnh Giang-tô.

- Đường Thuận-Chi 唐順之, tự là Ứng-đức 應德, hiệu là Kinh-xuyên 荆川, người huyện Vô-tiến, tỉnh Giang-tô

- v.v...

### 4. SỞ-TRUNG VƯƠNG-MÔN 楚中王門

Môn-phái này ở vùng Hồ-nam và Hồ-bắc. Những học-giả trong môn-phái này là :

- Tường Tín 牆信, tự là Khanh-thực 卿實, hiệu là Đạo-lâm 道林, người đất Thường-đức.

- Ký Nguyên-Hanh 冀元亨, tự là Duy-kiên 惟乾, hiệu là Âm-trai 齊闇 người đất Võ-lăng

- v.v...

## 5. BẮC-PHƯƠNG VƯƠNG-MÔN 北方王門

Người phương bắc theo cái học của Dương-minh ít hơn cả. Những học-giả trong môn-phái này là :

- Mục Khổng-Huy 穆孔暉, tự là Bá-tiềm 伯潛, hiệu là Huyền-am 玄菴, người tỉnh Sơn-đông.

- Mạnh Thu 孟秋, tự là Tử-thành 子成, hiệu là Ngã-cương 我疆, người tỉnh Sơn-đông.

- Nam Đại-Cát 南大吉, tự là Nguyên-thiện 元善, hiệu là Thụy-tuyền 瑞泉, người tỉnh Thiểm-tây

- v.v...

## 6. VIỆT-MÂN VƯƠNG-MÔN 粵閩王門

Người đất Phúc-kiến và Quảng-đông theo học Dương-minh cũng nhiều, song chỉ có Tiết Khản 薛侃, tự là Thượng-khiêm 尚謙, hiệu là Trung-ly 中離, người đất Quảng-đông là hơn cả.

## 7. CHỈ TU 止修

Môn-phái này do Lý Tài lập ra. Lý Tài 李材, tự là Mạnh-thành 孟誠, hiệu là Kiến-la 見羅, người huyện Phong-thành, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ cập-đệ. Ông trước theo Châu Đông-quách học cái thuyết trí lương-tri, sau phát ra cái tông-chỉ « chỉ tu », cho là cái chân-truyền của Khổng-tử và Tăng-tử ; « chỉ » để làm cách tồn-duỡng, « tu » là để làm cách tỉnh sát. Ông cho lương-tri là theo cái dĩ-phát mà lập giáo, chứ không phải là cái bản-chỉ vị-phát vô tri.

## 8. THÁI-CHÂU 泰州

Môn-phái này do Vương-Cấn lập ra. Vương Cấn 王艮, tự là Nhữ-chỉ 汝止, hiệu là Tâm-trai 心齊, người đất An-phong, thuộc Thái-châu, tỉnh Giang-tô. Ông bình sinh ý-khí thái-cai, hành sự thái-kỳ. Dương-minh

thường phải tìm cách tài-ức cho bớt đi. Ông không ra ứng cử, không làm quan.

Trong những môn-nhân của Dương-minh có Long-khê và ông là hơn cả. Long-khê tuy giỏi hơn ông, song có người tin và có người không tin. Ông thì có khi ở trong khoảng chớp mắt, tỉnh-giác được nhiều người. Ông thường bảo rằng : « sự nhất dụng của trăm họ tức là đạo, và ông lấy ở chỗ vắng-lai động-tác của bọn đồng-bộc, cái gì là không mượn sự an-bài thì chỉ ra cho người ta biết, cho nên ai trông thấy cũng hiểu ngay ».

Cái học của ông chủ ở sự cách-vật. Ông cho sự cách-vật là nói vật có bản mặt ; thân mình với thiên-hạ quốc-gia là một vật ; cách vật, trí tri, tu thân, là gốc ; tề gia, trị quốc, bình thiên-hạ, là ngọn. Làm việc gì mà không được, thì phải quay trở lại tìm ở mình. Quay trở lại mình, ấy là cái công-phu cách-vật, cho nên muốn tề gia, trị quốc, bình thiên-hạ, phải cốt ở sự yên thân. Cái thân chưa yên, thì cái bản không lập. Người biết cái thân đã yên, thì biết yêu thân và kính thân ; người yêu thân và kính thân, thì không dám không yêu người, không kính người. Đã yêu người và kính người, thì người yêu ta, kính ta, mà thân ta yên vậy. Một nhà yêu ta, kính ta, thì nhà tề ; một nước yêu ta, kính ta, thì nước trị ; thiên-hạ yêu ta, kính ta, thì thiên-hạ bình. Cho nên người không yêu ta, không phải chỉ có người là bất nhân, mà cái bất nhân của ta cũng biết được vậy ; người không kính ta, không phải chỉ có người là bất kính, mà cái bất kính của ta cũng biết được vậy. Cái thuyết cách-vật ấy về sau gọi là cái thuyết cách-vật ở đất Hoài-nam.

Lưu Trấp-sơn bàn chỗ này, nói rằng : « Chử yên thân ở đây là nói yên cái tâm của mình, chứ không phải là bo bo giữ cái hình-hài làm gốc ». Tâm-trai cũng thường nói rằng : « Yên cái thân và yên cả cái tâm là bậc thượng, không yên cái thân mà yên cái tâm là bậc thứ, không yên cái thân mà cũng không yên cái tâm là bậc hạ ». Xem thế thì hai chữ « yên thân » của Tâm-trai là chủ lấy sự yên tâm làm gốc.

Tâm-trai nói rằng : « Thánh-nhân lấy đạo giúp thiên-hạ, ấy cái chí-trọng là đạo ; người có thể mở rộng đạo, ấy cái chí-trọng là thân. Đạo trọng thì thân trọng, thân trọng thì đạo trọng, cho nên học là học làm thầy, học làm bậc trưởng, học làm vua vậy. Lấy thiên-địa vạn vật nương ở thân, không lấy thân nương ở thiên-địa vạn vật ». Đạo là để giúp thiên-

hạ, thân là để hành đạo, vậy nên ta phải trọng cái thân. Trong cái thân có cái tâm làm chủ mà cái tâm thì vẫn có cái vui, tìm cái vui đó tức là học. Cho nên nói rằng : « Cái tâm của người ta vốn tự vui, rồi tự nó đem cái tư-dục mà trói-buộc mình lại, nhưng khi cái tư-dục mọc ra, thì cái lương-tri tự biết ; đã biết, thì cái tư-dục lại tiêu-trừ đi, và cái tâm của người ta lại y như cũ mà vui. Vui là vui ở cái học ấy, học là học cái vui ấy ; không vui không phải là học, không học không phải là vui ; vui rồi mới là học, học rồi mới là vui : vui là học, học là vui. Than ôi ! Cái vui của thiên-hạ có gì bằng cái học như thế, cái học của thiên-hạ có gì bằng cái vui như thế ! ». Đại để, cái học của Tâm-trai có cái chủ-nghĩa lạc-quan rất lớn, cho nên về sau những người theo môn-phái này hay thiên về đường du-hiệp.

Hoàng Lê-châu nói rằng : « Cái học của Dương-minh nhờ có Long-kê và Tâm-trai mà truyền rộng ra ở thiên-hạ, nhưng cũng vì Long-kê và Tâm-trai mà dần dần làm mất cái chính-truyền. Song, sau Long-kê không có ai bằng Long-kê nữa, và lại nhờ có chi-phái Giang-hữu chữa lại, thành ra không đến nỗi hư-hỏng hẳn ; đảng này sau Tâm-trai thì có nhiều người đảm-đang, làm những việc khác thường, rồi truyền đến bọn Nhan Sơn-nông, Hà Tâm-Ẩn, thì không phải là cái danh-giáo có thể ràng-buộc được nữa ».

Những người có tiếng trong môn-phái này là :

- Từ Việt 徐樾, tự là Tử-trực 子此, hiệu là Ba-thạch 波石, người đất Quý-kê, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ.

- Vương Đống 王棟, tự là Long-cát 龍吉, hiệu là Nhất-am 一菴, người đất Thái-châu.

- Lâm-xuân 林春, tự là Tử-nhân 子仁, hiệu là Đông-thành 東城, người đất Thái-châu.

- Triệu Trinh-Cát 趙貞吉, tự là Mạnh-tĩnh 孟靜, hiệu là Đại-châu 大州, người đất Nội-giang, tỉnh Tứ-xuyên.

- La Nhữ-Phương 羅汝芳, tự là Duy-đức 惟德, hiệu là Cận-kê 近溪, người đất Nam-thành, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ.

- Chu Nhĩ-Đăng 周汝登, tự là Kế-nguyên 繼元, hiệu là Hải-môn 海門, người đất Thặng-huyện, tỉnh Chiết-giang. Những người này thường hay thiên về Thiền-học bên Phật-giáo.

Trong phái Thái-châu có những người du-hiệp có tiếng là : Nhan quân 顏鈞, tự là Sơn-nông 山麓, người đất Cát-an, tỉnh Giang-tây. Sơn-nông theo học Từ Ba-thạch, được cái truyền của phái Thái-châu, lấy cái tâm của người ta thần-diệu được cả vạn vật mà không trắc-đặc được, cho tính như viên ngọc-châu sáng, nguyên không có bụi-bặm gì cả, không cần phải trông nghe, không cần phải giới-cụ, bình thời chỉ suốt cái tính, việc làm cứ theo tự-nhiên, thế gọi là đạo. Đến khi có điều phóng-dật, nhiên-hậu mới lấy giới-thận khủng-cụ để sửa lại. Phàm nho-giả bảo trước phải có kiến-văn, đạo-lý, cách-thức, đều là làm chướng-ngại cái đạo.

- Học-trò Nhan Sơn-nông là Lương Nhĩ-Nguyên 梁汝元, tự là Phu-sơn 夫山, người đất Vĩnh-phong, tỉnh Giang-tây, sau đổi tên họ là Hà Tâm-Ẩn 何心隱. Tâm-Ẩn theo cái tông-chỉ gần như Thiền-học, rồi sau biến ra như cái học tung-hoành của Tô Tần, Trương Nghi.

- Học-trò của Tâm-Ẩn là Lý Trác-Ngô 李卓吾 theo hẳn Thiền-học mà phủ-báng Nho-giáo.

Cái học của môn-phái Thái-châu về sau làm biến mất cái chân-tướng của cái học Dương-minh.

## 9. LƯU TÔNG-CHU

Cái học của Vương Dương-minh truyền đến cuối đời nhà Minh, vào quãng gần giữa thế-kỷ thứ XVII, càng ngày càng thiên-lệch đi, đến nỗi không ai biết rõ cái tông-chỉ chân-chính lúc đầu nữa. Lúc ấy nhờ có Lưu Tông-Chu lại phát-minh ra được cái chính truyền.

Lưu Tông-Chu 劉宗周, tự là Khởi-đông 起東 hiệu là Niệm-đài 念臺, biệt hiệu là Trấp-sơn 戢山, người đất Âm-sơn, tỉnh Chiết-giang, đỗ tiến-sĩ đời Vạn-lịch, làm quan đến chức tả-đô-ngự-sử, vì lấy lời thẳng can vua mà phải bãi về. Sau khi nhà Minh mất, tỉnh Chiết-giang đã ra hàng nhà Thanh, ông bèn nhịn ăn 20 ngày mà chết.

Lưu Trấp-sơn là một danh-nho cuối đời nhà Minh, thuộc về phái tâm-học. Ông thấy những học-giả thuở ấy ngộ giải cái học trí lương-tri của Vương Dương-minh mà thiên về Thiền-học, làm sai mất cái ý của thánh-học, cho nên ông mới tìm cách mà bổ cứu sự sai-lầm ấy. Ông nhân cái nghĩa câu : « *Thận độc tức thị trí lương-tri* 慎獨即是致良知 » của Dương-minh mà lấy hai chữ « thận độc » làm tông-chỉ.

Cái nghĩa câu ấy của Dương-minh so với cái nghĩa trong sách *Đại-học* và *Trung-dụng*, thì thận độc tức là thành ý, nhưng ông không theo tiên-nho nói rằng : « *Ý giả tâm chi sở phát* 意者之心所發 », mà lại nói là : « *Ý giả tâm chi sở tồn* 意者之心所存 ». Theo cái tư-tưởng của ông thì tâm người ta ở trong khoảng gang-tấc, mà đạt ra khắp hết cả, có cái tượng như Thái-hư. Hư 虛 sinh ra linh, linh 靈 sinh ra giác, giác 覺 có cái chủ ấy là ý 意. Tâm thì hư-linh mà hay biến, ý thì có định hướng mà chưa được nhiều, cho nên ý là chủ-tể của tâm. Lấy chỗ « tịch nhiên bất động » của tâm mà xét, thì chỉ có trơ-trọi một cái linh-thể « bất lự nhi tri », sự làm chủ-trương sự khiến sự sinh hóa, cho nên mới lấy đó mà gọi là « độc ». Cái « độc » ấy là ý, là chủ-tể của tâm, thì sự học là phải « thận » ở chỗ ấy, ắt thấy rõ cái tâm vậy.

Ông theo cái tông-chỉ ấy mà nói rằng : « *Tri vô bất lương, chỉ thị độc tri nhất điểm* 知無不良只是獨知一點 : cái tri thì không có gì là bất lương, chỉ cốt có một điểm độc tri ». Độc tri là biết cái độc-thể làm chủ-tể trong tâm. Biết được rõ cái độc-thể ấy, tức là giữ còn cái tâm vậy. Cho nên ông lại nói rằng : « *Tâm vô tồn vong, dẫn li độc vị tiện thị vong* 心無存亡但離獨位便是亡 : tâm không có tồn vong, chỉ có lìa bỏ cái ngôi « độc » ấy là vong ».

Cái học thận-độc giải nghĩa như thế thì chính hợp với cái học trí lương-tri của Vương Dương-minh và có thể khiến học-giả không khuynh-hướng về đường hư-vô. Đó thật là ông đã đạt tới cái chủ-đích muốn cứu-bổ cái thời tệ vậy. Song, xét cho hết lý, thì cái học thận-độc tuy giữ được phần thiết-thực chắc chắn hơn nhưng về phần cao-siêu hoàng-đại thì lại không bằng cái học trí lương-tri có thể bao-quát được cả vũ trụ.

Hoàng Lê-châu là cao-đệ của ông, nói rằng : « Xưa nay nho-giả nhiều người nói thận-độc, song người thì nhận biết cái bản-thể mà sa

vào chỗ hoảng-hốt, người thì nương tựa vào cái độc-tri mà cố sức ở cái động niệm, duy có Trấp-sơn thấy được cái chân-thực và nhận biết trong sự hỉ nộ ai lạc chỉ có một khí quán-thông hết cả, không phải mượn phẩm-tiết hạn-chế, mà cái đức trung-hòa tự-nhiên lưu-hành ở khoảng nhất dụng động tĩnh. Cái độc-thể như thế tựa như trời lấy một khí mà tiến-thoái, chia đều bốn mùa, ấm lạnh rét nóng không sai phép thường ; một năm như thế, muôn đời cũng như thế, dầu có khi sai lỗi âm dương, thành ra điềm tốt điềm xấu, song vẫn không đổi được cái đại-thường của tạo-hóa. Thận là thận cái đó mà thôi. Cái thuyết ấy không giống cái thuyết của tiên-nho. Tiên-nho nói : « *Vị phát vi tính, dĩ phát vi tình* 未發為行已發為情 » ; Mạnh-tử nói : « Trắc-ẩn, tu-ố, từ-nhượng, thị-phi là nhân cái tính sở phát mà thấy cái tính sở tồn, nhân cái thiện của tình mà thấy cái thiện của tính. Trấp-sơn thì trở cái tình mà nói cái tính, chứ không nhân cái tình mà thấy cái tính. Ấy là lấy tâm mà nói tính, chứ không lìa bỏ tâm mà nói thiện. Cái hình-nhi-thượng gọi là đạo, cái hình-nhi-hạ gọi là khí-cụ. Khí-cụ có thì đạo ấy có ; rồi cái khí-cụ ra mà đạo không thể thấy được, ắt là phải tìm đạo ở trước lúc trắc-ẩn, tu-ố, từ-nhượng, thị-phi, như thế thì chẳng bao nhiêu mà tâm-hạnh dứt lỗi, ngôn-ngữ hết đường. Bảo rằng trước trời đất đã có vật thì làm gì mà chẳng thuộc về cái học của Lão và Phật ». Lê-châu lại nói tóm cả cái học của Trấp-sơn rằng : « Trong trời đất đều là khí cả, ở tâm người ta chỉ có một cái khí lưu-hành, thành thông thành phục 誠通誠復, tự-nhiên phân ra làm hỉ, nộ, ai, lạc. Cái danh : nhân, nghĩa, lễ, trí, bởi đó mà khởi ra, không đợi an-bài phẩm-tiết, tự nó có thể không quá được cái qui-tắc, tức là trung-hòa. Ấy là sinh ra mà có cái đó, người nào cũng thế cả, cho nên gọi là tính thiện, không sai-lầm về quá và bất cập. Cái tính-thể nguyên nó tự chu-lưu, không hại được cái đức trung-hòa của nó. Kẻ học-giả chỉ chứng-nhận được cái tính-thể phân-minh mà cứ lúc nào cũng bảo-thủ lấy, ấy là « thận ». Cái công-phu sự « thận » là chỉ biết ở chỗ chủ-tể, có cái làm chủ, ấy gọi là ý. Xa lìa cái ý-căn một bước, ấy là vọng 妄, không phải là độc 獨. Cho nên càng thu-liễm càng tới nơi, song cái chủ-tể cũng không đứng lại ở một chỗ nào, chỉ ở trong sự lưu-hành đó thôi, bởi thế mới nói : Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ ».

Đại-đế, cái học của Vương Dương-minh có Lưu Trấp-sơn lại sáng rõ ra. Nhưng qua sang đời nhà Thanh chỉ có Hoàng Lê-châu tiếp-tục được



cái học ấy, rồi sau lại suy dần đi.

## 10. HOÀNG TÔNG-HY

Hoàng Tông-Hy 黃宗羲, tự là Thái-xung 大冲, hiệu là Lê-châu 梨洲 (1609-1695), người đất Dư-diêu, tỉnh Chiết-giang. Ông là con trưởng của Hoàng Tôn-Tổ 黃尊素 làm chức ngự-sử đời vua Hi-tông nhà Minh. Hoàng Tôn-Tổ thuộc phái Đông-lâm bị bọn Ngụy Trung-Hiền làm hại.

Lúc nhà Thanh lấy được nước Tàu, ông bôn-tẩu khắp mọi nơi để lo sự khôi-phục, nhưng sau không thành công, ông trở về ẩn cư, dạy học và làm sách, không ra làm quan với nhà Thanh. Ông nghiên-cứu hết mọi cái học, làm ra nhiều sách, đại-khái như là :

- Dịch-học tượng-số luận 易學象數論
- Luật-lữ tân nghĩa 律呂新義
- Thự-thư tùy bút 授書隨筆
- Tống-nho học-án 宋儒學案
- Nguyên-nho học-án 元儒學案
- Minh-nho học-án 明儒學案
- v.v...

Trong những sách ấy có bộ Minh-nho học-án rất có giá-trị. Gần đây Tiết Phương-Xương nhặt các sách của ông, in ra một bộ gọi là Lê-châu di trước vị tập 梨洲遺著彙集, 20 quyển.

Phái tâm-học trước chỉ lấy tâm làm chủ, đến Vương Dương-minh mới lấy lương-tri làm chủ, rồi Lưu Trấp-sơn lại lấy cái « độc » làm chủ, cho nên cái học của Dương-minh chú-trọng ở sự trí lương-tri mà cái học của Trấp-sơn chú-trọng ở sự thận-độc. Hoàng Lê-châu là học-trò Lưu Trấp-sơn, tất là phải theo cái tông-chỉ của thầy.

Song muốn hiểu rõ cái nghĩa hai chữ « thận độc 慎獨 » của Trấp-sơn và Lê-châu thì phải biết rằng : Nho-gia thường vẫn cho là ở trong vũ-trụ chỉ có một cái khí chu-lưu khắp cả trời đất vạn vật. Khí ấy vô hình mà linh-diệu vô cùng, không có thỉ, không có chung và thông suốt cả mọi vật. Từ khí ấy đến ngũ-hành là chất, chứ không phải là khí nữa. Chất thì có hình, có thỉ, có chung và không tương-thông được. Vậy sự lưu-hành

biến-hóa của trời đất là do ở cái khí mà ra. Cái khí ấy « *mạc chi vi nhi vi giả* 幕之為而為者 : không làm gì mà có làm ». Nóng rét không mất cái qui-tắc, vạn vật đều có trật-tự, trị loạn doanh-hư, tiêu tức thịnh-suy, tuần-hoàn không thôi, nhật nguyệt tinh-thần đi lẫn-lộn mà không mất chừng-mức, không thấy dấu-tích việc làm mà tự-nhiên thành tượng, như thế không thể bảo là trong chỗ mờ-mờ ấy không có cái sở-chủ được. Cái sở-chủ ấy gọi là Trời, là lấy cái nghĩa làm chủ-tể mà nói. Việc của Trời thì « *mạc chi trí nhi chí giả* 幕之致而至者 : không tìm đến mà đến », như sự phú-quí bẩm-tiên, sinh-tử họa-phúc của người đời là phần nhiều không triệu nó mà nó đến, ấy là cái khí-hóa bất tể, nhưng cái vận-số tự nó thuần-tạp, người ta sinh ra trong khoảng ấy, ai cũng phải chịu cái phép, không sao tránh được, cái phép ấy gọi là mệnh 命, là lấy cái nghĩa lưu-hành mà nói. Việc lưu-hành tuy bất tể, nhưng vẫn có cái chủ-tể nhất định.

Nói về đạo Trời là thế, nói về đạo người thì ai đã sinh ra là bẩm-thụ cái khí để làm tâm. Tâm là phần thiêng-liêng của khí. Cái tâm-thể lưu-hành luôn mà sự lưu-hành ấy có điều-lý, tức là tính. Sự lưu-hành mà không mất trật-tự, tức là lý. Lý không thể thấy được, chỉ thấy ở khí, tính không thể thấy được, chỉ thấy ở tâm ; tâm là khí vậy. Cho nên Lê-châu nói : « Lý là cái tính có hình mà tính là cái lý không có hình ». Lời tiên-nho nói : « *Tính tức lý* 行即理 thật là đúng cái huyết-mạch của nghìn bậc thánh vậy. Rút lại mà nói thì đều là có một khí làm ra cả ». Ông lại nói : « Người ta tuy chỉ có một cái khí lưu-hành, nhưng trong sự lưu-hành ắt có cái chủ-tể, mà cái chủ-tể ấy không ở ngoài sự lưu-hành, chính là cái điều-lý của sự lưu-hành : xét ở sự biến của khí thì gọi là lưu-hành, xét ở sự bất biến của khí thì gọi là chủ-tể. Dưỡng khí là khiến cái chủ-tể thường còn lại thì cái khí-huyết hóa ra làm nghĩa-lý ; bỏ mất cái chủ-tể thì nghĩa-lý hóa ra làm khí-huyết. Cái sai-lầm chỉ ở chỗ hào-ly mà thôi ». Nuôi cái khí để giữ cho còn cái chủ-tể bất biến ấy tức là giữ cho còn cái « độc », rồi thận-trọng ở cái « độc » đó, tức là « thận độc ».

Lê-châu cho là tiên-nho không biết : *ý giả tâm chi sở tồn* 意者心之所存, mà lại nói : *ý giả tâm chi sở phát* 意者心之所發, cho nên mới có sự sai-lầm. Ông nói : « Sách Trung-dung nói : *trí trung hòa* 致中和. Chu Hối-am lấy tồn dưỡng làm *trí trung*, tĩnh-sát làm *trí hòa*, tuy trung và hòa cùng

đều trí cả, nhưng vẫn chưa khởi phân động tĩnh ra làm hai đoạn, thành ra cái công-phu có hai cái dụng. Về sau Vương Long-khê theo sự cảm-ứng của nhật dụng luân vật để trí cái minh-sát. Âu-dương Nam-dạ lấy cảm-ứng biến-hóa làm lương-trí, ấy là *trí hòa* mà không *trí-trung* ; Nhiếp Song-giang, La Niệm-am chủ ở sự qui tịch thủ tĩnh, ấy là *trí trung* mà không *trí hòa*. Các thuyết của chư nho không có thuyết nào là không nói : tiền hậu, nội ngoại, hỗn-nhiên nhất thể, thế mà hoặc nhiếp cảm để qui tịch, hoặc duyên tịch để khởi cảm, rút lại vẫn có chỗ thiên-lệch, là bởi vì tôn-sùng cái thuyết : *ý giả tâm chi sở phát*. Trí trung thì cho là cái ý không đủ làm bằng-cứ, mà phải vượt qua cái ý ; trí hòa thì cho cái động là cái bản-nhiên của ý, mà cố đuối theo cho được cả trung hòa kiêm trí ở trong ý, thành ra có cái công-phu trước cái ý và cái công-phu sau cái ý, mà ý thì ngắt đôi ra. Giả sử sớm biết cái thuyết : *ý giả tâm chi sở tồn* thì cái chỗ dụng công chỉ có một ý mà thôi, trừ bỏ được sự ngắt đứt ra và mới nói được, tiền hậu, nội ngoại, hỗn-nhiên nhất thể ».

Xét hai câu : *ý giả tâm chi sở phát* và *ý giả tâm chi sở tồn* thì cái nghĩa không xa nhau là mấy, vì rằng tâm có phát thì ta mới biết là nó còn, chứ tâm không phát thì lấy gì mà biết là còn được ? Song Lê-châu muốn để chữ « tồn » là cốt khiến học-giả chú-trọng ở cái độc-thể của tâm mà không phải đuối theo sự phát-động của tâm. Như thế thì cái công-phu chỉ ở trong hai chữ « thận-độc » là đủ.

Hoàng Lê-châu không những là một nhà triết-học uyên-thâm, phát-minh được cái học của Vương Dương-minh và Lưu Trấp-sơn, mà lại là một nhà khảo-cứu rất tinh-tường và phê-bình rất xác-đáng ở đời Thanh-sơ. Ông cho là từ đời Nam-Tống về sau những nhà giảng học hay đàm-luận tính-mệnh mà không bàn đến cái học huấn-hỗ ; những kẻ hậu-học nói kinh thì theo Hán-nho mà lập thân thì theo Tống-học.

Bàn về cái học của Chu Hối-am và Lục Tượng-sơn, ông nói : « Học của họ Chu thì cốt giảng sự học-vấn, bảo học phải cách-vật, cùng lý, là cái bậc thang để người ta lên cõi thánh ; nếu tự tín là mình phải, một mình suy-nghĩ ở trong tâm, như thế là « sư tâm tự dụng ». Học của họ Lục thì chuộng sự tôn đức-tính, bảo trước phải lập định về điều lớn ; điều lớn đã đứng vững thì không bị phải điều nhỏ đoạt đi được. Nếu cái bản-thể không rõ, mà chỉ chăm chăm dụng công về việc ở ngoài, như thế là nước không có nguồn vậy ». Bàn về cái học cuối đời nhà Minh, ông

nói : « Người đời Minh giảng học, cứ nhặt những cái cảm-bã ở các sách *Ngũ-lục*, chứ không lấy sáu kinh làm căn-bản, bó sách lại mà đi theo du-đàm cho nên mới sinh ra cái lưu-tệ ». Ông bảo : « Học-giả trước hết cần phải học hết các kinh để học theo sự khinh-thế ; nhưng cứ câu-chấp một kinh-thuật, vẫn không thích-hợp với sự dùng. Muốn khỏi làm kẻ vu-nho, thì phải kiêm đọc các sách sử ». Xem thế, thì cái học của ông có phần sở đắc hơn cả là sử-học.

Cái học của Hoàng Lê-châu tuy lấy kinh-học và sử-học làm chủ, nhưng vẫn lấy tâm-học làm trọng, cho nên nói rằng : « Đọc sách không nhiều thì không lấy gì chứng rõ cho sự biến-hóa của lý. Đọc sách nhiều mà không cầu ở tâm, thì lại là tục-học ». Bởi vậy, phàm những người theo cái học của ông, không bị cái lưu-tệ về sự giảng học.

Sách của ông mà có ảnh-hưởng đến sự tư-tưởng đời nay là bộ *Minh di đãi phóng lục* 明夷待訪錄. Trong sách ấy, ông bàn về đạo làm vua, làm tôi cùng những pháp-luật, học-hiệu, điển-chế, binh-chế, tài-kế v.v... Đại-lược là ông lấy vương-đạo mà giải-quyết những điều ấy. Cố Đình-lâm xem sách ấy, nói rằng : « Thiên-hạ chưa từng không có người. Cái đạo của bách vương đã hư-hỏng đi, có thể lại khởi-phục lên được, và cái thịnh-trị của Tam-Đại, có thể dần dần lại hoàn lại được. Sách ấy thật là bổ-ích cho sự học của ta ».

Bàn về cái đạo làm vua, Hoàng Lê-châu nói : « Lúc nhân-dân sơ sinh, người nào cũng tự tư, tự lợi, trong thiên-hạ có cái công lợi không ai hưng-khởi lên ; có cái công hại không ai trừ-khử đi. Đến khi có người ra đời, không lấy cái lợi của mình làm lợi mà khiến cả thiên-hạ đều được lợi chung, không lấy sự hại của mình làm hại mà khiến cả thiên-hạ đều được khỏi cái hại. Ấy là sự cần-lao của người ấy gấp nghìn gấp vạn sự cần-lao của người trong thiên-hạ. Chịu cái cần-lao gấp nghìn gấp vạn mà mình không được hưởng cái lợi, cái tính của người trong thiên-hạ ắt là không ai muốn ở cái địa-vị ấy. Cho nên bậc nhân-quân, cao-sĩ đời xưa bỏ đi, không muốn vào cái địa-vị ấy, như Hứa Do, Vũ Quang <sup>16</sup> ; đã vào rồi muốn bỏ đi, như vua Nghiêu, vua Thuấn ; lúc đầu không muốn vào mà rồi không bỏ đi được, như vua Vũ. Há có phải là người đời xưa khác người đời nay hay sao ? Thích cái nhàn, ghét cái nhọc, nhân-tình ai cũng thế cả. Bậc nhân-quân đời sau không thế, cho cái quyền lợi-hại của

thiên-hạ đều bởi mình mà ra, mình lấy cái lợi của thiên-hạ thu hết cả về mình, đem cái hại của thiên-hạ đổ cả cho người cũng không sao, khiến người trong thiên-hạ không ai dám tự tư tự lợi, mà lại lấy cái đại tư của mình làm cái đại công của thiên-hạ. Lúc đầu còn lấy làm then, lâu rồi cũng thôi, coi cả thiên-hạ là một cái đại sản-nghiệp để truyền cho con cháu hưởng-thụ vô cùng. Vua Cao-tổ nhà Hán nói : « Cái nghiệp của ta làm nên, đối với các anh em thì ai nhiều ? » Đó là cái tính trục lợi nó giàn ra ở lời nói vậy ».

« Cổ-giả lấy thiên-hạ làm chủ, vua làm khách ; vua mà phải kinh-doanh suốt đời là chỉ vì thiên-hạ. Đời nay lấy vua làm chủ, thiên-hạ làm khách ; trong thiên-hạ mà không có chỗ nào được yên-ổn là vì vua vậy... » (*Nguyên quán*). Ông cho cái hại vì có vua là tại bọn tiểu-nho không hiểu rõ cái đạo vua tôi, gây thành cái vạ lớn cho muôn dân. Giả sử người làm vua mà biết rõ cái chức-phận ông vua, như đời Đường-Ngu, người nọ nhường cho người kia thì hiểu bọn Hứa Do, Vũ Quang không phải là dứt tình với trần-thế. Người làm vua mà không biết rõ cái chức-phận ông vua thì người ở thành-thị hay ở thôn-quê ai cũng muốn được. Cái đạo mà Hứa Do và Vũ Quang mở ra cho đời sau, không ai hiểu, thật lấy làm tiếc vậy.

Đạo làm vua đã không ai hiểu, đạo làm tôi cũng không ai rõ. Hoàng Lê-châu nói rằng : « Có nhân-quân, rồi lấy sự trông ở chỗ vô hình, sự nghe ở chỗ vô thanh mà thờ vua, có phải là đạo làm tôi không ? Rằng : không. – Bỏ thân mình mà thờ vua, có thể gọi là đạo làm tôi không ? Rằng : không. – Trông ở chỗ vô hình, nghe ở chỗ vô thanh, giống như thờ cha ; bỏ thân mình là cái cực tặc của sự vô tư ; thế mà còn chưa đủ để đương được, thì đạo làm tôi thế nào mới phải ? Rằng : vì thiên-hạ rộng lớn, không phải một người có thể trị nổi, bèn chia ra cho những người giỏi cùng trị, cho nên ta ra làm quan là vì thiên-hạ chứ không phải vì vua ; vì muôn-dân, chứ không phải vì một họ. Ta lấy thiên-hạ và muôn dân làm cái khởi-kiến, hễ trái cái đạo thì vua dù có lấy cái hình cái thanh mà cưỡng ta, ta cũng không dám theo, huống chi cái vô hình vô thanh hay sao ? Đã trái cái đạo thì đem mình đứng ở chỗ triều-đường, ta cũng không chịu, huống chi là chịu giết bỏ cái thân mình hay sao ? Trái lại, lấy một người một họ của ông vua làm cái khởi-kiến thì ông vua có cái thị-dục vô hình vô thanh, ta theo mà trông đó, nghe đó, ấy là cái tâm của bọn hoạn-quan và cung thiếp vậy. Ông vua vì phần riêng mình mà chết, mà mất, ta

theo mà chết đó mất đó, ấy là việc của kẻ riêng-tây. Đó là sự biệnbiệt việc làm tôi hay không làm tôi. Kẻ làm tôi ở đời không hiểu cái nghĩa ấy, cho là vì vua vì tôi mà đặt ra đạo làm vua làm tôi. Vua chia thiên-hạ cho ta để trị, vua trao nhân-dân cho ta để chăn-nuôi, coi thiên-hạ nhân-dân là cái vật riêng ở trong túi của vua. Cho việc bốn phương nhiễu-loạn, dân-sinh tiều-tụy, đủ làm nguy cho vua ta, ta không thể không giăng cái thuyết trị dân và chăn-nuôi dân. Nếu không quan-hệ đến sự còn mất của xã-tắc thì bốn phương nhiễu-loạn, dân-sinh tiều-tụy, tuy có người làm tôi thành-thực, song cho việc ấy là nhỏ-mọn. Kẻ làm tôi ở đời cổ thế nào ? Vì sự trị-loạn của thiên-hạ không ở sự hưng-vong của một họ, mà ở sự lo sự vui của muôn dân. Bởi thế cho nên vua Kiệt vua Trụ mất, bèn lấy làm trị, nhà Tần nhà Nguyên dấy lên, bèn lấy làm loạn, nhà Tấn, nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương dấy hay mất không dự gì đến việc trị-loạn. Kẻ làm tôi mà khinh-thị sự lầm-than của dân thì dẫu hay giúp vua mà dấy, theo vua mà mất, đối với cái đạo làm tôi vẫn chưa từng không trái vậy... » (Nguyên thần). Những lời bàn về đạo vua tôi ấy rất đúng với nghĩa câu : « Dân vi quý, xã-tắc thứ chi, quân vi khinh » của Mạnh-tử.

Trị thiên-hạ phải có phép. Nhưng cái phép của tiên-vương để lợi chung cho cả thiên-hạ, cái phép của đời sau cốt để lợi riêng cho một nhà, một họ. Hoàng Lê-châu nói rằng : « Tam-Đại trở lên có phép, Tam-Đại về sau không có phép, tại làm sao ? Nhị đế tam vương biết thiên-hạ không thể không có ăn, trao cho ruộng để cày-cấy ; biết thiên-hạ không thể không có mặc, trao cho đất để giống dâu giống gai ; biết thiên-hạ không thể không có dạy, đặt ra nhà học nhà hiệu để dạy sự dạy ; định ra lễ hôn-nhân để ngăn sự dâm ; nuôi sĩ-tốt, dùng binh-khí, để phòng sự loạn. Ấy là phép của đời Tam-Đại về trước, không bao giờ vì một mình mà lập ra. Bậc nhân-chủ đời sau, đã được thiên-hạ rồi, chỉ sợ cái tội-mệnh của mình không được lâu-dài, con cháu không thể giữ được có mãi, lo nghĩ đến việc chưa xảy ra mà lập làm phép. Như thế thì cái gọi là phép là cái phép của một nhà chứ không phải cái phép của thiên-hạ. Ấy cho nên nhà Tần biến phong-kiến làm quận-huyện, vì quận-huyện có thể lấy được làm của tư của ta ; nhà Hán đặt ra thứ-nghị<sup>17</sup> để làm phiên-bình cho ta, nhà Tống giải binh của các phương-trấn, vì cho là phương-trấn không lợi cho ta. Những phép ấy không có chút gì là cái lòng vì thiên-hạ cả mà cũng gọi là phép được vậy, ôi ! Phép của đời Tam-Đại chứa thiên-

hạ ở trong thiên-hạ. Cái lợi sơn-trạch bất tất phải lấy hết ; cái quyền thưởng-phạt không ngờ có sai-sót ; kẻ quí không chỉ ở triều-đình, kẻ tiện không chỉ ở chỗ thảo-mãng. Người đời sau bàn phép ấy cho là rất sơ-lược, người trong thiên-hạ không thấy cái khả muốn của kẻ trên, không thấy cái khả ghét của kẻ dưới. Phép càng sơ mà cái loạn càng ít, ấy thế gọi là « vô pháp chi pháp » vậy. Phép của hậu-thế, chứa thiên-hạ vào trong rương-hòm, cái lợi không muốn để rơi xuống cho kẻ dưới ; cái phúc chỉ muốn giữ cho kẻ trên. Dùng một người thì nghi có tự tư ; lại dùng một người nữa để hạn-chế cái tư ; làm một việc, thì lo người ta lừa-dối, lại đặt ra một việc nữa để phòng cái lừa-dối. Người trong thiên-hạ ai cũng biết cái rương-hòm ở chỗ nào, ta cứ ngay-ngáy chỉ lo ở chỗ rương-hòm đó, cho nên phép không thể không chu-mật. Phép càng chu-mật mà cái loạn của thiên-hạ lại sinh ra ở trong cái phép, ấy thế gọi là « phi pháp chi pháp » vậy... » (*Nguyên pháp*)

Đại-đế, Hoàng Lê-châu là một nhà học-giả hiểu thấu tới chỗ sâu-xa của Nho-giáo về đường chính-trị, và thấy rõ cái bệnh của những người làm vua làm quan xưa nay, chỉ biết cái tư mà không biết cái công, học một đường làm một nẻo, cho nên cái đạo của thánh-hiễn tuy hay mà vẫn không hiệu-quả.

Môn-đệ của ông là Vạn Tư-Đồng 萬斯同, tự là Quý-dã 季野, người đất Ngân-huyện, tỉnh Chiết-giang. Vạn Quý-dã cho từ đời nhà Đường về sau, người làm sử là quan của vua đặt ra, làm không được đúng sự thực, bèn một mình làm bộ Minh-sử. Luận-giả cho sau Tư-mã Thiên và Ban Cố có một Quý-dã mà thôi.

Sau lại có Toàn Tổ-Vọng 全祖望, tự là Thiệu-y 紹衣, người đồng huyện với Vạn Tư-Đồng, và là tư-thực Hoàng Lê-châu. Toàn Thiệu-y là người có tiếng trong đời Càn-long, phê-bình và phát-minh cái học của các danh-nho trong đời Thanh-sơ.

Cái học trí lương-tri của Vương Dương-minh truyền đến Lưu Trấp-sơn và Hoàng Lê-châu thì ở nước Tàu không có ai tiếp-tục mà giảng dạy nữa. Song cái học ấy truyền sang nước Nhật-bản thì lại thịnh-hành cho đến ngày nay.

# VƯƠNG DƯƠNG-MINH-HỌC Ở NHẬT-BẢN

Nguyên từ cuối thế-kỷ thứ XII đã có người Nhật-bản như Huyền Huệ 玄惠. (Gen-e) và Viên Nguyệt 圓月 (Engetsu) rất thâm lý-học của Tống-nho. Đến thế-kỷ thứ XVI, vào quãng năm Vạn-lịch đời vua Thần-tông nhà Minh, có Lâm La-sơn 林羅山 (Haysha Rozan) chủ-trương việc công-nhận cái học Trình Chu làm chính học.

Vào quãng đầu đời nhà Thanh mới có Trung-giang Đằng-thụ 中江藤樹 (Nakac Toju) giảng cái học của Vương Dương-minh, người Nhật-bản gọi là Oyomei. Môn-đệ của Trung-giang Đằng-thụ là Hùng-trạch Phiên-sơn 熊澤蕃山 (Kumazawa Banzan) mở rộng cái học ấy ra ở Nhật-bản. Về sau cái học của Vương Dương-minh đi đôi với Thiền-học (Zen) càng ngày càng mạnh lên, là được cái học của Trình Chu và có cái hiệu-quả rất hay trong thời-kỳ duy-tân trước đời Minh-trị.

Người Nhật-bản sở dĩ chuộng cái học của Vương Dương-minh là vì cái học ấy thiết-thực và rất có nghị-lực. Nhất là theo cái học của môn-phái Thái-châu, đã nói cái đại-lược ở trên, thì lại thích-hợp với tính-tình của người Nhật-bản, cho nên mới chóng thịnh-hành như thế. Hiện nay thường những người Nhật-bản có học-thức là không mấy người không đọc sách của Dương-minh. Đó là cái trưng-chứng rõ-ràng là cái học ấy rất bổ-ích cho thế-sự.

Cái học của Vương Dương-minh, như ta đã xét rõ ngành-ngọn, là cái học rất cao-minh và có đầy những tiềm-lực rất hợp với cái tâm-học của họ Khổng họ Mạnh. Nhưng tiếc vì cái học ấy chỉ sáng chói-lợi được một khoảng thời-gian rồi lại mờ-tối đi. Một phần là vì cái tập-quán học từ-chương đã thấm sâu vào trí-não người ta, khó mà tẩy-trừ đi được ; một phần là vì triều-đình nhà Thanh lại rất tôn-sùng cái học của Chu-tử, thành ra sĩ-phu trong nước học các kinh Truyện thường là phải học theo những lời chú-thích của họ Trình họ Chu và đâu đâu cũng lấy đó làm chuẩn-đích cho sự học-tập và thi-cử. Bởi thế cái học Trình Chu lan khắp cả thiên-hạ, và các học-phái khác cũng vì thế mà tiêu-diệt đi.

Song dù sao, cái học trí lương-tri của Vương Dương-minh tự nó có cái giá-trị rất cao về đường lý-tưởng, và nếu biết dùng cho đúng thì có



cái kết-quả rất tốt về đường thực-tiến, gây ra cái tinh-thần tự-chủ rất sáng-suốt và cái tính quả-cảm rất mạnh trong sự hành-vi, không có cái tính rụt-rè, ủy-mỹ. Ấy thế cũng đủ làm cho ta nên chú ý mà suy-xét cho kỹ vậy.

– CHUNG –

Một quyển sách đã được dư-luận trong nước đặc biệt chú ý :

## VĂN-HỌC VIỆT-NAM

VĂN-HỌC-SỬ \* GIẢNG VĂN

cỦa PHẠM VĂN ĐIỀU

\* Một tác-phẩm mở đầu trong « Tủ sách biên-khảo – Văn-khoa – Tân Việt ».

\* Một cuốn sách vĩ-đại trong văn-học giới.

\* Một thiên khảo-cứu và giảng-bình về văn-học Việt-nam mà ta có thể tự-phụ từ năm-mươi năm nay chưa có quyển nào đầy-đủ tinh-tường hơn.

\* Một công-trình đã được học-giới trong nước tán-thưởng và hoan-ngênh đặc biệt :

« ...Công-trình khảo-cứu cỦa nhà học-giả họ Phạm này rất lớn-lao và đáng tin-cậy... có thể nói là đầy-đủ hơn cả những sách Việt-nam văn-học-sử đã xuất bản từ trước đến nay. » ... (Bộ Quốc-gia giáo-dục, VĂN-HÓA NGUYỆT SAN, số 49, tháng 3-4 năm 1960)

« ...Trước hết chúng tôi muốn giới-thiệu Văn-học Việt-nam là một công-trình đáng kể. Tuy tác-giả rất thiếu-đáo vấn-đề, vẫn tỏ ra thận-trọng trong việc biên-soạn cũng như trong việc thành-hình một quan-niệm văn-học-sử mới. Trong lúc có những người đầu óc rỗng-tuếch mà cũng đua-đòi soạn văn-học-sử, tác-phẩm cỦa ông còn là một bằng-chứng lột trần những mảnh-khóe vay-mượn, chấp-nối cỦa những kẻ tiếu-xảo đang định nhập-nhằng khoát áo học-giả »... (TIN SÁCH, tháng 5, 1960)

« ...Ông đã cố gắng nhiều và khá thành công, cống-hiến cho độc-giả được nhiều điều bổ-ích, nhất là trong phần nhận-định về sử, phần khảo tiếu-sử, văn-nghệ của các văn, thi-sĩ, nhờ ông đã nghiên-cứu trực-tiếp trong những sách cổ viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm... Sự cống-hiến cỦa ông đáng kể là có giá-trị nhất sau công-việc khởi-thảo cỦa giáo-sư Dương Quảng-Hàm »... (Nguyễn Hiến-Lê, BÁCH KHOA, số 84 ngày 1-7-1960, và số 85 ngày 15-7-1960)

Sách dày hơn 800 trang – Gồm 14 bức phụ bản quý giá – Bìa bốn màu của Họa-sĩ Mai Lâm – Văn khảo-chứng gồm hơn 20.000 chữ Hán và

Nôm – Loại thường giá 200\$ 00

**NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT**  
*235, Phan thanh Giản – SAIGON*

Trong kỳ in lần thứ hai :

# **VIỆT-NAM VĂN-HỌC GIẢNG-BÌNH**

*của PHẠM VĂN ĐIỀU*

đã được tác-giả dày công-phu sửa-chữa và bổ-sung.

*Muốn có một sở-học chắc chắn, một sự hiểu-biết thật đầy-đủ để đỗ các kỳ thi **Trung-học Đệ-nhất** cũng như **Đệ-nhị** cấp các bạn tự-học và các bạn học-sinh đều không thể bỏ qua :*

## **« LOẠI SÁCH GIẢNG-LUÂN »** **TÂN VIỆT**

Mỗi tập gồm có 3 phần :

Phần I : Khảo-luận

Phần II : Giảng-văn

Phần III : Luận-đề

**Đã có bán :**

1. Giảng-luận về Nguyễn công Trứ (32đ.)
2. Giảng-luận về Cung-oán ngâm-khúc (32đ.)
3. Giảng-luận về Tản Đà Nguyễn khắc Hiếu (70đ.)
4. Giảng-luận về Phan bội Châu (32đ.)
5. Giảng-luận về Chu mạnh Trinh (58đ.)
6. Giảng-luận về Cao bá Quát và Cao bá Nhạ (58đ.)
7. Nghị-luận luân-lý (40đ.)
8. Giảng-văn Nghị-luận (60đ.)
9. Giảng-luận về Nguyễn Khuyến (40đ.)
10. Giảng-luận về Tôn thọ Tường và Phan văn Trị (58đ.)

**Lần-lượt sẽ phát-hành :**

11. Giảng-luận về Chinh-phụ ngâm
12. Giảng-luận về Trần tế Xương
13. Phương-pháp hành văn
14. Giảng-luận về Nguyễn đình Chiểu
15. Giảng-luận về Đoạn-trường Tân-thanh
16. Nghệ-thuật làm văn và đọc văn.

**Và :** bộ sách đã được hầu hết các trường Trung-học chính-thức dùng làm sách Giáo-khoa : **VIỆT-NAM THI-VĂN GIẢNG-LUẬN** (tập I 85 đ, tập II 130đ.)

**« LOẠI BIÊN-KHẢO VĂN-KHOA »  
TÂN VIỆT**

Cũng đã phát-hành : Văn học Việt-nam 200đ.

**Sắp có bán :**

- Vương Dương-minh và cái học trí lương-tri, *di-cảo của cụ TRẦN TRỌNG KIM*
- Vương An Thạch, *di-cảo của cụ ĐÀO TRINH NHẤT*

**NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT**  
235, Phan thanh Giản – SAIGON

**VƯƠNG DƯƠNG-MINH** của **TRẦN TRỌNG KIM** do nhà **TÂN VIỆT** xuất-bản và giữ bản quyền – lần thứ nhất in xong ngày 10-9-1960 tại nhà in riêng của nhà xuất-bản Giấy phép số 1658/X.B. năm 1960 của Hội-đồng kiểm-duyet Nam-phần.

**LOẠI BIÊN-KHẢO – VĂN-KHOA – TÂN VIỆT**

***Đã có bán : VĂN-HỌC VIỆT-NAM của PHẠM VĂN ĐIỀU***

***Lần lượt sẽ có bán :***

1. Vương An-thạch – Nhà đại chính-trị Đông-phương. *Di-cảo của ĐÀO TRINH NHẤT*
2. Vương Dương-minh (*In lần thứ hai*) của PHAN VĂN HÙM. Tác-phẩm đã được giải thưởng văn-chương năm 1944 của Hội khuyến-học Nam-phần V.N.

***Cũng đã khởi công : VĂN-HỌC VIỆT-NAM của PHẠM VĂN ĐIỀU***

**NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT**

*235, Phan thanh Giản – SAIGON*





# Notes

[\[← 1\]](#)

Đinh gian là người làm quan đời xưa, khi cha mẹ mất thì phải xin về nghỉ để lo việc tang-chế.

[\[←2\]](#)

Lúc ấy bên An-nam vào cuối đời vua Chiêu-tông nhà Lê.

Trong sách nhà Phật có câu chuyện rằng : « Một hôm bốn người mù, họp nhau bàn về hình con voi. Người thứ nhất trước đã sờ thấy chân con voi, tưởng là hình con voi như cái cột, nói quả quyết rằng con voi hình nó như cái cột. Người thứ hai trước đã sờ thấy cái vòi, tưởng là hình con voi như con đũa lớn, liền nói rằng : « Không phải, con voi hình nó như con đũa lớn ». Người thứ ba trước đã sờ thấy cái tai, tưởng là hình con voi như cái quạt, nói rằng : « Các anh lầm cả, hình con voi như cái quạt ». Người thứ tư trước đã sờ thấy cái đuôi, tưởng hình con voi như cái chổi, quát to lên rằng : « Thế mà các anh cũng đòi nói con voi. Tôi biết đích-xác là hình con voi như cái chổi ». Bốn người mù cãi nhau kịch-liệt, mà ai cũng tự cho mình là phải, vì mình đã sờ thấy rõ-ràng. Cãi nhau đến nỗi xuyt đánh nhau. Lúc ấy có một người đi qua, thấy bốn người mù cãi nhau, ghé vào hỏi vì duyên-cớ gì. Bốn người nói đầu-đuôi câu chuyện và nhờ người ấy phân-xử cho. Người ấy nói rằng : « Các anh mỗi người chỉ biết có một phần con voi, chứ không phải biết rõ cả toàn-thể của nó. Nó có chân như cái cột, chứ hình nó không phải như cái cột ; nó có cái vòi như con đũa, chứ hình nó không phải như con đũa; nó có tai như cái quạt, chứ hình nó không phải như cái quạt ; nó có cái đuôi như cái chổi, chứ hình nó không phải như cái chổi. Toàn thể con voi là gồm tất cả chân vòi tai đuôi ». Người ta cãi nhau là vì chỉ biết có một phần của toàn-thể, chứ không biết rõ cả toàn-thể.

[\[←4\]](#)

*Minh* 冥 là mờ tối.

[\[←5\]](#)

*Tư* 思 là suy nghĩ.

[\[←6\]](#)

*Lý-đạo* là dầy-xéo.

[←7]

Người Tàu và người Việt-nam ngày xưa tin rằng : muốn biết hài-cốt của ông cha mình thì lấy máu của con cháu đổ vào xương, hễ máu ấy thấm vào xương là phải, nếu máu ấy chảy trôi đi, không thấm vào xương là không phải. Hình-pháp thường dùng phép ấy để chứng-nghiệm khi có kiện tụng về thống hệ trong gia-tộc.



[\[←8\]](#)

Lợi-căn 利根 là cái gốc tốt, tức là nói cái thiên-tư minh-mẫn.

[\[←9\]](#)

Đây là Dương-minh nói lại cho rõ mấy điều Tiên Đức-Hồng đã nhắc lại khi nói chuyện với Vương Kỳ ở trên.

*Nghĩa tập 義集* là bởi cho vạn-vật ở trong trời đất mỗi vật có một nghĩa khác nhau, ta phải rình-mò tìm-tòi từng nghĩa một để ghép vào với nhau, chính như Chu-tử muốn bảo mọi sự đều hợp với cái nghĩa của nó, tức là cho cái nghĩa ở ngoài cái tâm.

Theo như Mạnh-tử thì hai chữ ấy trái với hai chữ *tập nghĩa 集義*. Tập nghĩa là nói ứng sự tiếp vật không có việc gì là không phải sự lưu-hành của tâm-thể. Cái tâm không ai thấy được, chỉ thấy ở việc. Tâm hợp ở việc, cho nên nói hợp ở nghĩa, như nước có nguồn, cây có gốc, cái khí sinh sinh vô cùng, tức là cho cái nghĩa ở cái tâm của mình.

[\[← 11\]](#)

*Thận-độc* 慎獨 theo cái nghĩa của Dương-minh là nói thận-trọng ở cái lý độc nhất trong vũ-trụ.

[\[← 12\]](#)

Nghĩa chữ *cách* của chữ nho thường dùng là theo sự giải-thích của Chu-tử cho *cách* là *cùng chí* : *cùng chí sự vật chi lý* 窮至事物之理. Vì có cái nghĩa ấy mà thành ra cái học *cùng lý*.

[\[← 13\]](#)

*Gia-ngũ*: « Tây gia hữu ngu-phu bất tri Khổng-tử vi thánh-nhân, nãi viết : bĩ đông-gia khâu 西家有愚夫不知孔子為聖人乃曰：彼東家丘. »

[\[ ← 14 \]](#)

*Thăng-đường*, lấy ở câu : « *Do giã thăng đường hỷ, vị nhập ư thất giã* 由也升堂矣未入於室也 : Do đã lên thêm, chưa vào nhà vậy. » (Luận-ngữ, Tiên-tiến). Ý nói ông Do là người học đã giỏi, nhưng chưa vào đến chỗ tinh-vi uyên-áo của đạo.

[\[← 15\]](#)

Bạch-sa tiên-sinh tên là Trần Hiến-Chương, cũng đồng thời với Vương Dương-minh. (Xem *Nho-giáo – Tân Việt xuất-bản*).



[\[← 16\]](#)

**務光** là bậc cao-sĩ đời nhà Hạ.

[\[← 17\]](#)

*Thứ*nghiệt 庶孽 là con thứ, con vợ lẽ.